

TÊN TỔ CHỨC
ORGANIZATION NAME
CÔNG TY CỔ PHẦN
THUẬN ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: 112.1/2025/CBTT-TDP

No: 112.1/2025/CBTT-TDP

Hưng Yên, ngày 11, tháng 12, năm 2025
Hưng Yên, day 11, month 12, year 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

To: - *The State Securities Commission;*
- *Hochiminh Stock Exchange;*
- *Hanoi Stock Exchange.*

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: Công ty cổ phần Thuận Đức

- Mã chứng khoán/*Stock code*: TDP

- Địa chỉ/*Address*: Thôn Bằng Ngang, xã Lương Bằng, tỉnh Hưng Yên.

- Điện thoại liên hệ/*Tel.*: 02213.810.705

Fax: 02213.810.706

- E-mail: info@thuanducjsc.vn

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure*: Công ty cổ phần Thuận Đức công bố Bản cáo bạch chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng và tài liệu đính kèm.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày, tại đường dẫn/*This information was published on the company's website on (date), as in the link*:

Ngày 11/12/2025, tại đường dẫn: <https://thuanducjsc.vn/quan-he-co-dong/cong-bo-cong-tin>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố/*Documents on disclosed information.*

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT

Person authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, position, and seal)



TỔNG GIÁM ĐỐC
BÙI QUANG SỸ

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0503000398 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 22/01/2007, cấp thay đổi lần thứ 17 số 0900264799 ngày 26/09/2024)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số: 458.../GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 05 tháng 12 năm 2025)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày/...../2025 tại:

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, xã Lương Bằng, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: +84 221 3810 705

Fax: +84 221 3810 706

Website: thuanducjsc.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Vietcap

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP

Địa chỉ: Tầng 15, Tháp tài chính Bitexco, số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: +84 28 3914 3588

Fax: +84 28 3914 3209

Website: www.vietcap.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Ông Bùi Quang Sỹ

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Số điện thoại: +84 0221 3 810 705

Hưng Yên, tháng năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0503000198, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 22/01/2007, cấp thay đổi lần thứ 17 số 0900264799 ngày 26/09/2024)



Thuanduc Jsc.,

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thuận Đức
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Giá chào bán:	15.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng cổ phiếu chào bán:	22.055.562 cổ phiếu
Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá:	220.555.620.000 (bằng chữ: Hai trăm hai mươi tỷ năm trăm năm mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi nghìn) đồng

TỔ CHỨC TƯ VẤN


Vietcap

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP

Địa chỉ: Tầng 15, Tháp tài chính Bitexco, số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: +84 28 3914 3588 Fax: +84 28 3914 3209

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

 **Grant Thornton**

ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN NĂM 2025

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN GRANT THORNTON VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 18, Tháp Quốc tế Hoà Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: +84 24 3850 1686



ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN NĂM 2023 VÀ 2024:
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG
VIỆT NAM

Địa chỉ: 16 Phan Chu Trinh, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Điện thoại: +84 24 3831 5100

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

MỤC LỤC

I.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	1
1.	Tổ chức phát hành	1
2.	Tổ chức tư vấn	1
II.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	2
1.	Rủi ro kinh tế	2
2.	Rủi ro về luật pháp.....	6
3.	Rủi ro do đặc thù ngành.....	7
4.	Rủi ro của đợt chào bán	8
5.	Rủi ro pha loãng.....	9
6.	Rủi ro quản trị công ty	10
7.	Rủi ro khác.....	11
III.	CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT.....	12
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	13
1.	Thông tin về Tổ chức phát hành	13
2.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành	14
3.	Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành.....	15
4.	Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành.....	16
5.	Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối	21
6.	Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành	22
7.	Thông tin khác về khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác	30
8.	Thông tin về chứng khoán đang lưu hành	30
9.	Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	32
10.	Hoạt động kinh doanh.....	32
11.	Chính sách đối với người lao động.....	63
12.	Chính sách cổ tức.....	66
13.	Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất	67
14.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty	71
15.	Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán	72
16.	Thông tin về cam kết của Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích	72
V.	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH.....	73
1.	Kết quả hoạt động kinh doanh	73

2. Tình hình tài chính.....	76
3. Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành.....	97
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức	99
VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG	101
1. Thông tin về cổ đông sáng lập.....	101
2. Thông tin về cổ đông lớn	101
3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.....	104
VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN	125
1. Loại cổ phiếu	125
2. Mệnh giá cổ phiếu	125
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán.....	125
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá.....	125
5. Giá chào bán dự kiến: 15.000 đồng/cổ phiếu	125
6. Phương pháp tính giá.....	125
7. Phương thức phân phối.....	125
8. Đăng ký mua cổ phiếu	126
9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu.....	127
10. Phương thức thực hiện quyền (trường hợp chào bán cổ phiếu ưu đãi):	128
11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu	128
12. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu	128
13. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành (trường hợp Tổ chức phát hành thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền).....	128
14. Hủy bỏ đợt chào bán (trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán được sử dụng để thực hiện dự án)	128
15. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài.....	128
16. Các loại thuế có liên quan đến cổ phiếu chào bán.....	129
17. Thông tin về các cam kết.....	130
18. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt.....	130
VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	130
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	138
X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN	144
1. Tổ chức tư vấn	144
2. Tổ chức kiểm toán	144
XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	145
XII. PHỤ LỤC	146

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Ông Nguyễn Đức Cường

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT, đại diện theo pháp luật

Ông Bùi Quang Sỹ

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bà Đào Thị Nga

Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP

Đại diện theo pháp luật: Bà Tôn Minh Phương

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn số 06/2025/HD-IB.Vietcap ngày 29/04/2025 với Công ty Cổ phần Thuận Đức. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Thuận Đức cung cấp.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Công ty Cổ phần Thuận Đức là một doanh nghiệp tại Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất các sản phẩm từ Polypropylene (PP) như túi shopping, bao PP, manh, hạt nhựa v.v. Đặc thù ngành nghề và phạm vi hoạt động dẫn đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng từ các nhân tố sau:

1. Rủi ro kinh tế

Hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp đều chịu ảnh hưởng của các biến động vĩ mô của nền kinh tế. Rủi ro về kinh tế được xác định là loại rủi ro hệ thống tạo ra từ yếu tố vĩ mô, trong đó các yếu tố cơ bản tác động đến hoạt động kinh doanh là i) tốc độ tăng trưởng kinh tế; ii) tỷ lệ lạm phát và iii) lãi suất.

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, thúc đẩy sự gia tăng của sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình.

Công ty Cổ phần Thuận Đức là doanh nghiệp hoạt động tại thị trường Việt Nam với 20% doanh thu đến từ hoạt động xuất khẩu. Vì vậy, hoạt động kinh doanh của công ty không chỉ chịu ảnh hưởng bởi nền kinh tế trong nước mà còn tình hình kinh tế thế giới.

Năm 2024, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường với nhiều yếu tố rủi ro, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn diễn ra ngày càng gay gắt, nhiều quốc gia tăng cường chính sách bảo hộ thương mại. Tuy nhiên, kinh tế thế giới đang dần ổn định khi thương mại hàng hóa toàn cầu được cải thiện trở lại, áp lực lạm phát giảm dần, điều kiện thị trường tài chính tiếp tục được nói lỏng, thị trường lao động phục hồi tích cực.

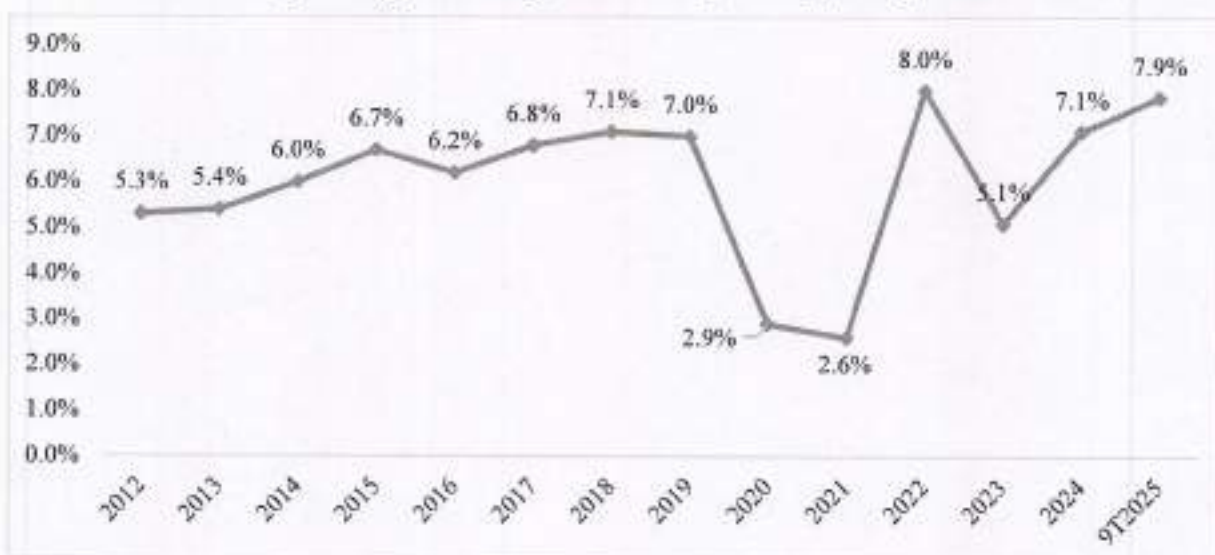
Trong 6 tháng đầu năm 2025, ba nền kinh tế lớn nhất thế giới đều có những thách thức riêng. Theo Reuters, nền kinh tế Mỹ đang chứng kiến hồi phục kinh tế khả quan nhờ chi tiêu tiêu dùng cá nhân, đầu tư kinh doanh và xuất khẩu được cải thiện với tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tăng 3,0%, tuy nhiên tốc độ tăng có xu hướng chậm hơn trong 3 năm liên tiếp. Ở chiều ngược lại, theo Ngân hàng Trung ương Châu Âu, Liên minh châu Âu (EU) hiện vẫn phải vật lộn với chi phí năng lượng cao và sự phục hồi chậm chạp với tốc độ tăng trưởng GDP chỉ 0.6%. Trong khi đó, theo dữ liệu chính thức từ Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc (NBS), Trung Quốc ghi nhận mức tăng trưởng GDP mạnh mẽ 5.3% nhờ sản xuất công nghiệp tăng 6.4% so với cùng kỳ, đồng thời ngành dịch vụ mở rộng 5.5% so với cùng kỳ. Việc điều chỉnh chính sách tiền tệ được mỗi nước thực hiện một cách thận trọng, dựa trên dữ liệu thực tế để bảo đảm kiểm soát được áp lực lạm phát trong dài hạn. Bên cạnh đó, các quốc gia cũng đang thúc đẩy cải cách thị trường trong nước theo hướng phát triển xanh nhiều hơn nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững và tăng sức cạnh tranh trong tương lai.

Tại thị trường Việt Nam, theo Niên Giám Thống kê 2024 xuất bản bởi Cục Thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2024 sơ bộ tăng 7,09% so với năm 2023, cao hơn mục tiêu đề ra và là mức tăng trưởng tích cực so với các quốc gia trên thế giới. Trong bối cảnh tình hình kinh tế, chính

trị thế giới biến động khó lường, đây được xem là mức tăng trưởng tích cực. Các chỉ tiêu thống kê của Tổng cục thống kê cũng cho thấy tình hình kinh tế vĩ mô trong nước tiếp tục ổn định, cung cầu hàng hóa thiết yếu được bảo đảm, hoạt động mua sắm hàng hóa, tiêu dùng nội địa duy trì tăng trưởng; xuất khẩu hàng hóa tiếp tục đạt mức tăng cao; ngành du lịch phục hồi mạnh mẽ. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tiếp tục là trụ đỡ vững chắc của nền kinh tế với mức tăng trưởng ổn định, bảo đảm tiêu dùng trong nước và đáp ứng nhu cầu của khu vực và thế giới.

Đặc biệt, theo số liệu của Cục Thống kê, trong 9 tháng đầu năm 2025, GDP tăng 7,85% so với cùng kỳ năm trước, mức cao nhất của giai đoạn nửa đầu năm trong vòng 15 năm. Trong đó, nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,83% (đóng góp 5,36%), công nghiệp và xây dựng tăng 8,69% (đóng góp 43,05%), và dịch vụ tăng 8,49% (đóng góp 51,59%). Đây là cơ sở quan trọng để kỳ vọng sự phát triển mạnh mẽ hơn của nền kinh tế Việt Nam trong thời gian tới.

Hình 1: Tăng trưởng GDP hàng năm của Việt Nam giai đoạn 2013 – 9T2025



Nguồn: Tổng cục thống kê

Tại Thuận Đức, doanh thu từ thị trường quốc tế phục hồi mạnh mẽ và đóng góp phần lớn tăng trưởng vào lợi nhuận của công ty trong năm 2024. Chỉ tính riêng thị trường xuất khẩu, doanh số và sản lượng sản phẩm ghi nhận mức tăng trưởng lên tới 46%. Để đạt được kết quả này là nhờ vào các chính sách tiết giảm chi phí cũng như chi phí tài chính giảm, lãi suất vay vốn toàn thị trường giảm trong cả năm.

Sự biến động của các thị trường quốc tế và trong nước tạo áp lực cho Công ty phải liên tục tìm kiếm thị trường mới, tránh phụ thuộc với một số thị trường nhất định, đồng thời phải mở rộng phát triển sản phẩm để phù hợp với nhiều thị trường mới và mở rộng được tệp khách hàng chất lượng và ổn định hơn

1.2. Rủi ro lạm phát

Lạm phát là yếu tố vĩ mô có thể tác động đến tất cả chủ thể trong nền kinh tế, ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế nói chung và Công ty nói riêng. Rủi ro lạm phát tăng sẽ dẫn đến tăng chi phí sản xuất kinh doanh trong khi giá hàng hóa lại bị ảnh hưởng bởi nhu cầu thị trường.

Hình 2: Tỷ lệ lạm phát hàng năm của Việt Nam giai đoạn 2013 – 9T2025



Nguồn: Tổng cục thống kê

Theo số liệu công bố của Tổng cục thống kê, chỉ số giá tiêu dùng cả nước (CPI) bình quân năm 2023 tăng 3,25%, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra tại Nghị quyết số: 68/2022/QH15 ngày 10/11/2022. Có được kết quả như vậy là do trong năm nhiều giải pháp được tích cực triển khai như: Giảm mật bằng lãi suất cho vay, ổn định thị trường ngoại hối; thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công; triển khai các gói tín dụng hỗ trợ các ngành, lĩnh vực; giảm thuế giá trị gia tăng với một số nhóm hàng hóa và dịch vụ từ 10% xuống 8% từ ngày 01/07/2023 theo Nghị định 44/2023/NĐ-CP ngày 30/06/2023; giảm thuế môi trường với nhiên liệu bay; miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, tiền sử dụng đất, hỗ trợ doanh nghiệp; gia hạn visa cho khách du lịch; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của thị trường trái phiếu doanh nghiệp, bất động sản; công tác an sinh xã hội được quan tâm thực hiện. Theo đó, thị trường các mặt hàng thiết yếu không có biến động bất thường, nguồn cung được bảo đảm. Ngoài ra, giá một số mặt hàng giảm theo giá thế giới cũng đã góp phần giúp giảm áp lực lạm phát như giá xăng dầu bình quân năm 2023 giảm 11,02% so với năm 2022, giá gas giảm 6,94%. Vì vậy, năm 2023 Việt Nam đã thành công trong kiểm soát lạm phát.

Trong năm 2024, thị trường hàng hóa thế giới có nhiều biến động do ảnh hưởng bởi các yếu tố chính trị, kinh tế, xã hội của các quốc gia. Cuộc cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, xung đột quân sự Nga – Ukraine và tại dải Gaza kéo dài, bất ổn leo thang trên Biển Đỏ. Kinh tế thế giới tiếp tục trải qua giai đoạn khó khăn, tăng trưởng chậm, triển vọng phát triển trong ngắn hạn và trung hạn còn nhiều thách thức, lãi suất ngân hàng của các nước vẫn ở mức khá cao. Biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh tác động nặng nề, đặc biệt tình trạng nắng nóng, hạn hán vì hiện tượng El Nino dẫn đến nguy cơ mất an ninh lương thực tiềm ẩn tại một số quốc gia và khu vực. Lạm phát toàn cầu đang có biểu hiện đi ngang sau một thời gian giảm nhanh nhưng trước bức tranh kinh tế

khó đoán định khiến xu hướng nới lỏng chính sách tiền tệ của các nền kinh tế lớn vẫn chưa rõ rệt. Trong nước, Chính phủ tiếp tục thực hiện chính sách giảm thuế, phí, lệ phí để hỗ trợ cho người dân và doanh nghiệp, như: giảm 50% mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 31/12/2024 (theo Nghị quyết 42/2023/UBTVQH15, ngày 18/12/2023 của Quốc hội về mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn); giảm 2% thuế VAT đối với một số nhóm hàng hóa, dịch vụ từ ngày 01/7/2024 đến hết năm 2024 (theo Nghị định số 72/2024/NĐ-CP, ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 142/2024/QH15, ngày 29/6/2024 của Quốc hội); giảm mức thu đối với 36 khoản phí, lệ phí để hỗ trợ cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp, người dân từ kể từ ngày 01/7/2024 đến hết ngày 31/12/2024 (theo Thông tư số 43/2024/TT-BTC, ngày 28/6 của Bộ Tài chính ban hành quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh),... những chính sách này đã góp phần giảm bớt áp lực lạm phát. Theo đó, giá hàng hóa và dịch vụ trên thị trường không có biến động bất thường và lạm phát được duy trì trong tầm kiểm soát, bình quân năm 2024, CPI tăng 3,63% so với năm 2023, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024.

1.3. Rủi ro lãi suất

Bên cạnh lạm phát, lãi suất có ý nghĩa quan trọng tác động tăng trưởng kinh tế mà Công ty phải luôn theo dõi và cập nhật thường xuyên để hoạch định chiến lược đầu tư phù hợp. Đa số doanh nghiệp đều sử dụng vốn vay từ ngân hàng để bổ sung cho hoạt động kinh doanh. Lãi suất cho vay hình thành nên chi phí vốn và là chi phí đầu vào của quá trình sản xuất kinh doanh; có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Nếu lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại tăng sẽ khiến cho chi phí đầu vào và giá thành sản phẩm tăng lên, khiến lợi nhuận và khả năng cạnh tranh suy giảm, dẫn đến thua lỗ và thậm chí phá sản. Khi đó, các doanh nghiệp sẽ có xu hướng cắt giảm và thu hẹp quy mô hoạt động.

Trong năm 2023, Ngân hàng nhà nước (NHNN) đã điều chỉnh giảm các mức lãi suất bốn lần với mức giảm từ 0,5% đến 2,0%/năm, trong bối cảnh lãi suất thế giới tiếp tục tăng và neo ở mức cao; đồng thời có nhiều văn bản chỉ đạo, trực tiếp làm việc với các tổ chức tín dụng đề nghị tiết giảm chi phí, giảm lãi suất huy động để giảm mặt bằng lãi suất cho vay. Cụ thể: (1) Giảm 1,5%/năm lãi suất tái cấp vốn và lãi suất chiết khấu, giảm 2,0%/năm lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện từ liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN đối với TCTD; (2) Giảm 0,5% đến 1,25%/năm lãi suất tối đa tiền gửi bằng đồng Việt Nam kỳ hạn dưới 6 tháng; (3) Giảm 1,5%/năm mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam của tổ chức tín dụng đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế.

Trong năm 2024, NHNN tiếp tục giữ nguyên các mức lãi suất điều hành nhằm tạo điều kiện cho các tổ chức tín dụng tiếp cận nguồn vốn từ NHNN với chi phí thấp để góp phần hỗ trợ nền kinh tế. Việc giảm lãi suất huy động sẽ giảm gánh nặng lãi vay và qua đó tác động tích cực đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Để tài trợ cho hoạt động kinh doanh, Công ty có sử dụng nguồn vốn vay ngắn hạn và dài hạn từ các ngân hàng. Tại ngày 30/09/2025, tổng số dư nợ ngắn hạn và dài hạn của Công ty hợp nhất là 2.847 tỷ đồng chiếm 68% tổng tài sản. Vì vậy, bất kỳ sự thay đổi nào của Ngân hàng nhà nước và ngân

hàng thương mại về chính sách tiền tệ, lãi suất cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Lãi suất tăng làm chi phí tài chính tăng, ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

1.4. Rủi ro về tỷ giá

Về điều hành tỷ giá, song song với việc điều hành linh hoạt nghiệp vụ thị trường mở, trong năm 2023, NHNN cho biết đã mua được lượng lớn ngoại tệ với hơn 6 tỷ USD để bổ sung dự trữ ngoại hối, đưa mức dự trữ ngoại hối Nhà nước lên mức 87 tỷ USD vào cuối năm 2023. Việc gia tăng dự trữ ngoại hối giúp cho NHNN có nhiều dư địa trong điều hành chính sách linh hoạt và ổn định tỷ giá, nâng cao giá trị tiền đồng, đặc biệt là trong bối cảnh thị trường biến động mạnh.

Trong năm 2024, hàng hóa xuất khẩu của Công ty chiếm khoảng 20,3% tổng doanh thu, và khoảng 10% nguyên vật liệu (hạt nhựa nguyên sinh) của Công ty cũng được nhập khẩu. Hầu hết doanh thu xuất khẩu được thanh toán bằng USD, việc mua nguyên vật liệu chủ yếu được thanh toán bằng VND và một phần nhỏ là USD. Do đó việc điều hành chính sách tỷ giá hối đoái của Ngân Hàng Nhà Nước cũng như tỷ giá hối đoái trên thị trường sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của Công ty. Tuy nhiên, theo báo cáo của Viện Đào tạo và Nghiên cứu BIDV, chính sách tiền tệ của FED sẽ được đảo chiều theo hướng nới lỏng, hỗ trợ phục hồi và tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm và kiểm soát lạm phát. Việc FED giảm lãi suất sẽ làm giảm sức ép tỷ giá USD/VND, kích thích tăng trưởng và tiêu dùng tại một số thị trường nước ngoài, tăng sức cạnh tranh của các mặt hàng tiêu dùng Việt Nam, tạo cơ hội cho hoạt động xuất khẩu của Công ty.

Theo báo VNBusiness, tại Họp báo thông tin kết quả hoạt động ngân hàng năm 2024 và triển khai nhiệm vụ trong năm 2025, NHNN khẳng định rằng tỷ giá trong năm sẽ phải chịu nhiều áp lực, đặc biệt từ các chính sách kinh tế của Mỹ. Việc Mỹ tăng thuế nhập khẩu dự kiến sẽ tiếp tục tác động mạnh đến dòng vốn toàn cầu và gây áp lực lên tỷ giá tại các nền kinh tế đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Bắt đầu từ 01/08/2025, Tổng Thống Mỹ Donald Trump đã ký sắc lệnh hành pháp về việc áp đặt thuế quan mới với các đối tác thương mại chưa đạt được thỏa thuận với Washington trước thời hạn chót 0h01 ngày 1/8. Trong Phụ lục 1 kèm theo sắc lệnh, mức thuế quan mới dao động từ 10-41%. Danh sách này có cả các quốc gia, vùng lãnh thổ đã và chưa đạt thỏa thuận thương mại với Mỹ. Những quốc gia, vùng lãnh thổ không có mặt trong danh sách chịu mức thuế quan 10%. Đáng chú ý, Mức thuế áp dụng cho Việt Nam là 20%, cao hơn các nước đối thủ chính trong khu vực Đông Nam Á (19%). Tỷ giá USD/VND tiếp tục có phiên giao dịch ổn định trước các yếu tố tác động trái chiều của thị trường trong và ngoài nước. Các hoạt động điều tiết cung tiền được điều chỉnh linh hoạt từ ngân hàng nhà nước nhằm bình ổn tỷ giá trước các tác động từ thị trường quốc tế.

2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro về luật pháp là rủi ro phát sinh do việc không áp dụng kịp thời, không phù hợp các văn bản pháp luật trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh của Công ty.

Là một công ty cổ phần, công ty đại chúng, và đang được niêm yết tại HOSE nên CTCP Thuận Đức bị chi phối bởi các văn bản pháp luật do Nhà nước quy định, trong đó trọng yếu là Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thương mại, Luật Đầu tư, ... và các văn bản pháp luật khác liên quan đến các ngành nghề hoạt động của Công ty.

Ngoài ra, công ty còn phải tuân thủ các quy định pháp lý tại thị trường xuất khẩu, đặc biệt là các tiêu chuẩn kỹ thuật, môi trường, và an toàn sản phẩm tại Mỹ, EU, Nhật Bản... Những thay đổi đột ngột hoặc siết chặt trong quy định của các thị trường này có thể làm phát sinh chi phí tuân thủ, chậm trễ giao hàng, hoặc thậm chí mất quyền tiếp cận thị trường.

3. Rủi ro do đặc thù ngành

3.1. Rủi ro về các thị trường xuất khẩu

Những thay đổi trong các chính sách từ các thị trường nhập khẩu có thể có những ảnh hưởng theo chiều hướng khác nhau của Công ty.

Theo Ủy ban Châu Âu (EC), Chỉ thị Single-Use Plastics Directive (SUPD), áp dụng từ tháng 7/2021, đã cấm các sản phẩm nhựa dùng một lần. Từ đó, Châu Âu siết chặt những các quy định về quản lý hóa chất ngành nhựa. Điều này đã tạo điều kiện thuận lợi cho ngành sản xuất túi PP của Việt Nam. Tuy nhiên, nếu chính sách thay đổi thì có thể ảnh hưởng đến ngành sản xuất túi PP của Việt Nam.

Bên cạnh đó, các quốc gia xuất nhập khẩu áp dụng biện pháp chống phá giá và chống trợ cấp đối với các sản phẩm nhựa PE, PP, và PET như Mỹ, EU nhằm bảo vệ ngành bao bì trong nước. Những thay đổi trong chính sách này có thể ảnh hưởng tiêu cực đến doanh thu của Tổ Chức Phát Hành khi mà 20% doanh thu đến từ các hoạt động xuất khẩu năm 2024.

Ngoài ra, Mỹ, EU, Nhật Bản và nhiều thị trường phát triển đang ngày càng siết chặt tiêu chuẩn về thành phần nhựa, khả năng tái chế và quy trình sản xuất xanh. Nếu doanh nghiệp không kịp đáp ứng, hàng hóa có thể bị từ chối nhập khẩu hoặc mất lợi thế cạnh tranh.

3.2. Rủi ro về cạnh tranh

Cạnh tranh trên thị trường trong nước và ngoài nước có thể có những ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất cũng như khả năng sinh lời của Công ty Cổ phần Thuận Đức.

Với mức biên lợi nhuận có tiềm năng phát triển lớn cũng như thời gian thu hồi vốn nhanh, nên những năm gần đây số lượng doanh nghiệp tham gia vào lĩnh vực sản xuất sản phẩm bao bì nhựa ngày càng gia tăng đáng kể. Quy mô của các doanh nghiệp này hầu hết vẫn là nhỏ lẻ, tuy nhiên nhiều doanh nghiệp tham gia sản xuất lĩnh vực này có khả năng tạo ra áp lực cạnh tranh đối với Công ty. Ngoài ra, sức ép cạnh tranh còn đến từ các doanh nghiệp FDI do có nhiều lợi thế hơn so với các doanh nghiệp trong nước về máy móc, công nghệ, kinh nghiệm quản trị và tài chính.

Báo cáo của Hiệp hội Nhựa Việt Nam cho biết năm 2024 ngành nhựa Việt Nam duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định. Hiện Việt Nam có 4.000 doanh nghiệp nhựa hoạt động, trong đó 90% là doanh nghiệp vừa và nhỏ, đa phần là xưởng gia công cho các doanh nghiệp nước ngoài, các thiết bị máy móc trong ngành phải nhập ngoại. Do đó, khi tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu, các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và Công ty Cổ phần Thuận Đức nói riêng phải đối mặt với nhiều đối thủ cạnh tranh lớn như Trung Quốc. Các doanh nghiệp nhựa Trung Quốc có thời gian hoạt động lâu năm với lợi thế nổi bật như mẫu mã đa dạng, giá thành rẻ, khả năng cung ứng nhanh. Tuy nhiên, các doanh nghiệp Trung Quốc phải đối mặt với các hàng rào thuế quan khi xuất khẩu và tiêu thụ tại thị trường Việt Nam và khi xuất khẩu sang thị trường Mỹ và châu Âu thì phải chịu tác động của rào cản chiến tranh thương mại cùng các loại thuế suất khác.

3.3. *Rủi ro về nguyên liệu đầu vào*

Nguyên liệu đầu vào của các sản phẩm của Công ty một phần là các vật liệu tái chế như bao xi, nhựa phế và hạt nhựa nguyên sinh được thu mua trong nước kết hợp với các phụ gia có thể dễ dàng thu mua qua các nhà phân phối trong nước như Công Ty Cổ phần Thương Mại và Dịch Vụ Lâm Anh, Công ty Cổ phần sản xuất thương mại Tân Việt Sinh, Công ty Cổ Phần STAVIAN Hoá Chất, v.v. Một phần nguyên vật liệu và các phụ gia khác như Bopp& Màng bopp bóng 18Mic các khổ, Rpet & vải không dệt các khổ, tem, khóa các loại được nhập khẩu trực tiếp phần lớn từ Trung Quốc qua đường chính ngạch. Việc nhập khẩu nguyên phụ liệu đầu vào của Công ty tương đối ít, chiếm tỷ lệ khoảng 3% nguyên phụ liệu hàng năm

3.4. *Rủi ro về chất lượng sản phẩm*

Là doanh nghiệp sản xuất trong lĩnh vực bao bì đòi hỏi sự chính xác và công nghệ cao, sản phẩm đầu ra có thể gặp rủi ro không đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và bị người mua từ chối. Sản phẩm của Công ty được quyết định bởi các yếu tố quan trọng là chất lượng thành phẩm, tiến độ giao hàng và sự ổn định nguồn nguyên liệu.

Hiện nay, Công ty Cổ phần Thuận Đức đang có nguồn nguyên liệu dồi dào và ổn định, do đó rủi ro về chất lượng đầu ra chủ yếu đến từ quá trình sản xuất, trong đó sai sót trong thao tác của người lao động là một trong những nguyên nhân chính, đặc biệt là tại các nhà máy. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã thiết lập một quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm nghiêm ngặt trước khi xuất kho.

Do ngành nhựa bao bì có mức độ cạnh tranh cao, nên chất lượng, mẫu mã cũng như thương hiệu của Công ty phải luôn luôn cải tiến và nâng cao chất lượng, vị thế trên thị trường. Bên cạnh đó, Công ty còn chủ động trong việc đăng ký chứng nhận chất lượng sản phẩm với các tổ chức uy tín, đáp ứng yêu cầu của các thị trường khắt khe nhất như Mỹ, Nhật, Châu Âu, ...

4. *Rủi ro của đợt chào bán*

Đợt chào bán cổ phiếu của Công ty sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán tại thời điểm chính thức chào bán, các yếu tố vĩ mô, tâm lý của các nhà đầu tư cũng như sự hấp dẫn của cổ phần Công ty. Bên cạnh đó, đợt chào bán của Công ty cũng không có đơn vị bảo lãnh phát hành. Do vậy, có thể xảy ra rủi ro các cổ đông không thực hiện quyền mua, dẫn đến Công ty không huy động đủ vốn như dự kiến để triển khai theo phương án đã được HĐQT thông qua. Tuy nhiên, rủi ro từ đợt chào bán này được đánh giá là khá thấp vì đối tượng được nhận quyền mua là cổ đông hiện hữu của Công ty, là những người hiểu rõ định hướng phát triển, tình hình kinh doanh, cũng như năng lực Ban lãnh đạo Công ty. Đồng thời, cổ phiếu phát hành thêm được chào bán với giá 15.000 đồng/cổ phiếu. Đây là yếu tố tích cực góp phần thành công của đợt chào bán.

Trong trường hợp cổ phần không phân phối hết theo dự kiến và số lượng vốn huy động không đạt đủ như dự kiến, HĐQT sẽ tiếp tục chào bán cho các nhà đầu tư có nhu cầu và năng lực tài chính để mua số cổ phần không phân phối hết với giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. Đồng thời, HĐQT cũng chủ động tìm kiếm thêm nguồn tài trợ khác để bảo đảm huy động vốn đủ phục vụ kế hoạch kinh doanh của Công ty hoặc sẽ cân nhắc điều chỉnh cơ cấu vốn (sử dụng nguồn

vốn vay và vốn huy động hợp pháp khác) để thực hiện kế hoạch đầu tư. Tuy nhiên, phương án này sẽ làm tăng chi phí tài chính và giảm lợi nhuận kinh doanh của Công ty.

5. Rủi ro pha loãng

Pha loãng cổ phiếu là kết quả của việc phát hành thêm cổ phiếu phổ thông của một doanh nghiệp. Việc pha loãng cổ phiếu có thể gây ra ảnh hưởng như sau:

- Tỷ lệ phần trăm sở hữu hay quyền biểu quyết của các cổ đông hiện hữu có thể giảm xuống nếu các cổ đông hiện hữu không tham gia mua cổ phần phát hành thêm trong khi vốn điều lệ Công ty sẽ tăng lên sau đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng với sự tham gia của các cổ đông khác.
- Sau khi hoàn thành đợt chào bán, thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) sẽ bị pha loãng do tăng tổng số lượng cổ phiếu lưu hành và việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phần mới chưa tạo ra doanh thu và lợi nhuận ngay trong năm 2024. Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu có thể bị giảm (bị pha loãng) do tổng số lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên so với hiện tại.
- Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BVPS) có thể bị giảm (bị pha loãng) do tổng số lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên so với hiện tại. Tại thời điểm kết thúc đợt phát hành, nếu tốc độ tăng trưởng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phiếu sau đợt phát hành (giả sử các yếu tố khác không thay đổi) thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu sẽ giảm.

5.1. Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu sau khi phát hành thêm

Giá cổ phần TDP sẽ bị điều chỉnh kỹ thuật khi thực hiện phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu trong trường hợp giá giao dịch tại ngày thực hiện quyền lớn hơn giá chào bán. Giá pha loãng khi có cổ phần mới phát hành được xác định theo công thức sau:

$$P = \frac{P_{t-1} + (I_R \times P_R)}{1 + I_R}$$

- Trong đó:

P : là giá thị trường của cổ phần sau khi bị pha loãng

P_{t-1} : là giá thị trường của cổ phần trước khi bị pha loãng

I_R : tỷ lệ vốn tăng

P_R : là giá cổ phần sẽ bán cho người nắm quyền mua cổ phần trong đợt phát hành mới

- Tham khảo:

P_{t-1} : Giá sử, giá cổ phiếu TDP trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 33.000 đồng/cổ phiếu

P_R : Giá cổ phần sẽ bán cho người nắm giữ quyền mua cổ phần trong đợt phát hành mới là 15.000 đồng/cổ phiếu

I_R : tỷ lệ vốn tăng khi chào bán và phát hành cho cổ đông hiện hữu là 25,0% (tỷ lệ 4:1)

P: Giá tham chiếu cổ phiếu TDP trong ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới để tăng vốn là:

$$P = \frac{P_{t-1} + (I_R \times P_R)}{1 + I_R} = \frac{33.000 + (25,0\% \times 15.000)}{1 + 25,0\%} = 29.400 \text{ đồng/cổ phần}$$

5.2. *Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu*

$$\begin{array}{l} \text{Thu nhập} \\ \text{(lãi) cơ bản} \\ \text{trên cổ phiếu} \\ \text{(EPS)} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông} \\ \text{sở hữu cổ phiếu phổ thông} \end{array} - \frac{\begin{array}{l} \text{Số trích quỹ khen thưởng,} \\ \text{phúc lợi (nếu có)} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu} \\ \text{hành trong kỳ} \end{array}}$$

EPS theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm 2023 của Công ty là 507 đồng/cổ phiếu và theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 là 1.087 đồng/cổ phiếu. Sau khi hoàn thành đợt chào bán, EPS sẽ bị pha loãng do tăng tổng số lượng cổ phiếu lưu hành và việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phần mới chưa thể tạo ra doanh thu và lợi nhuận ngay. Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu sẽ được hạn chế nếu Công ty sử dụng tối ưu nguồn vốn huy động được, duy trì tốt hoạt động và tăng cường, phát huy thế mạnh của mình để bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục tăng trưởng tốt sau đợt chào bán.

5.3. *Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BVPS)*

$BVPS = (\text{Nguồn VCSH hợp nhất} - \text{Lợi ích cổ đông không kiểm soát} - \text{Giá trị cổ phần ưu đãi theo mệnh giá} - \text{Tài sản cố định vô hình}) / (\text{Tổng số lượng cổ phiếu đã phát hành} - \text{Cổ phiếu quỹ} - \text{Số lượng cổ phần ưu đãi})$

Tại thời điểm 31/12/2023, giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần của Công ty là 11.302 đồng/cổ phiếu và tại thời điểm 31/12/2024 là 11.541 đồng/cổ phiếu.

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu có thể bị giảm (bị pha loãng) do tổng số lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên so với hiện tại.

Tại thời điểm kết thúc đợt phát hành, nếu tốc độ tăng trưởng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phiếu sau đợt phát hành (giả sử các yếu tố khác không thay đổi) thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu sẽ giảm.

5.4. *Rủi ro pha loãng về tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết*

Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của Cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối không thực hiện, hoặc chuyển nhượng quyền mua trong đợt phát hành này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà cổ đông có).

6. *Rủi ro quản trị công ty*

Trong bất kỳ ngành nghề kinh doanh nào, việc lựa chọn cơ cấu quản trị, cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro phù hợp là nền tảng quan trọng trong chiến lược quản trị rủi ro của doanh nghiệp. Tùy vào tình hình cụ thể của từng doanh nghiệp mà khung quản trị rủi ro cần được xây dựng phù hợp với chiến

lược của doanh nghiệp. Do vậy doanh nghiệp cần quan tâm từ những vấn đề cơ bản nhất để có thể tìm ra giải pháp hữu hiệu, giảm thiểu tối đa rủi ro cho doanh nghiệp.

Rủi ro quản trị công ty là một rủi ro tiềm ẩn, khó dự báo trước nhưng lại có thể ảnh hưởng rất lớn tới sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Rủi ro quản trị có thể xuất phát từ nguyên nhân chủ quan (sai sót của cấp quản lý do năng lực) và khách quan (biến động thị trường, thay đổi văn bản luật) gây tác động trực tiếp tới công tác quản trị tài chính, năng suất lao động, v.v. Do vậy, bất kỳ doanh nghiệp nào cũng cần phải có đủ khả năng nhận biết, đánh giá và khắc phục các rủi ro này để đảm bảo hiệu quả trong hoạt động quản trị.

Đối với CTCP Thuận Đức, để hạn chế đến mức thấp nhất rủi ro này, Công ty luôn chuẩn bị các kế hoạch rà soát chính sách, quy trình nội bộ, v.v. để đảm bảo mọi quyết định, hoạt động của các cấp quản lý luôn chính xác, đạt được mục tiêu chung của Công ty. Đồng thời, Ban lãnh đạo Công ty còn hợp tác với đơn vị tư vấn có uy tín để có được sự hỗ trợ tốt nhất trong việc cập nhật đầy đủ sự thay đổi của các văn bản luật, giúp Ban lãnh đạo đưa ra quyết định chính xác, đảm bảo lợi ích của Công ty.

CTCP Thuận Đức được thành lập và hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ năm 2007 và được đăng ký niêm yết tại HOSE từ năm 2020. Cơ cấu điều hành và quản trị của Công ty được thiết lập và tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan. Bên cạnh việc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin trong lĩnh vực chứng khoán, hệ thống quản trị của Công ty còn được Ban Kiểm soát trực thuộc HĐQT giám sát chặt chẽ. Do đó các hoạt động điều hành của HĐQT và Ban Tổng giám đốc luôn minh bạch và được giám sát một cách cẩn trọng.

Đối với đợt chào bán cổ phiếu này, Ban quản trị Công ty đã đề ra phương án tăng vốn khả thi và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Điều này cho thấy sự tin tưởng của cổ đông vào sự khả thi của phương án đối với sự phát triển của Công ty. Vì vậy, có thể thấy rủi ro từ hoạt động quản trị của Công ty là không lớn.

7. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng, ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty như hỏa hoạn, thiên tai, dịch họa, v.v. sẽ dẫn đến tổn thất hoặc thiệt hại đáng kể cho các nhà máy và có thể làm gián đoạn hoạt động sản xuất. Điều này sẽ dẫn đến sự chậm trễ trong việc cung cấp sản phẩm cho các khách hàng. Sự chậm trễ này sẽ ảnh hưởng đến danh tiếng của Công ty, gây ra tổn thất về mặt kinh doanh và ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh doanh và hiệu quả tài chính.


Công ty luôn tham gia mua và tái tục các hợp đồng bảo hiểm tài sản, gián đoạn kinh doanh, cháy nổ và vận chuyển hàng hoá. Tuy nhiên, Công ty không thể đảm bảo rằng các hợp đồng bảo hiểm này là đủ để bù đắp cho các chi phí thay thế máy móc và sửa chữa các cơ sở sản xuất của Công ty.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT

▪ BB	Biên bản
▪ BKS	Ban kiểm soát
▪ BCTC	Báo cáo tài chính
▪ CBCNV	Cán bộ công nhân viên
▪ Chính phủ	Chính phủ nước Cộng Hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam
▪ CPTPP	Hiệp định Đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương
▪ GCNĐKDN	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
▪ GCNĐKKD	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
▪ Công ty/ Thuận Đức/ TDP/ Tổ chức phát hành	Công ty Cổ phần Thuận Đức
▪ Thuận Đức Eco	Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco
▪ Thuận Đức Hưng Yên	Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên
▪ CTCP	Công ty cổ phần
▪ DTT	Doanh thu thuần
▪ ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
▪ Điều lệ	Điều lệ của Công ty Cổ phần Thuận Đức
▪ ĐVT	Đơn vị tính
▪ FTA	Hiệp định thương mại tự do
▪ HĐKD	Hoạt động kinh doanh
▪ HĐLĐ	Hợp đồng lao động
▪ HĐQT	Hội đồng quản trị
▪ HOSE	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
▪ KH&ĐT	Kế hoạch & Đầu tư
▪ SGDCK	Sở Giao dịch Chứng khoán
▪ SXKD	Sản xuất kinh doanh
▪ TGD	Tổng Giám đốc
▪ Thuế TNDN	Thuế thu nhập doanh nghiệp
▪ TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
▪ Tổ chức tư vấn/ Vietcap	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap
▪ UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
▪ UBND	Ủy ban nhân dân
▪ NHNN	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
▪ VCSH	Vốn chủ sở hữu
▪ VDL	Vốn điều lệ
▪ VSDC	Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin về Tổ chức phát hành

Tên đầy đủ	: CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài	: THUAN DUC JOINT STOCK COMPANY
Biểu tượng của Công ty	: 
Giấy chứng nhận ĐKDN	: Số 0503000198, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 22/01/2007, cấp thay đổi lần thứ 17 số 0900264799 ngày 26/09/2024
Trụ sở chính	: Thôn Bằng Ngang, xã Lương Bằng, tỉnh Hưng Yên
Điện thoại	: +84 221 3810 705
Fax	: +84 221 3810 706
Website	: thuanducjsc.vn
Vốn điều lệ	: 882.222.500.000 đồng (<i>Tám trăm tám mươi hai tỷ hai trăm hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng</i>)
Vốn điều lệ thực góp	: 882.222.500.000 đồng (<i>Tám trăm tám mươi hai tỷ hai trăm hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng</i>)
Ngành nghề kinh doanh chính	: Sản xuất các sản phẩm từ plastic (Mã ngành: 2220) Chi tiết: sản xuất nhựa tái chế, bao bì dẹt các loại
Người đại diện theo pháp luật	: Ông Nguyễn Đức Cường – Chủ tịch HĐQT
Mã cổ phiếu	: TDP
Sàn niêm yết	: HOSE
Năm trở thành công ty đại chúng	: 2018
Thời điểm bắt đầu đăng ký niêm yết	: 12/10/2020
Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là sản xuất các sản phẩm từ plastic (chi tiết: sản xuất nhựa tái chế, bao bì dẹt các loại), với các ngành nghề đăng ký kinh doanh bao gồm:	

Bảng 1: Ngành nghề đăng ký kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất các sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất nhựa tái chế, bao bì dệt các loại	2220 (chính)
2	In ấn Chi tiết: In bao bì	1811
3	Thu gom rác thải không độc hại Chi tiết: Thu gom, vận chuyển các loại phế liệu nhựa (trừ dịch vụ thu gom rác thải trực tiếp từ hộ gia đình)	3811
4	Tái chế phế liệu Chi tiết: Tái chế các loại phế liệu nhựa	3830
5	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
6	Bán buôn chuyên doanh các loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn nguyên liệu nhựa, bao bì dệt các loại	4669
7	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị, bao bì, vật tư các loại (Trừ vật phẩm ghi hình và hàng hóa thuộc danh mục dự trữ quốc gia)	8299
8	Đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được phép kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật	Ngành nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành

Công ty Cổ phần Thuận Đức được thành lập vào ngày 22/01/2007 tại Hưng Yên, Việt Nam bởi doanh nhân Nguyễn Đức Cường, là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất các sản phẩm từ hạt nhựa PP (Hạt nhựa PP, manh bao PP, túi shopping, v.v). Trải qua hơn 18 năm hình thành và phát triển, Công ty đã từng bước phát triển, nghiên cứu, đổi mới sản phẩm, phát triển mạng lưới.

Công ty bắt đầu sản xuất nhựa tái sinh từ năm 2007, sản xuất dệt PP và bao bì từ năm 2011, sản xuất túi siêu thị từ năm 2014, sản xuất bao bì B2B từ năm 2017 và sản xuất các sản phẩm PP không dệt từ năm 2021. Người sáng lập và phát triển Thuận Đức tới hiện tại là Ông Nguyễn Đức Cường – Chủ tịch HĐQT công ty giữ lửa nhiệt huyết từ khi phát triển nghề nghiệp một nhà máy nhỏ tới khi hệ thống đạt được 5 nhà máy vận hành như hiện tại. Triết lý kinh doanh luôn hướng tới khách hàng, phát triển doanh nghiệp bền vững trên nhiều mảng sản xuất xung quanh lĩnh vực bao bì nhựa PP. Ngay từ khi khởi nghiệp, Thuận Đức xác định chiến lược làm sản phẩm thiết yếu, sản phẩm của tương lai và là xu hướng tất yếu của tiêu dùng. Các sản phẩm của Thuận Đức đều khó làm, cần thời gian đầu tư lâu và cần có lao động kinh nghiệm làm sản phẩm kỹ thuật cao do vậy Thuận Đức luôn tích lũy kinh nghiệm, xây dựng thương hiệu giữ chân khách hàng tiếp cận và luôn hướng tới sở hữu khách hàng cuối cùng.

Bảng 2: Quá trình hình thành và phát triển

Năm	Cột mốc quan trọng
2007	Khánh thành nhà máy sản xuất bao bì hạt nhựa tái chế và bao dệt PP

Năm	Cột mốc quan trọng
2009	Công ty mở rộng sản xuất, đầu tư máy móc thiết bị phát triển mảng bao dệt pp phục vụ cho ngành nông nghiệp
2014	Mở nhà máy thứ hai tại Kim Động – Hưng Yên, sản xuất bao bì và túi xách siêu thị phục vụ thị trường xuất khẩu
2017	Mở nhà máy thứ 3 sản xuất bao bì phục vụ ngành chế biến nông sản, chế biến thức ăn chăn nuôi và phân bón
2018	30/08/2018: Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 73/2018/GCNCP-VSD, mã chứng khoán TDP, với 25 triệu cổ phiếu đăng ký. Sự kiện này được coi là bước nhảy vọt vượt bậc trong tiến trình phát triển của Thuận Đức. 11/07/2018: Thuận Đức chính thức trở thành Công ty đại chúng
2019	16/10/2019: Tăng vốn điều lệ lên 479.999.990.000 đồng 30/09/2019: Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên trở thành công ty con của Thuận Đức 23/04/2019: Thành lập chi nhánh Thanh Hóa, Đầu tư mở rộng thêm 01 nhà máy tại Thanh Hóa
2020	28/12/2020: Tăng vốn điều lệ lên 537.598.370.000 đồng 12/10/2020: Chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM với giá tham chiếu trong ngày đầu tiên 21.200 đồng/cổ phiếu. 16/08/2020: Khánh thành giai đoạn 1 Nhà máy Thái Yên tại Triệu Sơn, Thanh Hóa
2021	11/11/2021: Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Thuận Đức Bim Sơn – nhà máy sản xuất bao bì và túi xách siêu thị xuất khẩu 12/08/2021: Tăng vốn điều lệ lên 602.109.020.000 đồng 03/08/2021: TDP có thêm công ty con thứ hai - Công ty TNHH phát triển công nghệ Thuận Đức
2022	28/09/2022: - Tăng vốn góp và tăng công suất dự án nhà máy sản xuất bao bì và túi xách siêu thị xuất khẩu vào Công ty Cổ phần Thuận Đức Bim Sơn - Tăng vốn điều lệ lên 674.359.400.000 đồng
2023	18/07/2023: Tăng vốn điều lệ lên 755.279.930.000 đồng 02/11/2023: TDP được Saigon Rating – tổ chức xếp hạng tín nhiệm xếp loại mức “Vn BBB”
2024	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, nâng vốn điều lệ lên 882.222.500.000

Nguồn: CTCP Thuận Đức

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành

Cơ cấu của CTCP Thuận Đức và công ty con được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua. Tại thời điểm hiện tại, CTCP Thuận Đức có 01 công ty con sở hữu trực tiếp, 01 công ty liên kết. CTCP Thuận Đức có 01 chi nhánh tại Long An và 01 văn phòng tại Hà Nội.

Cơ cấu tổ chức của CTCP Thuận Đức ở thời điểm hiện tại, cụ thể như sơ đồ bên dưới:



Nguồn: CTCP Thuận Đức

▪ **Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên**

Địa chỉ: Thôn Lương Hội, xã Lương Bằng, tỉnh Hưng Yên.

▪ **Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco**

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, xã Lương Bằng, tỉnh Hưng Yên.

▪ **Văn phòng Hà Nội**

Địa chỉ: TM3-TM4 H4, Chung cư Hope Residence, Đường Chu Huy Mân, Phường Phúc Lợi, Thành phố Hà Nội.

Văn phòng đại diện là văn phòng làm việc của đội ngũ kinh doanh quốc tế, là nơi liên lạc giữa khu vực Hà Nội với trụ sở Công ty và các nhà máy tại Hưng Yên, Thanh Hóa.

▪ **Chi nhánh Long An**

Địa chỉ: Số 247B, Ấp 4, xã Hướng Thọ Phú, phường Long An, tỉnh Tây Ninh.

Chi nhánh Long An sẽ giữ vai trò là trung tâm để mở rộng phát triển thị trường khu vực miền Nam Việt Nam.

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành

CTCP Thuận Đức được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua. Tính đến ngày lập Bản Cáo Bạch này, cơ cấu quản lý của Công ty như sau:

Hình 3: Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành



Nguồn: CTCP Thuận Đức

4.1. Đại Hội Đồng Cổ Đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định trong Điều lệ của Công ty cụ thể như sau:

- Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

- Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

4.2. Hội Đồng Quản Trị

Hội Đồng quản trị (HĐQT) là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. HĐQT của Công ty hiện có 7 thành viên, gồm Chủ tịch HĐQT, 4 thành viên HĐQT và 2 thành viên HĐQT độc lập.

Danh sách thành viên HĐQT gồm:

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Nguyễn Đức Cường	Chủ tịch HĐQT
2	Ngô Kim Dung	Thành viên HĐQT
3	Bùi Quang Sỹ	Thành viên HĐQT
4	Trần Đăng Duy	Thành viên HĐQT
5	Nguyễn Kim Anh	Thành viên HĐQT
6	Trần Văn Thanh	Thành viên HĐQT độc lập
7	Nguyễn Văn Trường	Thành viên HĐQT độc lập

Nguồn: CTCP Thuận Đức

4.3. Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông. Các thành viên của Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong đó tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập BCTC nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Tổng giám đốc. Ban Kiểm soát của Công ty gồm 3 thành viên, bao gồm Trưởng Ban Kiểm soát và 02 thành viên Ban Kiểm soát. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ của Công ty.

Danh sách thành viên Ban kiểm soát gồm:

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Bùi Huy Hoàng	Trưởng Ban kiểm soát
2	Đỗ Thị Hồng Tự	Thành viên Ban kiểm soát
3	Dương Thị Thu Hoài	Thành viên Ban kiểm soát

Nguồn: CTCP Thuận Đức

4.4. Ban Tổng Giám Đốc

Ban Tổng Giám đốc của Tổ Chức Phát Hành gồm có 01 (một) Tổng Giám đốc, 02 (hai) Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu. Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm theo đề xuất của Tổng Giám đốc.

Ban Tổng Giám đốc hiện nay của Tổ Chức Phát Hành là những người có kiến thức chuyên môn sâu rộng, nhiều kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành trong lĩnh vực bao bì...

Danh sách Ban Tổng Giám Đốc gồm

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Bùi Quang Sỹ	Tổng Giám đốc
2	Ngô Kim Dung	Phó Tổng Giám đốc
3	Trần Đăng Duy	Phó Tổng Giám đốc
4	Đào Thị Nga	Kế toán trưởng

Nguồn: CTCP Thuận Đức

4.5. Các phòng ban

STT	Bộ phận	Trách nhiệm chính
1	Phòng Tổ chức – Hành chính	Trách nhiệm quản lý nhân sự, vận hành chung nội bộ công ty và các phòng ban; quản lý ban hành và kiểm soát quy trình quy định nội bộ của công ty. Quản lý tiền lương và phúc lợi cho người lao động, đảm bảo chính sách cho người lao động công ty.
2	Phòng Tài chính – Kế toán	Trách nhiệm quản lý tài chính, ghi nhận và báo cáo định kỳ tới các cấp quản lý nội bộ. Quản lý tài chính và các nghĩa vụ tài chính với nhà nước, báo cáo tài chính cho cổ đông và đối tác.
3	Phòng Kế hoạch – Vật tư	Xây dựng kế hoạch đầu tư, kế hoạch sản xuất và vật tư phục vụ sản xuất Mua sắm đầu tư thiết bị vật tư phục vụ sản xuất kinh doanh thường xuyên của công ty.

STT	Bộ phận	Trách nhiệm chính
4	Phòng công nghệ	Chịu trách nhiệm chính việc lắp đặt, bảo trì, duy tu sửa chữa, nâng cấp đại tu máy móc thiết bị cho toàn hệ thống các nhà máy sản xuất của công ty.
5	Phòng Bán hàng B2C	Kinh doanh bán các mặt hàng tới các đại lý B2C trong nước loại hàng phổ thông và bao bì nông sản, trong lĩnh vực nông lâm nghiệp.
6	Phòng Bán hàng B2B	Phụ trách kinh doanh bán các mặt hàng tới các đại lý B2B trong nước, sản phẩm bao bì phục vụ nhu cầu các ngành chăn nuôi, phân bón, bao nông sản cần in ấn.
7	Phòng Bán hàng quốc tế	Tìm kiếm khách hàng và phụ trách bán các mặt hàng túi shopping xuất khẩu ra thị trường quốc tế phục vụ nhu cầu của Châu Âu, Châu Mỹ, Nhật Bản ...

Nguồn: CTCP Thuận Đức

4.6. Các nhà máy

STT	Nhà máy	Địa chỉ	Hoạt động sản xuất chính
1	Nhà máy 1A	Thôn Bằng Ngang, xã Lương Bằng, tỉnh Hưng Yên	<ul style="list-style-type: none"> Năm hoạt động: từ năm 2007; Đang sản xuất: hạt tái sinh... Công suất thiết kế 43.061 tấn hạt nhựa/năm. Công suất thực tế 100% công suất thiết kế.
2	Nhà máy 1B	Thôn Bằng Ngang, xã Lương Bằng, tỉnh Hưng Yên	<ul style="list-style-type: none"> Năm hoạt động: 2015; Đang sản xuất: bao PP, manh, sợi... Công suất thiết kế: 7.500 tấn sợi, 7.814 tấn dệt manh và 11.616 tấn bao bì/năm. Công suất thực tế 100% công suất thiết kế.
3	Nhà máy 2	Thôn Bằng Ngang, xã Lương Bằng, tỉnh Hưng Yên	<ul style="list-style-type: none"> Năm hoạt động: từ năm 2017; Đang sản xuất Túi Shopping XK; túi shopping nội địa Công suất thiết kế 150 triệu túi xuất khẩu/năm. Công suất thực tế 100% công suất thiết kế.
4	Nhà máy 3	Thôn Lương Hội, xã Lương Bằng, tỉnh Hưng Yên	<ul style="list-style-type: none"> Năm hoạt động: từ năm 2017; Đang sản xuất: Bao PP, bao BOPP; bao ống.... Công suất thiết kế 9.000 tấn sợi, 8.933 tấn dệt manh và 14.221 tấn bao bì/năm. Công suất thực tế: 100% công suất thiết kế.
5	Nhà máy 4	Thôn Bằng Ngang, xã Lương Bằng, tỉnh Hưng Yên	<ul style="list-style-type: none"> Năm hoạt động: từ năm 2022; Đang sản xuất: vải không dệt, túi dán nhiệt...; Công suất thiết kế 290 triệu túi/năm. Công suất thực tế: 10,208 tấn vải PP không dệt; 25,2 tấn túi dán nhiệt.

STT	Nhà máy	Địa chỉ	Hoạt động sản xuất chính
6	Nhà máy 5	Thôn Thái Lai, xã Tân Ninh, tỉnh Thanh Hóa	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành giai đoạn 1 năm 2020 và đang tiến hành xây dựng giai đoạn 2 từ năm 2025. - Sản phẩm dự kiến: Bao bì PP... - Công suất thiết kế 50.000 tấn sản phẩm/năm.

Nguồn: CTCP Thuận Đức

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

5.1. Công ty mẹ của Công ty

Không có

5.2. Công ty con trực tiếp của Công ty

CTCP Thuận Đức có 01 công ty con trực tiếp, thông tin cụ thể như sau:

Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên (“Thuận Đức Hưng Yên”)

- Ngày thành lập: 06/12/2016
- GCN ĐKDN: Số 0901003006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 06/12/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 25/06/2025
- Địa chỉ: Thôn Lương Hội, xã Lương Bằng, tỉnh Hưng Yên
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất bao bì từ các sản phẩm nhựa PP và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp
- Vốn điều lệ đăng ký: 270.000.000.000 đồng
- Vốn thực góp tại 30/09/2025: 270.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của CTCP Thuận Đức tại Thuận Đức Hưng Yên:

Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/ VDL	Tỷ lệ quyền biểu quyết
31/12/2023	100,00%	100,00%
31/12/2024	100,00%	100,00%
30/09/2025	100,00%	100,00%

- Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Thuận Đức Hưng Yên tại CTCP Thuận Đức trong 2 năm liền trước và tới thời điểm hiện tại: 0%

5.3. Công ty con gián tiếp của Công ty

Không có

5.4. Công ty liên kết của Công ty

CTCP Thuận Đức có 01 công ty liên kết, thông tin cụ thể như sau:

Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco (“Thuận Đức Eco”)

- Ngày thành lập: 22/01/2018
- GCN ĐKDN: Số 0901027871 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 22/01/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 12/05/2022
- Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, xã Lương Bằng, tỉnh Hưng Yên
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất túi xuất khẩu từ các sản phẩm nhựa PP và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp
- Vốn điều lệ đăng ký: 425.000.000.000 đồng
- Vốn thực góp tại 30/09/2025: 425.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của CTCP Thuận Đức tại Thuận Đức Eco:

Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/ VDL	Tỷ lệ quyền biểu quyết
31/12/2023	48,90%	48,90%
31/12/2024	48,90%	48,90%
30/09/2025	48,90%	48,90%

Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Thuận Đức Eco tại CTCP Thuận Đức trong 2 năm liền trước và tới thời điểm hiện tại: 0%

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Tại thời điểm thành lập ngày 22/01/2007, vốn điều lệ của Công ty là 7.500.000.000 đồng.

Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã thực hiện 12 đợt tăng vốn điều lệ nhằm mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh, và Công ty không thực hiện bất kỳ một đợt giảm vốn điều lệ nào. Vốn điều lệ hiện nay là 882.222.500.000 đồng (tám trăm tám mươi hai tỷ hai trăm hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng), tương ứng 88.222.250 cổ phần. Chi tiết quá trình tăng vốn như sau:

Bảng 3: Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Thời điểm	Lần tăng	VDL trước khi tăng (triệu đồng)	VDL tăng thêm (triệu đồng)	VDL sau khi tăng (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp phép
2007	Thành lập			7.500	- Giấy chứng nhận ĐKDN số 0503000198, cấp lần đầu ngày 22/01/2007	- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên
2012	Lần 1	7.500	32.500	40.000	- Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu theo mệnh giá 100.000 đồng/cổ phiếu, theo tỷ lệ 03:13 - Nghị quyết Đại hội đồng cổ	- Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thuận Đức - Hội đồng quản

Thời điểm	Lần tăng	VĐL trước khi tăng (triệu đồng)	VĐL tăng thêm (triệu đồng)	VĐL sau khi tăng (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp phép
					đồng số 18/11/2011/TĐ-ĐHCD ngày 18/11/2011 - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 25.12/2011/HĐQT ngày 25/12/2011 - Giấy đăng ký kinh doanh số 0503000198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 22/01/2007, Giấy ĐKDN số 0900264799 thay đổi lần 3 ngày 02/07/2012	trị Công ty Cổ phần Thuận Đức - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên
2013	Lần 2	40.000	60.000	100.000	- Phát hành cho các cổ đông hiện hữu theo mệnh giá 100.000 đồng/cổ phiếu, theo tỷ lệ 2:3 - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 15.01/2013/TĐ-ĐHCD ngày 15/01/2013; - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 25.02/2013/HĐQT ngày 25/02/2013; - Giấy đăng ký kinh doanh số 0503000198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 22/01/2007, Giấy ĐKDN số 0900264799 thay đổi lần 5 ngày 08/12/2014.	- Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thuận Đức - Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thuận Đức - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên
2015	Lần 3	100.000	40.000	140.000	- Phát hành cho các cổ đông hiện hữu theo mệnh giá 100.000 đồng/cổ phiếu, theo tỷ lệ 5:2 - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 05.01/2015/TĐ-ĐHCD ngày 05/01/2015; - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 28.01/2015/HĐQT ngày 28/01/2015 - Giấy đăng ký kinh doanh số 0503000198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng	- Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thuận Đức - Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thuận Đức - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên

Thời điểm	Lần tăng	VĐL trước khi tăng (triệu đồng)	VĐL tăng thêm (triệu đồng)	VĐL sau khi tăng (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp phép
					Yên cấp lần đầu ngày 22/01/2007, Giấy ĐKDN số 0900264799 thay đổi lần 6 ngày 29/08/2016.	
2017	Lần 4	140.000	110.000	250.000	<ul style="list-style-type: none"> - Phát hành cho các cổ đông hiện hữu giá theo mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu, theo tỷ lệ 14:11 - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 25.05/2017/TĐ-ĐHCD ngày 25/05/2017; - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 25.06/2017/HĐQT ngày 25/06/2017; - Giấy đăng ký kinh doanh số 0503000198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 22/01/2007, Giấy ĐKDN số 0900264799 thay đổi lần 7 ngày 30/06/2017. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thuận Đức - Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thuận Đức - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên
2019	Lần 5	250.000	29.999	279.999	<ul style="list-style-type: none"> - Phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:0,12 - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 2304/2019/NQ-ĐHĐCĐ-TDP ngày 23/04/2019; - Nghị quyết HĐQT số 187.02/2019/NQ-HĐQT ngày 18/07/2019 về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2018; - Công văn số 4593/UBCK-QLCB ngày 30/7/2019 về việc tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của Công ty; - Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 2708/2019/CBTT-TDP 	<ul style="list-style-type: none"> - Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thuận Đức - Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thuận Đức - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Thời điểm	Lần tăng	VĐL trước khi tăng (triệu đồng)	VĐL tăng thêm (triệu đồng)	VĐL sau khi tăng (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp phép
					ngày 27/8/2019; - Công văn số 5348/UBCK-QLCB ngày 05/9/2019 về việc báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của Công ty	
2019	Lần 6	279.999	200.000	479.999	- Phát hành cổ phiếu riêng lẻ - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 2304/2019/NQ-ĐHĐCĐ-TDP ngày 23/04/2019; - Nghị quyết HĐQT số 1807/2019/NQ-HĐQT ngày 18/07/2019 về việc về việc triển khai phương án phát hành riêng lẻ cổ phiếu tăng vốn điều lệ; - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 1708/NQ-HĐQT-TDP ngày 17/08/2019 về việc điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu; - Công văn số 5672/UBCK-QLCB ngày 19/9/2019 về việc hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty; - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 1010/2019/NQ-HĐQT ngày 10/10/2019 về việc thông qua việc điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ; - Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu riêng lẻ ngày 09/10/2019; - Công văn số 6078/UBCK-QLCB ngày 09/10/2019 về việc báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ của	- Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thuận Đức - Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thuận Đức - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Thời điểm	Lần tăng	VDL trước khi tăng (triệu đồng)	VDL tăng thêm (triệu đồng)	VDL sau khi tăng (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp phép
					Công ty.	
2020	Lần 7	479.999	57.598	537.598	<ul style="list-style-type: none"> - Phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:0,12 - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 2806/2020/NQ-ĐHĐCĐ-TDP ngày 28 tháng 06 năm 2020 - Nghị quyết HĐQT số 2210/2020/NQ-HQĐT ngày 22 tháng 10 năm 2020 về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu năm 2019 - Báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 2210/2020/CV-TDP ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Công ty Cổ phần Thuận Đức - Công văn số 6642/UBCK-QLCB ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của TDP - Công văn số 7282/UBCK-QLCB ngày 11 tháng 12 năm 2020 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của TDP 	<ul style="list-style-type: none"> - Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thuận Đức - Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thuận Đức - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
2021	Lần 8	537.598	64.510	602.109	<ul style="list-style-type: none"> - Phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:0,12 - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 2204/2021/NQ-ĐHĐCĐ-TDP ngày 22 tháng 04 năm 2021 - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 1506/2021/NQ- 	<ul style="list-style-type: none"> - Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thuận Đức - Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thuận Đức - Sở Kế hoạch và

Thời điểm	Lần tăng	VĐL trước khi tăng (triệu đồng)	VĐL tăng thêm (triệu đồng)	VĐL sau khi tăng (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp phép
					HĐQT-TDP ngày 15 tháng 06 năm 2021 về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020 - Báo cáo phát hành cổ phiếu trả cổ tức số 1506/2021/BC-TDP ngày 15 tháng 06 năm 2021 của Công ty Cổ phần Thuận Đức - Công văn số 3316/UBCK-QLCB ngày 05 tháng 07 năm 2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của TDP - Công văn số 3981/UBCK-QLCB ngày 27 tháng 07 năm 2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của TDP	Đầu tư tỉnh Hưng Yên - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
2022	Lần 9	602.109	72.250	674.359	- Phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:0,12 - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 2404/2022/NQ-ĐHĐCĐ-TDP ngày 24 tháng 04 năm 2022 - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 0305/2022/NQ-HĐQT-TDP ngày 03 tháng 05 năm 2022 về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021 - Báo cáo phát hành cổ phiếu trả cổ tức số 0610/2022/BC-TDP ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Công ty Cổ phần Thuận Đức - Công văn số 7619/UBCK-	- Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thuận Đức - Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thuận Đức - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Thời điểm	Lần tăng	VĐL trước khi tăng (triệu đồng)	VĐL tăng thêm (triệu đồng)	VĐL sau khi tăng (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp phép
					<p>QLCB ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của TDP</p> <p>Công văn số 8372/UBCK-QLCB ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của TDP</p>	
2023	Lần 10	674.359	80.920	755.280	<ul style="list-style-type: none"> - Phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:0,12 - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 2804/2023/NQ-ĐHĐCĐ-TDP ngày 28 tháng 04 năm 2023 - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 0905/2023/NQ-HĐQT-TDP ngày 09 tháng 05 năm 2023 về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022 - Báo cáo phát hành cổ phiếu trả cổ tức số 0905/2023/BC-TDP ngày 09 tháng 05 năm 2023 của Công ty Cổ phần Thuận Đức - Công văn số 3246/UBCK-QLCB ngày 31 tháng 05 năm 2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của TDP - Công văn số 4174/UBCK-QLCB ngày 29 tháng 06 năm 2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tài liệu báo cáo kết quả phát 	<ul style="list-style-type: none"> - Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thuận Đức - Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thuận Đức - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Thời điểm	Lần tăng	VĐL trước khi tăng (triệu đồng)	VĐL tăng thêm (triệu đồng)	VĐL sau khi tăng (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp phép
					hành cổ phiếu để trả cổ tức của TDP	
2024	Lần 11	755.280	46.742	802.022	<ul style="list-style-type: none"> - Phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10:1 - Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 0809/2023/NQ-ĐHĐCĐ-TDP ngày 08/09/2023 - Nghị quyết HĐQT số 2709/2023/NQ-HĐQT-TDP ngày 27/09/2023 về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ - Nghị quyết HĐQT số 0412/2023/NQ-HĐQT-TDP ngày 04/12/2023 về việc sửa đổi bổ sung nội dung Nghị quyết số 2709/2023/NQ-HĐQT-TDP - Công văn số 2361/UBCK-QLCB ngày 12/04/2024 của UBCKNN về tài liệu báo cáo kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng 	<ul style="list-style-type: none"> - Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thuận Đức - Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thuận Đức - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
2024	Lần 12	802.022	80.202	882.222	<ul style="list-style-type: none"> - Phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10:1 - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 1404/2024/NQ-ĐHĐCĐ-TDP ngày 14/04/2024; - Nghị quyết HĐQT số 2205/2024/NQ-HĐQT-TDP ngày 22/05/2024 về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023; - Công văn số 5602/UBCK-QLCB ngày 04/09/2024 của UBCKNN về tài liệu báo 	<ul style="list-style-type: none"> - Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thuận Đức - Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thuận Đức - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Thời điểm	Lần tăng	VDL trước khi tăng (triệu đồng)	VDL tăng thêm (triệu đồng)	VDL sau khi tăng (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp phép
					cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của TDP	

Nguồn: CTCP Thuận Đức

Việc tăng vốn của Công ty đã được thuyết minh chi tiết tại các báo cáo tài chính được kiểm toán hàng năm hoặc tại Báo cáo biến động vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần được kiểm toán. Các đơn vị thực hiện kiểm toán các báo cáo này đã chấp thuận và không có bất cứ ý kiến nào về việc các lần tăng vốn của Công ty.

7. Thông tin khác về khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác

Vào ngày 24 tháng 5 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 2405/2023/NQ-HĐQT về việc nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco, từ các cổ đông có liên quan. Tổng số cổ phần Công ty nhận chuyển nhượng là 4.950.000 cổ phần, với giá trị là 148.500.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, giao dịch đã được hoàn thành và theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco tăng từ 37,3% lên 48,9%, chi tiết như sau:

STT	Bên chuyển nhượng	Tổng số lượng cổ phiếu	Tổng giá trị chuyển nhượng (VND)	Phương thức chuyển nhượng
1	Ông Nguyễn Đức Cường	2.950.000	88.500.000.000	Cổ phần thứ cấp
2	Bà Ngô Kim Dung	200.000	6.000.000.000	Cổ phần thứ cấp
3	Bà Nguyễn Kim Anh	900.000	27.000.000.000	Cổ phần thứ cấp
4	Ông Nguyễn Đức Chính	900.000	27.000.000.000	Cổ phần thứ cấp
	Tổng cộng	4.950.000	148.500.000.000	

Nguồn: CTCP Thuận Đức

Trong năm 2024, Công ty không có thêm đợt góp vốn, thoái vốn lớn nào tại các doanh nghiệp khác. Tại ngày 09/06/2025, Hội đồng quản trị thông qua Nghị quyết số 09061/2025/NQ-HĐQT-TDP về việc góp vốn thêm vốn và tăng điều lệ của Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên:

- Vốn điều lệ trước khi thay đổi: 210.000.000.000 VND
- Vốn điều lệ sau khi thay đổi: 270.000.000.000 VND
- Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên đã nhận đủ vốn góp và tiến hành thay đổi GCNĐKDN vào ngày 25/06/2025

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm chốt danh sách gần nhất ngày 13/05/2025:

Bảng 4: Cơ cấu cổ đông của Công ty

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng CP	Tỷ lệ %/VĐL
1	Cổ đông trong nước	447	88.166.513	99,94
	- Cá nhân	446	88.166.507	99,94
	- Tổ chức	1	6	0,00
2	Cổ đông nước ngoài	12	55.737	0,06
	- Cá nhân	7	3.209	0,01
	- Tổ chức	5	52.528	0,05
	- Tổ chức có NĐT nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	-	-	-
3	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
TỔNG CỘNG (1+2+3)		459	88.222.250	100

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 13/05/2025 của Công ty

8.2. Cổ phiếu ưu đãi

Không có.

8.3. Các loại chứng khoán khác

Tính đến thời điểm của Bản cáo bạch này, Công ty có 1 loại trái phiếu đang lưu hành

- Tên trái phiếu: Trái phiếu TDPH2326001
- Loại trái phiếu: Trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được đảm bảo bằng tài sản
- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/ trái phiếu
- Tổng số trái phiếu đang lưu hành: 2.276.200 trái phiếu.
- Tổng giá trị trái phiếu đăng ký: 227.620.000.000 đồng
- Kỳ hạn trái phiếu: 03 năm
- Ngày phát hành: 29/03/2024
- Ngày đáo hạn: 29/03/2027
- Lãi suất trái phiếu: Lãi suất cố định 4 kỳ đầu 11,2%/ năm, các kỳ sau lãi suất thả nổi tối thiểu 11%
- Kỳ thanh toán lãi: 3 tháng/ lần. Lần thanh toán lãi gần nhất là ngày 30/09/2025. Lần thanh toán lãi tiếp theo là 31/12/2025

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- **Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định pháp luật:** Căn cứ các Điều ước quốc tế có liên quan và căn cứ vào các quy định của pháp luật Việt Nam về các ngành nghề mà Công ty đã đăng ký và Công văn số 6597/UBCK-PTTT ngày 04/10/2022 của UBCKNN về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại CTCP Thuận Đức là 51%.
- **Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ công ty:** 51%.
- **Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổ chức phát hành hiện tại:** 0,06% (theo Danh sách cổ đông tại ngày 13/05/2025).

10. Hoạt động kinh doanh

10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

10.1.1. Các sản phẩm, dịch vụ chính

Công ty Cổ phần Thuận Đức là doanh nghiệp chuyên sản xuất bao bì, túi siêu thị xuất khẩu và phân phối hạt nhựa nguyên sinh. Với lợi thế là một công ty sản xuất sản phẩm nhựa lớn, Công ty sở hữu mạng lưới phân phối hạt nhựa nguyên sinh rộng thông qua các doanh nghiệp xuất nhập khẩu nội địa. Hạt nhựa nguyên sinh đồng thời là nguyên liệu đầu vào quan trọng trong sản xuất, giúp Công ty tận dụng quy mô để nhập hàng với giá cạnh tranh, vừa phục vụ nhu cầu nội bộ vừa phân phối lại cho các doanh nghiệp có quy mô nhỏ hơn với mức giá tốt và vẫn đảm bảo hiệu quả lợi nhuận.

Về mặt sản xuất, hiện nay, Công ty đang sản xuất & cung cấp 2 dòng sản phẩm bao bì chính là: túi siêu thị xuất khẩu (hay còn gọi là túi shopping gồm túi shopping dệt và túi shopping không dệt), bao bì PP (bao gồm bao bì B2B và bao bì B2C)

- **Túi shopping (túi siêu thị):** đây là dòng sản phẩm chiến lược của Công ty chiếm hơn 50% lợi nhuận hàng năm của Công ty. Các sản phẩm này hiện được Công ty xuất khẩu phục vụ thị trường nước ngoài. Túi shopping là dòng túi xách thân thiện dùng để đi chợ, đi siêu thị, shopping, dạo phố, v.v, thay thế các loại bao bì kém thân thiện hiện nay như túi nilon. Túi shopping của TDP được đánh giá cao về chất lượng bởi mẫu mã đẹp, bao bì thân thiện, có thể tự hủy trong môi trường tự nhiên.

Trong một vài năm trở lại đây trên thế giới đã có sự chuyển dịch rõ ràng trong xu hướng sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường, Chính phủ Châu Âu và Úc đã ban hành những lệnh cấm về việc sử dụng túi PE, và yêu cầu sử dụng sản phẩm túi PP tái chế. Nắm bắt được xu hướng phát triển của ngành, từ nhiều năm trước TDP đã đầu tư công nghệ, con người để sản xuất, phát triển mảng túi shopping, và đến nay TDP đã có vị thế vững chắc ở cả thị trường trong nước và quốc tế. Sản phẩm túi của TDP chất lượng tốt, thiết kế đẹp mắt, mẫu mã thân thiện mà giá cả phải chăng bắt kịp với thị hiếu người tiêu dùng và đáp ứng được tiêu chuẩn khắt khe của các thị trường xuất khẩu, hiện sản phẩm đã có mặt tại thị trường các nước như Mỹ, Nhật Bản, Canada, v.v. Trong chiến lược phát triển của TDP, những năm tới hoạt động xuất khẩu túi siêu thị tiếp tục là hoạt động mũi nhọn được TDP tập trung đẩy mạnh phát triển, mở rộng thị trường.

Dòng túi siêu thị của Công ty bao gồm các loại: túi PP dệt, túi PP không dệt, túi Rpet và túi lạnh. Túi PP dệt là loại túi sản xuất trên lớp manh dệt PP. Túi PP không dệt là loại túi sản xuất trên lớp manh không dệt PP. Túi Rpet là loại túi PP không dệt sản xuất bằng công nghệ cao. Túi lạnh là loại túi có thêm 01 lớp giữ nhiệt để bảo quản đồ đông lạnh.

- Bao bì PP bao gồm 2 dòng sản phẩm chính là bao bì B2B và bao bì B2C được phân loại theo thị trường phục vụ như sau:
 - **Bao bì B2B:** là dòng bao bì cao cấp phục vụ ngành chế biến sản phẩm công nghiệp và thực phẩm như: thức ăn chăn nuôi, mía đường, tinh bột, phân bón... Bao bì với mẫu mã đẹp, màu sắc sinh động, thân thiện với môi trường. Chất lượng bao bì đảm bảo, bền, chắc chắn, chịu va đập tốt. Bao bì sử dụng vải PP dệt ghép màng BOPP theo nhu cầu, có thể lồng thêm túi PE chống ẩm bên trong. Một số đối tác uy tín mà Công ty cung cấp bao bì thức ăn chăn nuôi như: Công ty Cổ phần KKF (thương hiệu "Nai Vàng"), Công ty cổ phần phân bón Bình Điền, Công ty TNHH MTV Biotech Quế Lâm, Công ty TNHH Sunjin F&F...
 - **Bao bì B2C:** Đây là dòng bao bì bình dân phục vụ thị trường nội địa, cung cấp cho ngành nông sản như: lúa, gạo, ngô, bột mì, cafe, chè, tiêu... Với công nghệ in flexo 9 màu 2 mặt, sản phẩm bao bì của TDP đẹp, bền, chắc chắn, đáp ứng được số lượng lớn cho thị trường toàn quốc.

Một số hình ảnh minh họa của các nhóm sản phẩm:

Sản phẩm	Hình ảnh
Túi shopping không dệt	
Túi shopping dệt	
Bao bì phân bón và thức ăn chăn nuôi (B2B)	
Bao gạo (B2B và B2C)	

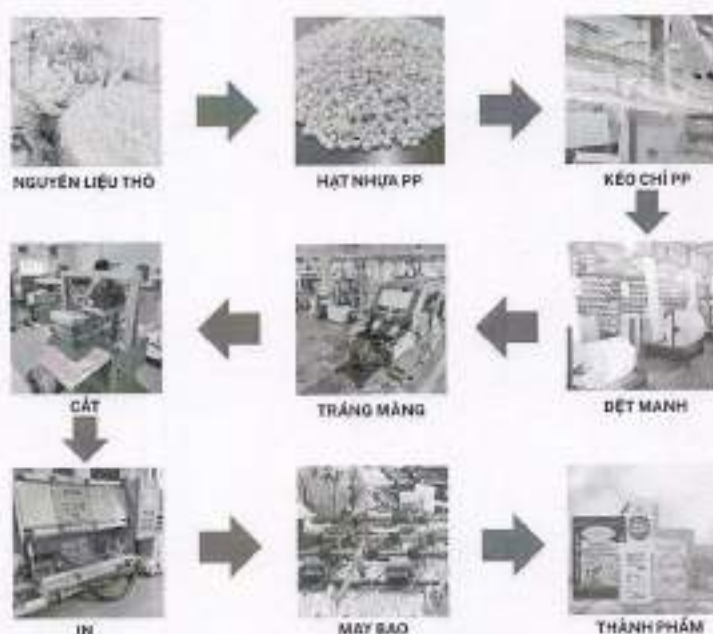
10.1.2. Quy trình sản xuất kinh doanh, công nghệ áp dụng

Tóm tắt quy trình sản xuất bao bì PP tại TDP

- Công đoạn 1 - Tạo hạt: Nguyên liệu chính sản xuất bao bì PP là vỏ bao xi đập. Sau khi tiến hành kiểm đếm, phân loại, nguyên liệu đạt sẽ đưa vào dây chuyền máy băm, nguyên liệu không đạt

- sẽ đưa vào giặt lại. Kết hợp với phụ gia qua dây chuyền máy tạo thành thành phẩm hạt nhựa;
- Công đoạn 2 - Kéo chỉ: Thành phẩm hạt nhựa kết hợp với phụ gia (bột màu, hạt màu, ...) qua dây chuyền máy sợi kéo thành sợi;
 - Công đoạn 3 - Dệt thành manh: Thành phẩm sợi được đưa vào hệ thống máy dệt tạo thành thành phẩm manh dệt;
 - Công đoạn 4 - Tráng ghép, in ấn: Sử dụng công nghệ tráng ghép tự động để ghép mảnh PP với màng OPP/BOPP nhằm gia tăng độ dày, độ bền cơ học cho bao bì và tăng tốc độ tráng ghép bán thành phẩm. Sau đó, kết hợp với mực in, dung môi, bản in, ...qua dây chuyền máy in tạo thành thành phẩm manh in;
 - Công đoạn 5 - May: Thành phẩm manh dệt, manh in, manh tráng qua máy may tạo thành 2 loại thành phẩm: manh cắt và bao bì.

Hình 4: Quy trình sản xuất bao bì PP tại TDP



Nguồn: CTCP Thuận Đức

Quy trình sản xuất túi shopping

Quy trình sản xuất túi shopping tại TDP trải qua nhiều giai đoạn với đầu vào là sản phẩm của manh dệt PP hoặc manh không dệt PP, trong đó giai đoạn “in và tráng ghép” là giai đoạn đòi hỏi kỹ thuật cao, phản ánh chất lượng sản phẩm, tiếp đến là giai đoạn cắt may và hoàn thiện sản phẩm. Ngoài ra, khâu sản xuất quai túi không phải công ty sản xuất nhựa nào tại thị trường Việt Nam cũng có thể sản xuất được, việc TDP có thể tự sản xuất quai nhựa giúp Công ty hạ giá thành sản phẩm và chủ động được mẫu mã sản phẩm, màu sắc, chất lượng và tính ổn định của sản phẩm đầu vào.

Hình 5: Lưu đồ và quy trình sản xuất tổng thể túi shopping



Nguồn: CTCP Thuận Đức

- Công đoạn 1: Sản xuất mạnh dệt sử dụng nguyên liệu hạt nhựa tái chế từ nhà máy 1 và nguyên liệu hạt nguyên sinh (tùy từng yêu cầu kỹ thuật khác nhau mà có các công thức phối trộn khác nhau) được đưa vào dây chuyền kéo sợi, sau đó được chuyển sang dây chuyền dệt để dệt thành mạnh theo các quy cách, kích thước phù hợp với từng đơn hàng, được thu thành cuộn để chuyển đến bộ phận tráng ghép phức hợp.
- Công đoạn 2: In hình ảnh lên màng, sử dụng màng nguyên liệu BOPP (nhập khẩu từ các nhà cung cấp như: Forop; Zhejiang;....) được đưa qua máy in 8 - 9 màu để in các nội dung, hình ảnh màu lên, đặc biệt tại máy in có công nghệ chống hình tự động, tự phát hiện và hiệu chỉnh hình ảnh, chạy tốc độ cao (200 - 220m/phút) cho ra hình ảnh chuẩn, chất lượng cao. Qua công đoạn in sản phẩm được thu thành cuộn chuyển đến bộ phận tráng ghép.

- Công đoạn 3: Hiện nay 100% manh không dệt TDP nhập từ các đơn vị cung cấp trong nước. Nguyên liệu chính để sản xuất túi manh không dệt là PP và taical chuyên dùng cho ngành PP không dệt được đưa vào thùng xáo liệu, xáo nóng nên 70 - 80 độ C, sau đó đưa vào ruột gà có cấu trúc đặc biệt (khác với máy sản xuất sợi thường) có lực ép lớn, đẩy nhựa ra 2 miệng khuôn của máy thành 2 lớp sợi, 2 lớp này đi qua đàn lò ép có các đầu tạo lỗ ép 2 lớp này lại với nhau tạo thành 1 lớp dính vào nhau, sau đó được dẫn hướng đến lò thu cuộn có dao cắt phẳng 2 bên, có kích thước chuẩn và thu cuộn thành phẩm lại (thành phẩm tại công đoạn dùng để làm nguyên liệu cho tráng ghép phức hợp hoặc để in lưới sau đó cắt bán thành phẩm đi may thành túi).
- Công đoạn 4: Tráng ghép phức hợp sử dụng nguyên liệu là màng in được sản xuất từ công đoạn 2 cộng với manh dệt được sản xuất từ công đoạn 1 (hoặc manh không dệt được nhập vào) cộng với hạt nhựa và phụ gia tráng (nhập khẩu và trong nước) qua máy tráng ghép dính 2 lớp manh và màng với nhau bằng hỗn hợp nhựa tráng được gia nhiệt bằng máy tráng cùng lúc tráng ghép 2 mặt với tốc độ cao (100 - 120m/p) có công nghệ chống hình tự động (tự hiệu chỉnh ghép 2 mặt đúng với hình ảnh yêu cầu của từng loại hàng), sau đó thu lại thành cuộn chờ chuyển sang công đoạn cắt dập.
- Công đoạn 5: In lưới (áp dụng với túi không tráng ghép) sử dụng nguyên liệu manh không dệt nhập, sau đó được đưa vào dây chuyền in lưới in lên các hình ảnh theo yêu cầu, sau đó được cuộn lại chờ đưa qua bộ phận cắt dập để cắt bán thành phẩm.
- Công đoạn 6: Sợi - Quai sử dụng nguyên liệu chính là hạt nhựa PP và hạt màu được qua máy tạo sợi thu thành cuộn, sau đó đưa qua máy đánh bin chia lại, quấn vào các lô quấn dành cho máy dệt (BIN) sau đó được dệt thành các quai có quy cách theo yêu cầu (khô, định lượng, kiểu dệt, màu sắc...). Thành phẩm sau dệt là dây quai được quấn vào thành bánh (cuộn) chuyển sang dây chuyền máy cắt quai theo chiều dài yêu cầu sau đó được đóng bao chờ may vào túi.
- Công đoạn 7: Cắt bán thành phẩm manh phức hợp được tạo ra từ công đoạn 4 được đưa qua máy gấp hông để gấp sẵn hông túi lại sau đó (hoặc manh PP không dệt in lưới được tạo ra từ công đoạn 5) được đưa vào dây chuyền cắt dập với công suất cao (65 cái/phút) để cắt ra bán thành phẩm chờ may. Đặc biệt tại bộ phận cắt dập có hệ thống máy cắt dán nhiệt tự động với các mẫu túi được tạo ra hoàn toàn tự động mà đầu vào là dạng cuộn, đầu ra là túi thành phẩm với năng suất 80 cái/phút. Với dây chuyền cắt dán tự động này có thể tiết giảm lao động và chi phí nhân công may đáng kể (1 máy tương đương 80 - 100 công nhân may).
- Công đoạn 8: May Sử dụng thành phẩm được tạo ra từ công đoạn 6 và công đoạn 7, chuyển vào dây chuyền may với nhiều công đoạn như may quai (lập trình), may miệng, may đáy, may viền, may hông, và may các chi tiết phụ, sau đó túi được gấp lại theo quy cách yêu cầu. Riêng về công đoạn này TDP đang có sẵn hệ thống đối tác gia công với quy mô tổng lao động gần 4.000 người để đáp ứng, các đối tác gia công nằm rải rác tại các tỉnh Miền Bắc (Thanh Hóa, Hải Dương, Hải Phòng, Tuyên Quang, Nam Định...) được công ty cắt cử xe vận chuyển và có hệ thống nhân sự kiểm soát và lập kế hoạch hàng ngày. Khi may xong TDP sẽ bố trí thu về nhà máy chờ kiểm tại Phòng bảo đảm.

- Công đoạn 9: Kiểm hàng 100% các sản phẩm túi được chuyển vào dây chuyền kiểm hàng tại nhà máy và được kiểm chi tiết từng cái, phân loại ra các sản phẩm không đạt tiêu chí chất lượng của khách hàng và tiêu chí của TDP để đưa vào tái chế, các sản phẩm đạt được đưa qua dây chuyền soi kim loại và đóng gói tự động vào thùng carton và chuyển nhập kho chờ xuất bán. Như vậy để sản xuất ra được một túi shoppings PP tính từ lúc: thu mua phế liệu đầu vào (các bao bì, dây chấu, thảm, màng, văn phòng phẩm ...) cho đến lúc kiểm tra chất lượng, đóng gói, giao hàng sẽ mất ít nhất 09 tháng. TDP luôn chuẩn bị sẵn sàng các khâu: thu gom nguyên liệu đầu vào, sản xuất nhựa tái chế PP, ống sợi PP (để sản xuất manh PP), chỉ PP (để dệt quai túi), dệt màng PP, dệt các sản phẩm quai túi theo tính toán của bộ phận kế hoạch kinh doanh cũng như kinh nghiệm sản xuất thực tiễn hơn 17 năm qua... nên TDP luôn dự trữ được sẵn các sản phẩm đầu vào cũng như sản xuất các bán thành phẩm cần thiết cho công đoạn sản xuất túi shopping. Do vậy, khi có đơn hàng từ khách hàng, thời gian hoàn thiện đơn hàng sẽ được rút ngắn đáng kể, trung bình từ 35 - 45 ngày để hoàn thiện một đơn hàng, đặc biệt có đơn hàng TDP chỉ hoàn thiện trong vòng 22 ngày, hơn nữa các máy sản xuất của TDP không phải dừng hay tạm dừng mà hoạt động hầu như liên tục 24/7, tránh những hao hụt không đáng có. Với dây chuyền hiện đại khép kín, TDP hạn chế hao hụt nguyên liệu đặc biệt là các hao hụt trong quá trình dệt manh, tạo sợi do các sản phẩm lỗi, chỉ thừa, manh vụn đều có thể quay lại tái sử dụng để sản xuất hạt nhựa PP.

Hình 6: Tổng hợp quy trình sản xuất bao bì PP tại TDP





Nguồn: CTCP Thuận Đức

10.1.3. Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

CTCP Thuận Đức là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nhựa tái chế. Đây là lĩnh vực không có thời vụ mà gắn liền trực tiếp với nhu cầu mua sắm, tiêu dùng và triển vọng của nền kinh tế Việt Nam.

10.1.4. Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ

- Sản lượng sản xuất và tiêu thụ trong giai đoạn 2023 – Quý III/2025: Các dòng sản phẩm chính của Thuận Đức bao gồm phân khúc túi mua sắm tái sử dụng, cùng với bao bì cho lĩnh vực công nghiệp và nông nghiệp

Bảng 5: Sản lượng sản xuất và tiêu thụ hợp nhất của Công ty (Hợp nhất)

TT	Nội dung	DVT	Năm 2023	Năm 2024	9 tháng đầu năm 2025
1.	Sản lượng sản xuất				
1.1	Hạt nhựa tái sinh	Tấn	13.711	10.141	4.152
1.2	Sợi	Tấn	15.031	16.988	7.049
1.3	Manh dệt PP	Tấn	14.589	16.089	7.484
1.4	Bao bì PP	Tấn	12.484	13.527	5.625
1.5	Túi shopping	Cái	78.685.775	127.038.456	85.035.228
2.	Sản lượng tiêu thụ				
2.1	Bao PP	Tấn	11.046	10.439	5.375
2.2	Hạt nguyên sinh	Tấn	102.525	110.325	79.852
2.3	Hạt tái sinh	Tấn	6.226	6.755	1.215
2.4	Manh	Tấn	3.955	3.413	1.363
2.5	Sợi	Tấn	-	1.109	31
2.6	Túi shopping	Cái	79.822.710	128.270.822	86.053.690
2.7	Vải không dệt, túi dán nhiệt	Tấn/cái	2.586	829	608.929

Nguồn: CTCP Thuận Đức

- Doanh thu và lợi nhuận gộp

Doanh thu bán hàng của Thuận Đức trong giai đoạn 2023-Q2/2025 chủ yếu đến từ hạt nhựa, túi shopping, manh và bao PP. Trong giai đoạn này, Công ty bắt đầu giảm tỷ trọng của hạt nguyên sinh và tăng tỷ trọng bán hàng cho các sản phẩm chiến lược có biên lợi nhuận tốt hơn như bao PP và túi shopping

Trong 9 tháng đầu năm 2025, sản phẩm bao PP đã ghi nhận doanh thu đã vượt doanh thu cả năm 2024 phản ánh nhu cầu tăng trưởng của nhóm sản phẩm này

Doanh thu thuần năm 2024 của công ty riêng lẻ và hợp nhất tăng ở mức cao tương ứng 13,5% và 14,6% so với năm 2023 nhờ nỗ lực mở rộng thị trường xuất khẩu và tìm kiếm khách hàng. Trong năm 2024, Công ty đã xuất khẩu sản phẩm của mình ra hơn 40 quốc gia và vùng lãnh thổ

Tổng giá trị doanh thu thuần 9 tháng đầu năm 2025 trên BCTC riêng lẻ và hợp nhất lần lượt là 2.984 tỷ đồng và 3.468 tỷ đồng. Theo đó biên lợi nhuận gộp của Công ty riêng lẻ và hợp nhất lần lượt đạt 7,9% và 8,2%

Bảng 6: Cơ cấu doanh thu thuần Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Doanh thu thuần	Năm 2023		Năm 2024		9 tháng đầu năm 2025		% Tăng / (giảm) 2024-2023
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Bao PP	407.781	10,7%	400.612	9,1%	417.040	12,0%	-1,8%
Hạt nguyên sinh	2.614.735	68,4%	2.836.554	64,8%	2.348.681	67,8%	8,5%
Hạt tái sinh	75.163	2,0%	90.279	2,1%	17.041	0,5%	20,1%
Manh	84.492	2,2%	104.063	2,4%	47.250	1,4%	23,2%
Sợi	-	0,0%	20.599	0,5%	-	-	0,0%
Túi shopping	602.051	15,8%	906.608	20,7%	624.851	18,0%	50,6%
Vải không dệt, túi dán nhiệt	18.549	0,5%	6.587	0,1%	4.537	0,1%	-64,5%
Khác	16.936	0,4%	13.816	0,3%	8.386	0,2%	-18,4%
Doanh thu thuần	3.819.708	100%	4.379.118	100%	3.467.787	100%	14,6%

Nguồn: CTCP Thuận Đức

Bảng 7: Cơ cấu doanh thu thuần Công ty (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Doanh thu thuần	Năm 2023		Năm 2024		9 tháng đầu năm 2025		% Tăng / (giảm) 2024-2023
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Bao PP	215.699	6,4%	216.207	5,6%	184.184	6,3%	0,2%

Doanh thu thuần	Năm 2023		Năm 2024		9 tháng đầu năm 2025		% Tăng / (giảm) 2024-2023
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Hạt nguyên sinh	2.287.974	67,7%	2.479.169	64,6%	2.089.933	70,0%	8,4%
Hạt tái sinh	118.647	3,5%	101.999	2,7%	19.205	0,6%	-14,0%
Manh	114.097	3,4%	110.655	2,9%	42.725	1,4%	-3,0%
Sợi	-	0,0%	-	0,0%	853	0,0%	0,0%
Túi shopping	602.051	17,8%	906.608	23,6%	633.799	21,2%	50,6%
Vải không dệt, túi dán nhiệt	18.549	0,5%	6.587	0,2%	4.491	0,2%	-64,5%
Khác	23.404	0,7%	17.166	0,4%	9.061	0,3%	-26,7%
Doanh thu thuần	3.380.422	100%	3.838.391	100%	2.984.250	100%	13,5%

Nguồn: CTCP Thuận Đức

Bảng 8: Lợi nhuận gộp theo sản phẩm (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Lợi nhuận gộp	Năm 2023		Năm 2024		9 tháng đầu năm 2025		% Tăng / (giảm) 2024-2023
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng hóa	54.968	15,6%	87.582	22,0%	44.852	15,8%	59,3%
Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán thành phẩm	295.332	83,8%	309.172	77,9%	238.710	83,8%	4,7%
Lợi nhuận gộp từ hoạt động khác	2.123	0,6%	571	0,1%	1.000	0,4%	-73,1%
Tổng cộng	352.424	100,0%	397.325	100,0%	284.563	100,0%	12,8%

Nguồn: CTCP Thuận Đức

Bảng 9: Lợi nhuận gộp theo sản phẩm (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Lợi nhuận gộp	Năm 2023		Năm 2024		9 tháng đầu năm 2025		% Tăng / (giảm) 2024-2023
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng hóa	47.744	16,4%	37.725	11,1%	34.427	14,5%	-21,0%
Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán thành phẩm	239.252	82,4%	300.355	88,3%	201.686	85,2%	25,5%
Lợi nhuận gộp từ hoạt động khác	3.457	1,2%	2.145	0,6%	740	0,3%	-38,0%
Tổng cộng	290.454	100,0%	340.225	100,0%	236.853	100,0%	17,1%

Nguồn: CTCP Thuận Đức

Trong cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty riêng lẻ, hoạt động từ bán thành phẩm đóng góp chủ yếu đến lợi nhuận gộp của công ty. Trong đó màng túi shopping tiếp tục giữ vai trò chủ lực khi đóng góp tỷ trọng cao nhất qua các năm, lần lượt đạt 51,1% trong năm 2023 và tăng mạnh lên 65,0% trong năm 2024. Mức tăng trưởng này nhờ nhu cầu xuất khẩu tăng trưởng với xu hướng sử dụng các sản phẩm xanh bền vững

Tương tự, tại cấp độ Công ty hợp nhất, màng túi shopping cũng đóng góp tỷ trọng lớn trong cơ cấu lợi nhuận gộp, lần lượt đạt 42,1% trong năm 2023 và tăng lên 55,7% trong năm 2024

Bên cạnh đó, các sản phẩm bao PP, hạt nhựa và manh cũng là những mảng đóng góp tích cực vào lợi nhuận gộp của công ty.

10.1.5. Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không có tính thời vụ.

10.1.6. Hệ thống phân phối

Công ty hiện tại sở hữu mạng lưới hệ thống phân phối phủ khắp cả nước với hơn 400 đại lý với các nhân viên bán hàng lâu năm chuyên nghiệp hiểu rõ sản phẩm của công ty và nhu cầu của thị trường tại khu vực quản lý

10.1.7. Nguyên vật liệu

Nguồn nguyên liệu:

Bảng 10: Nguyên liệu xuất dùng qua các năm (Hợp nhất)

STT	Tên nguyên vật liệu	Đơn vị	Năm 2023	Năm 2024
1	Hạt nhựa	Tấn	12.020	13.015
2	Mực in	Tấn	293.978	300.472
3	Dung môi	Tấn	405.726	498.769
4	Hộp carton	Hộp	100.927.596	125.673.421
5	Tem dán	Chiếc	55.971.436	63.918

Nguồn: CTCP Thuận Đức

Nhìn chung, nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói sản phẩm trong năm 2024 tăng so với năm 2023, phản ánh sự tăng trưởng về đơn hàng

Sự ổn định của nguồn cung cấp:

Công ty sở hữu nhà máy sản xuất hạt nhựa tái chế từ vỏ bao xi măng đập – một trong những nguyên liệu đầu vào chính để sản xuất túi siêu thị PP với công suất khoảng 43.061 tấn hạt nhựa giúp chủ động một phần nguồn nguyên liệu

Bên cạnh đó, Công ty áp dụng mô hình sản xuất kinh tế tuần hoàn bằng cách tiếp nhận vật liệu tái chế thông qua các chương trình khuyến khích sử dụng bao bì tái chế và để lại chất thải gần như bằng không trong quá trình sản xuất. Trong nhiều năm qua, Công ty không ngừng gia tăng sử dụng nguyên liệu tái chế, trong đó phế liệu nhựa những năm gần đây cho thấy mức tiêu thụ cao do nhu cầu sử dụng sản phẩm chất lượng cao và túi shopping của thị trường nội địa và xuất khẩu



Nguồn: CTCP Thuận Đức

Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu:

Nguyên liệu đầu vào chủ yếu của Công ty là bao xi, nhựa tái chế và hạt nhựa nguyên sinh. Nguồn nguyên liệu cho vật liệu tái chế đều là nguồn nội địa, giá cả tương đối ổn định.

10.1.8. Hoạt động kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng:

Song song với việc đầu tư dây chuyền thiết bị hiện đại, Công ty Cổ phần Thuận Đức luôn luôn hướng tới việc xây dựng cơ sở hạ tầng nhà máy đáp ứng các tiêu chuẩn sản phẩm nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm. Một số tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, sản xuất của Công ty bao gồm:

- Tiêu chuẩn ISO 9001: 2025: Đáp ứng yêu cầu của khách hàng, hệ thống quản lý kinh doanh hiệu quả, không ngừng nâng cao năng suất, doanh thu và nâng cao năng lực cạnh tranh
- Tiêu chuẩn ISO 14001:2015: Tuân thủ các quy định về môi trường, có hệ thống quản lý để giảm tác động đến môi trường, đảm bảo uy tín và niềm tin của tất cả các bên liên quan
- Chứng nhận Sedex Smeta, BSCI: Có hệ thống quản lý, tạo điều kiện làm việc tốt hơn, nâng cao trách nhiệm xã hội, đảm bảo cam kết đạo đức kinh doanh, phát triển bền vững và chất lượng của cộng đồng địa phương
- Tiêu chuẩn Global Recycled Standard: Chứng minh các sản phẩm chứa >20% nguyên liệu tái chế, có thể truy xuất nguồn gốc sản phẩm, mở ra cơ hội mới để thâm nhập thị trường quốc tế, đóng góp tích cực vào sự phát triển xã hội tại địa phương
- Tiêu chuẩn Recycled 100 Claim Standard: Mở ra cơ hội mới thâm nhập các thị trường quốc tế. Tăng cường và thúc đẩy việc sử dụng vật liệu tái chế, tiết kiệm nguyên liệu, nước và năng lượng
- Tiêu chuẩn TQC bền vững cùng phát triển: Đạt tiêu chuẩn quốc gia của Bộ Công Thương. Chứng nhận hợp quy, đáp ứng ngưỡng cho phép của formaldehyde và hàm lượng amin

Công ty thực hiện nghiêm ngặt quy trình kiểm tra giám sát chất lượng sản phẩm đầu vào và đầu ra của Công ty bao gồm kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ. Theo đó nhanh chóng phát hiện và điều chỉnh để đảm bảo chất lượng đồng nhất

10.2. Tài sản

Bảng 11: Tài sản cố định của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		30/09/2025	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	TSCĐ hữu hình	760.573	446.387	780.805	408.862	776.513	363.786
1	Nhà cửa và vật kiến trúc	226.829	170.957	227.193	160.004	227.193	151.838
2	Máy móc thiết bị	454.557	241.393	458.957	210.622	454.665	180.070
3	Phương tiện vận chuyển	64.208	25.699	79.200	31.553	79.200	26.672
4	Thiết bị văn phòng	11.141	5.442	11.534	4.337	11.534	3.327
5	Tài sản cố định khác	3.838	2.895	3.921	2.347	3.921	1.879

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		30/09/2025	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
II	TSCĐ thuê tài chính	64.098	15.874	42.905	31.592	69.341	54.076
1	Máy móc thiết bị	48.209	3.149	34.926	27.043	60.712	49.211
2	Phương tiện vận chuyển	15.890	12.726	7.980	4.549	8.629	4.865
III	TSCĐ vô hình	3.919	2.462	3.919	1.756	3.919	1.253
1	Phần mềm	3.919	2.462	3.919	1.756	3.919	1.253
	Tổng cộng	828.590	464.724	827.630	442.211	849.773	419.115

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 được kiểm toán và BCTC hợp nhất 9 tháng 2025

Bảng 12: Tài sản cố định của Công ty (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		30/09/2025	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	TSCĐ hữu hình	545.666	299.796	565.178	276.793	559.586	251.307
1	Nhà cửa và vật kiến trúc	154.062	114.263	154.427	106.389	154.427	100.494
2	Máy móc thiết bị	327.056	158.337	330.736	137.212	325.143	122.908
3	Phương tiện vận chuyển	57.401	23.461	72.393	29.904	72.393	25.352
4	Thiết bị văn phòng	6.335	3.206	6.812	2.867	6.812	2.213
5	Tài sản cố định khác	811	529	811	421	811	339
II	TSCĐ thuê tài chính	47.539	39.805	38.701	29.125	40.235	28.177
1	Máy móc thiết bị	31.649	27.080	34.926	27.043	35.750	25.203
2	Phương tiện vận chuyển	15.890	12.726	3.775	2.082	4.485	2.974
III	TSCĐ vô hình	3.524	2.224	3.524	1.589	3.524	1.139
1	Phần mềm	3.524	2.224	3.524	1.589	3.524	1.139
	Tổng cộng	596.729	341.825	607.404	307.508	603.345	280.623

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 được kiểm toán và BCTC riêng 9 tháng 2025

Bảng dưới đây liệt kê danh sách 10 tài sản cố định lớn của CTCP Thuận Đức:

Bảng 13: Chi tiết về tài sản cố định lớn của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên tài sản	31/12/2023		31/12/2024		30/09/2025	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	Showroom: Căn H4- TM4 chung cư Hope Residences, Phường Phúc Đồng, Long Biên, Hà Nội - Phần giá trị mua	25.125	23.869	25.125	23.031	25.125	22.403
2	Showroom: Căn H4- TM3 chung cư Hope Residences, Phường Phúc Đồng, Long Biên, Hà Nội- Phần giá trị mua	25.125	23.869	25.125	23.031	25.125	22.403
3	Nhà xưởng 3 tầng PX 1.4 và để kiểm đếm NVL theo hợp đồng số 10/HĐXD-10-2018	23.418	18.606	23.418	17.045	23.418	15.874
4	Máy in trực diện từ 8 màu Model: HTYJZD08-1350	14.172	9.090	14.172	8.348	14.172	7.791
5	Máy in ống đồng trực diện từ ELS-HYYJZD09-1350	13.331	6.051	13.331	5.162	13.331	4.495
6	Nhà xưởng 60x120 và các hạng mục phụ trợ NM2	10.535	7.618	10.535	7.197	10.535	6.881
7	Xe ô tô con 4 chỗ LEXUS LX600 VIP, màu đen, xuất xứ NHẬT BẢN, BKS: 89A-387.78	10.371	9.798	10.371	8.761	10.371	7.983
8	Máy dệt tròn SBY-850X6	9.998	3.777	9.998	3.110	9.998	2.611
9	01 Máy băm rửa liên tục túi PP model QX100, điện áp 380v/3P/50HZ, năng suất 1000kg/h	9.311	4.888	9.311	3.957	9.311	3.259
10	Máy dệt tròn SBY-850X6 (24 chiếc)	8.348	2.897	8.348	2.421	8.348	2.064
11	Xe ô tô lexus LS500h (L-aniline) GVF50L-AEVBH (BKS: 89A 121.95)	8.189	3.276	8.189	2.457	8.189	1.843

Nguồn: CTCP Thuận Đức

10.3. Thị trường hoạt động

Hiện tại, Thuận Đức là doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất các sản phẩm từ Polypropylene (PP) tại Việt Nam dựa trên việc chú trọng đầu tư công nghệ, con người, sản phẩm và hệ thống khách hàng.

Thị trường nội địa, đặc biệt là khu vực miền Bắc chiếm khoảng 70-80% doanh thu của TDP. Các sản phẩm chính cho thị trường này bao gồm các bao bì nông sản, thức ăn chăn nuôi và phân bón. Với danh mục sản phẩm phong phú và chất lượng vượt trội, Thuận Đức đã trở thành đối tác cung cấp chiến lược cho nhiều doanh nghiệp uy tín trong nước, tiêu biểu có thể kể đến như: CTCP Phân bón Bình Điền, Công ty TNHH MTV Biotech Quế Lâm, Công ty Thức ăn chăn nuôi Hòa Phát, Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Gia Hưng Việt, v.v. Hiện nay, công ty đang duy trì tệp khách hàng với hơn 500 doanh nghiệp đối tác đã giao dịch và hơn 400 đại lý phân phối trên toàn quốc, với tần suất hợp tác thường xuyên và ổn định.

Đặc biệt, dòng sản phẩm túi siêu thị thân thiện với môi trường – một trong những nhóm sản phẩm chủ lực mang tính chiến lược – đã khẳng định được vị thế trên thị trường quốc tế. Dòng túi này không chỉ đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng mà còn phù hợp với xu thế tiêu dùng xanh, nên rất được ưa chuộng tại nhiều quốc gia, bao gồm cả các thị trường khó tính như Mỹ, Nhật Bản và EU. Nhờ đó, Thuận Đức hiện đang là nhà cung cấp chính và đối tác chiến lược của nhiều tập đoàn bán lẻ lớn toàn cầu.

Trong năm 2024 Ban lãnh đạo Công ty đã có chiến lược kinh doanh phù hợp. Công ty đã tích cực đẩy mạnh hoạt động sản xuất, kinh doanh phục vụ thị trường trong nước, góp phần duy trì sự tăng trưởng và ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, với xu hướng lựa chọn các giải pháp thay thế túi nhựa dùng một lần trên toàn cầu, trong năm 2024 Công ty ghi nhận tổng doanh thu từ thị trường nước ngoài tăng trưởng từ 16,9% năm 2023 lên 20,3% năm 2024.

Tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận theo thị trường hoạt động chi tiết như sau:

Bảng 14: Doanh thu theo thị trường hoạt động của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Thị trường hoạt động	Năm 2023		Năm 2024		9 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Châu Âu	196.211	5,1%	263.641	6,0%	185.662	5,4%
Bắc Mỹ	93.903	2,5%	323.669	7,4%	189.707	5,5%
Nam Mỹ	87.967	2,3%	104.014	2,4%	87.973	2,5%
Châu Á + Úc + khác	228.643	6,0%	196.113	4,5%	155.037	4,5%
Trong nước	3.212.984	84,1%	3.491.681	79,7%	2.849.407	82,1%
Tổng cộng	3.819.708	100%	4.379.118	100%	3.467.787	100%

Nguồn: CTCP Thuận Đức

Bảng 15: Doanh thu theo thị trường hoạt động của Công ty (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Thị trường hoạt động	Năm 2023		Năm 2024		9 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Châu Âu	196.211	5,8%	263.641	6,9%	185.662	6,2%
Bắc Mỹ	93.903	2,8%	323.669	8,4%	189.707	6,4%
Nam Mỹ	87.967	2,6%	104.014	2,7%	87.973	2,9%
Châu Á + Úc + khác	228.643	6,8%	196.113	5,1%	155.037	5,2%
Trong nước	2.773.682	82,0%	2.950.955	76,9%	2.365.871	79,3%
Tổng cộng	3.380.406	100%	3.838.391	100%	2.984.250	100%

Nguồn: CTCP Thuận Đức

Bảng 16: Cơ cấu lợi nhuận gộp hợp nhất theo thị trường (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Thị trường hoạt động	Năm 2023		Năm 2024		9 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Châu Âu	46.628	13,2%	61.989	15,6%	44.172	15,5%
Bắc Mỹ	22.596	6,4%	74.939	18,8%	45.411	16,0%
Nam Mỹ	20.073	5,7%	22.223	5,6%	19.817	7,0%
Châu Á + Úc + khác	61.822	17,6%	59.075	14,9%	39.871	14,0%
Trong nước	201.306	57,1%	179.099	45,1%	135.292	47,5%
Tổng cộng	352.424	100%	397.325	100%	284.563	100%

Nguồn: CTCP Thuận Đức

Bảng 17: Cơ cấu lợi nhuận gộp hợp nhất theo thị trường (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Thị trường hoạt động	Năm 2023		Năm 2024		9 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Châu Âu	46.628	16,0%	61.989	18,2%	44.172	18,6%
Bắc Mỹ	22.596	7,8%	74.939	22,0%	45.411	19,2%
Nam Mỹ	20.073	6,9%	22.223	6,5%	19.817	8,4%
Châu Á + Úc + khác	61.822	21,3%	59.075	17,4%	39.871	16,8%
Trong nước	139.337	48,0%	122.000	35,9%	87.582	37,0%
Tổng cộng	290.455	100%	340.225	100%	236.853	100%

Nguồn: CTCP Thuận Đức

10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

STT	Tên dự án	Địa điểm	Thời gian khởi công	Tổng mức đầu tư dự kiến	Tình trạng hiện tại
1	Mở rộng nhà máy sản xuất bao bì Thái Yên	Thôn Thái Lai, Xã Tân Ninh, Tỉnh Thanh Hóa	Dự kiến 2025	514,89 tỷ đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà máy Thái Yên hiện đã hoàn thành giai đoạn 1 năm 2020, dự án đã đi vào hoạt động và có lãi, dự kiến mở rộng giai đoạn 2 của nhà máy vào năm 2025; - Đã được cấp QĐ chủ trương đầu tư điều chỉnh lần 3 ngày 08/05/2023, đã được cấp giấy phép xây dựng ngày 01/10/2025. Hiện đang tiến hành làm các thủ tục pháp lý liên quan; - Hiện Thuận Đức có Hợp đồng hợp tác kinh doanh BCC với Thái Yên (TD góp 70 tỷ, TDHY góp 50 tỷ).
2	Nhà máy sản xuất bao bì Thuận Đức JB	Thôn Bằng Ngang, xã Lương Bằng, tỉnh Hưng Yên	Tháng 1/ 2022	798 tỷ đồng. Trong đó giai đoạn 1 của dự án (dự kiến hoàn thành trong quý 1/2026) có tổng mức đầu tư là: 187,2 tỷ đồng.	<ul style="list-style-type: none"> - Đã được cấp QĐ chủ trương đầu tư điều chỉnh lần 6 số 41/QĐ-UBND ngày 02/05/2024; - Đã hoàn thiện các thủ tục pháp lý để đầu tư dự án; - Đang tiến hành các hạng mục xây dựng và đầu tư máy. Dự kiến trong quý 1 năm 2026, sẽ thực hiện xong giai đoạn 1 của dự án.
3	Nhà máy sản xuất bao bì và túi xách siêu thị xuất khẩu (Công ty CP Thuận Đức Bim Sơn)	Lô CN 5, Khu B, KCN Bim Sơn, thị xã Bim Sơn, Thanh Hóa	Dự kiến 2025	1.191,67 tỷ đồng.	<ul style="list-style-type: none"> - Đã được cấp QĐ chủ trương đầu tư điều chỉnh lần 4 ngày 24/09/2025; - Đã hoàn thiện các thủ tục pháp lý để đầu tư dự án. - Đang tiến hành hoạt động xây dựng nhà xưởng;

Nguồn: CTCP Thuận Đức

Trên bảng là một số tài sản đầu tư tiêu biểu của Thuận Đức đã thực hiện trong các năm với mục tiêu ổn định sản xuất, duy trì chất lượng tài sản, bổ sung tài sản cần thiết và cải tạo lại các điều kiện lao động, điều kiện môi trường tại các nhà máy của công ty. Ngoài ra còn nhiều hạng mục nhỏ khác được đầu tư song song, liên tục trong quá trình vận hành nhà máy.

10.5. Các hợp đồng lớn

Các hợp đồng lớn Công ty đã thực hiện, đã ký kết và chưa thực hiện từ năm 2023 đến nay như sau:

Bảng 18: Các hợp đồng lớn của Công ty

STT	Tên hợp đồng	Giá trị	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dịch vụ đầu vào, đầu ra	Đối tác tham gia	Các điều khoản quan trọng
Hợp đồng mua hàng							
1	28/10-HĐKT/2025/MP-TĐ	3.067.365.000 VND	28/10/2025	17 ngày	Hạt nhựa nguyên sinh	Công ty Mai Phương (TNHH)	Không có
2	1606/2025/HĐKT/KAN-TĐ	8.424.000.000 VND	16/06/2025	36 ngày	Hạt nhựa nguyên sinh	Công ty cổ phần Kanetora	Không có
3	ZQXS-250513-002	204.193,80 USD	13/05/2025	57 ngày	Màng BOPP	Màng BOPP	Không có
4	ZQXS-250414-010	206.803,98 USD	14/04/2025	59 ngày	Màng BOPP	Forop Advanced materials(Zhaoqing) Co.,LTD	Không có
5	HS-TĐ 07032025-001	6.973.120.000 VND	07/03/2025	61 ngày	Hạt nhựa nguyên sinh	Công ty TNHH Hóa Chất Hyosung Vina	Không có
6	ZQXS-250225-002	211.520 USD	25/02/2025	69 ngày	Màng BOPP	Forop Advanced materials (ZHAOQIN G) Co.,ltd	Không có
7	12/2024/HĐ NT	Theo từng đơn đặt hàng	02/01/2024	1094 ngày	Hạt nhựa nguyên sinh	Công ty cổ phần Stavian Hóa Chất	Không có
8	18-25/PT-TĐ	3.866.410.460 VND	17/02/2025	180 ngày	Hạt nhựa nguyên sinh	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu mây và phụ tùng	Không có

STT	Tên hợp đồng	Giá trị	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dịch vụ đầu vào, đầu ra	Đối tác tham gia	Các điều khoản quan trọng
9	1912/2024/H ĐKT/KAN-TĐ	28.881.900.000 VND	19/12/2024	46 ngày	Hạt nhựa nguyên sinh	Công ty cổ phần Kanetora	Không có
10	3006/2023/H ĐMB/TĐ-SH	5.643.000.000 VND	30/06/2023	Trong tháng 7/2023	Hạt nhựa nguyên sinh	Công ty TNHH du lịch và thương mại Sông Hồng	Không có
11	1303/HĐMB/KK-TĐ/2023	5.466.501.250 VND	13/03/2023	Tháng 03/2023	Hạt nhựa nguyên sinh	Công ty TNHH đầu tư phát triển thương mại Kim Khánh	Không có
12	0507/HĐMB/TP-TĐ	2.308.521.600 VND	05/07/2024	45 ngày	Hạt nhựa nguyên sinh	Công ty cổ phần Tập đoàn nhựa Super Trường Phát	Không có
13	67-24/PT-TĐ	13.365.341.605 VND	07/06/2024	145 ngày	Hạt nhựa nguyên sinh	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu máy và phụ tùng	Không có
14	FQXS-230829-001	131.787,2 USD	29/08/2023	113 ngày	Màng BOPP	Forop Advanced materials (ZHAOQIN G) Co.,Ltd	Không có
Hợp đồng bán hàng							
1	TD&EJ2503	204.176,40 USD	13/10/2025	60 ngày	Túi Shopping	Embacollage exclusive packing	Không có
2	EJ2502/EJ25 03377+EJ25 06870	263.808 USD	03/06/2025	Trong tháng 8/2025	Túi Shopping	Embacollage Exclusive Packaging	Không có
3	2006/2025/T D-PDV	4.810.985.850 VND	20/06/2025	43 ngày	Hạt nhựa nguyên sinh	Công ty cổ phần vận tải và tiếp vận Phương Đông Việt	Không có
4	LN2501-ĐT	202.400 USD	07/05/2025	Trong tháng 8/2025	Túi Shopping	Ningbo Future Houseware Co.,Ltd	Không có

STT	Tên hợp đồng	Giá trị	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dịch vụ đầu vào, đầu ra	Đối tác tham gia	Các điều khoản quan trọng
5	1203/2025/H ĐMT/TĐ-PL	4.096.137.376 VND	12/03/2025	80 ngày	Hạt nhựa nguyên sinh	Công ty cổ phần sản xuất và công nghệ nhựa Pha Lê	Không có
6	TD&SS2502	437.433,84 USD	24/04/2025	145 ngày	Túi Shopping	MARIO CO., LTD	Không có
7	TD&MT2403	974.715 USD	19/02/2025	180 ngày	Túi Shopping	Metropak	Không có
8	1504/2025/H ĐMB/TĐ-PV	3.928.567.500 VND	15/04/2025	65 ngày	Hạt nhựa nguyên sinh	Công ty TNHH PVCHEM-CS	Không có
9	0404/2025/T D-PDV	5.291.932.800 VND	04/04/2025	36 ngày	Hạt nhựa nguyên sinh	Công ty CP Vận tải và tiếp vận Phương Đông Việt	Không có
10	1502/2024/H ĐMB/TĐ-	4.254.008.000 VND	15/02/2024	43 ngày	Hạt nhựa nguyên sinh	Công ty TNHH đầu tư và phát triển thương mại Quốc Đạt	Không có
11	PI531.566-100323	40.922,40 USD	04/02/2023	Trong tháng 03/2023	Túi shopping	Mario co.ltd	Không có
12	2701/2023/H ĐMB/TĐ-QĐ	4.056.800.000 VND	27/01/2023	Trong tháng 02/2023	Hạt nhựa nguyên sinh	Công ty TNHH đầu tư và phát triển thương mại Quốc Đạt	Không có
13	0509/2024/H ĐMB/TĐ-ĐT	5.940.000.000 VND	05/09/2024	Trong tháng 09/2024	Hạt nhựa nguyên sinh	Công ty cổ phần đầu tư Đức Trung	Không có
14	TD&FA - 2503	100.320 USD	15/04/2025	Trong tháng 05/2025	Túi shopping	Fleet packing, inc	Không có

Nguồn: CTCP Thuận Đức

Các đối tác mua hàng và bán hàng được nêu trên không có mối quan hệ với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các cổ đông lớn của Công ty tại thời điểm ký kết hợp đồng.

Đồng thời các hợp đồng trên không có điều khoản quan trọng nào khác so với các hợp đồng kinh tế thông thường

10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

10.6.1. Nhà cung cấp lớn

Bảng 19: Các nhà cung cấp lớn của Công ty

STT	Nhà cung cấp lớn	Giá trị giao dịch (đồng)	Giá trị giao dịch/Doanh số mua hàng (%)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm/dịch vụ
9 tháng đầu năm 2025					
1	Công ty Cổ Phần STAVIAN Hoá Chất	1.779.072.394.413	36,5%	5 năm	Hạt nhựa nguyên sinh
2	Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu máy và phụ tùng	78.719.402.734	1,6%	4 năm	Hạt nhựa nguyên sinh
3	Công ty TNHH sản xuất nhựa Việt Nhật	29.327.249.996	0,6%	8 năm	Hạt nhựa nguyên sinh
4	FOROP ADVANCED MATERIALS (ZHAOQING) CO.,LTD	31.990.760.358	0,7%	5 năm	Nguyên vật liệu
5	Chi nhánh 3 - Công ty CP SX TM Tân Việt Sinh	18.188.229.000	0,4%	8 năm	Nguyên vật liệu
Năm 2024					
1	Công ty Cổ Phần STAVIAN Hoá Chất	1.474.352.780.147	50,0%	5 năm	Hạt nhựa nguyên sinh
2	CÔNG TY TNHH HÓA CHẤT HYOSUNG VINA	119.037.800.000	4%	4 năm	Hạt nhựa nguyên sinh
3	Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu máy và phụ tùng	146.388.570.914	5,0%	4 năm	Hạt nhựa nguyên sinh
4	FOROP ADVANCED MATERIALS	31.691.706.925	1,1%	5 năm	Nguyên vật liệu

STT	Nhà cung cấp lớn	Giá trị giao dịch (đồng)	Giá trị giao dịch/Doanh số mua hàng (%)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm/dịch vụ
	(ZHAOQING) CO.,LTD				
5	FOROP ADVANCED MATERIALS CO.,LTD	20.624.947.914	0,7%	5 năm	Nguyên vật liệu
Năm 2023					
1	Công ty Cổ Phần STAVIAN Hoá Chất	1.422.875.460.963	52,7%	5 năm	Hạt nhựa nguyên sinh
2	Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu máy và phụ tùng	156.291.469.414	5,8%	6 năm	Hạt nhựa nguyên sinh
3	Công ty TNHH đầu tư phát triển thương mại Kim Khánh	118.040.869.974	4%	7 năm	Hạt nhựa nguyên sinh
4	Công ty TNHH Sản Xuất Phụ Liệu May Vinazip	13.060.555.220	3,4%	8 năm	Nguyên vật liệu
5	FOROP ADVANCED MATERIALS CO.,LTD	10.395.181.298	2,7%	5 năm	Nguyên vật liệu

Nguồn: CTCP Thuận Đức

Các đối tác bán hàng được nêu trên không có mối quan hệ với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các cổ đông lớn của Công ty tại thời điểm ký kết hợp đồng.

10.6.2. Khách hàng lớn

Bảng 20: Các khách hàng lớn của Công ty

STT	Nhà cung cấp lớn	Giá trị giao dịch (đồng)	Giá trị giao dịch/Doanh số bán hàng (%)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm/dịch vụ
9 tháng đầu năm 2025					
1	Công ty TNHH Pvchem-Cs	307.432.354.500	10,3%	1 năm	Hạt nhựa nguyên sinh

STT	Nhà cung cấp lớn	Giá trị giao dịch (đồng)	Giá trị giao dịch/Doanh số bán hàng (%)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm/ dịch vụ
2	Công Ty Cổ phần Sản Xuất Và Công Nghệ Nhựa Pha Lê	233.140.781.500	7,8%	3 năm	Hạt nhựa nguyên sinh
3	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư MST	277.648.465.050	9,3%	3 năm	Hạt nhựa nguyên sinh
4	KeepCool Bags	26.780.921.156	0,9%	3 năm	Túi shopping
5	Mario Co., Ltd	47.388.801.443	1,6%	7 năm	Túi shopping
6	B4U IMPORTADORA EXPORTADORA E COMERCIO DE SACOLAS LTDA	67.703.814.388	2,3%	7 năm	Túi shopping
Năm 2024					
1	Công ty TNHH Một thành viên Logistics Viettel	569.050.991.797	14,8%	5 năm	Hạt nhựa nguyên sinh, bao PP
2	Công Ty Cổ Phần Vận Tải Và Tiếp Vận Phương Đông Việt	191.044.536.363	5,0%	3 năm	Hạt nhựa nguyên sinh, bao PP
3	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Đức Trung	230.391.439.384	6,0%	3 năm	Hạt nhựa nguyên sinh, bao PP
4	KeepCool Bags	131.207.875.389	3,4%	3 năm	Túi shopping
5	Euro Nature Green SDN BHD	106.095.847.234	2,8%	5 năm	Túi shopping
Năm 2023					
1	Công ty TNHH Một thành viên Logistics Viettel	499.506.386.358	14,8%	5 năm	Hạt nhựa nguyên sinh
2	Công ty cổ phần đầu tư MST	278.075.844.226	8,2%	3 năm	Hạt nhựa nguyên sinh
3	Công ty cổ phần Đại Kim	159.477.227.280	4,7%	5 năm	Hạt nhựa nguyên sinh
4	Euro Nature Green SDN BHD	124.479.393.884	3,7%	5 năm	Túi shopping
5	Mario Co., Ltd	53.006.944.979	1,6%	7 năm	Túi shopping

Nguồn: CTCP Thuận Đức

Các đối tác khách hàng được nêu trên không có mối quan hệ với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các cổ đông lớn của Công ty tại thời điểm ký kết hợp đồng.

10.7. Vị thế của Công ty trong ngành

10.7.1. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

Thị trường bao bì Việt Nam hiện có khoảng 14.000 doanh nghiệp trong lĩnh vực bao bì, trong đó 65% tập trung sản xuất bao bì nhựa. Công ty Cổ phần Thuận Đức vinh dự đứng vị trí số 2 trong bảng xếp hạng 10 Doanh nghiệp bao bì uy tín trong 03 năm liên tiếp 2022 – 2025 do Vietnam Report bầu chọn. Bảng xếp hạng dựa trên 3 tiêu chí chính: (1) Năng lực tài chính thể hiện trên báo cáo tài chính năm gần nhất; (2) Uy tín truyền thông được đánh giá bằng phương pháp Media Coding – mã hóa các bài viết về công ty trên các kênh truyền thông có ảnh hưởng; (3) Khảo sát đối tượng nghiên cứu và các bên liên quan.

Công ty Cổ phần Thuận Đức có bề dày kinh nghiệm, dây chuyền sản xuất hiện đại, quy mô không ngừng mở rộng.

Với hơn 18 năm phát triển, TDP đã trở thành một đơn vị uy tín được hơn 500 doanh nghiệp và người tiêu dùng trong nước lựa chọn, đồng thời cũng là nhà cung cấp chính và đối tác chiến lược của khoảng hơn 20 tập đoàn bán lẻ trên thế giới.

Trong suốt quá trình phát triển, TDP đã không ngừng cải tiến kỹ thuật, công nghệ. Các cơ sở sản xuất của TDP được trang bị dây chuyền sản xuất hiện đại tuân thủ một quy trình kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt. 100% máy móc, thiết bị chính được nhập khẩu sau khi được khảo sát kỹ lưỡng, sau đó điều chỉnh tối ưu phù hợp với thực tế sản xuất trên 10 năm của đội ngũ kỹ thuật quản lý am hiểu sâu về lĩnh vực.

Trên cơ sở đầu tư công nghệ, kỹ thuật hiện đại đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, TDP đã và đang mở rộng quy mô sản xuất. Hiện tại, Công ty đang sở hữu 05 nhà máy bao gồm 4 nhà máy tại Kim Động, Hưng Yên đang hoạt động, 1 nhà máy tại Triệu Sơn, Thanh Hóa. Đồng thời Công ty cũng đang có kế hoạch mở rộng thêm nhà máy tại Bim Sơn Thanh Hóa và nhà máy tại Hưng Yên Thuận Đức JB để mở rộng năng lực sản xuất và hoàn thiện chuỗi các sản phẩm trong ngành nhựa PP bao bì đựng công nghiệp. Các nhà máy với công suất lớn, hoạt động liên tục, hệ thống máy móc tự động sẽ tạo sản lượng lớn, đảm bảo nguồn cung ổn định cho thị trường trong nước và quốc tế.

Quy trình sản xuất khép kín, đạt chuẩn quốc tế.

Dây chuyền sản xuất khép kín từ khâu thu mua đến khâu phân phối sản phẩm nên hoạt động sản xuất của các nhà máy của TDP mang tính chủ động cao, tự chủ về nguồn nguyên liệu.

Đặc biệt, Công ty sở hữu nhà máy sản xuất hạt nhựa tái chế từ vỏ bao xi măng đập – một trong những nguyên liệu đầu vào chính để sản xuất túi siêu thị PP với công suất khoảng 43.061 tấn hạt nhựa giúp chủ động nguồn nguyên liệu. Điều này không chỉ giúp gia tăng doanh thu mà còn đảm bảo tính ổn định trong sản xuất cho TDP. Đây là một trong những yếu tố then chốt giúp TDP cạnh tranh và đứng vững trong ngành hơn 10 năm qua.

Vấn đề chất lượng sản phẩm luôn được TDP đặt lên hàng đầu, đặc biệt với những đơn hàng xuất khẩu phục vụ cho các khách hàng quốc tế với tiêu chuẩn khắt khe. Do đó xuyên suốt quá trình phát triển, TDP đã chủ trương xây dựng toàn diện bộ quy chuẩn về chất lượng, về sử dụng lao động, tiêu chuẩn bảo vệ môi trường, vệ sinh thực phẩm, nhà xưởng, trang thiết bị bảo hộ cho người lao động theo các tiêu chuẩn quốc tế. Hiện nay, TDP đã đạt được chứng chỉ quốc tế như: ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ICS, BSCL. Đây cũng là một lợi thế đảm bảo cho sự phát triển bền vững của TDP ở hiện tại và tương lai trong môi trường cạnh tranh ngày càng cao của thị trường nội địa và với tham vọng không ngừng lớn mạnh vươn ra thị trường quốc tế.

Ngoài ra, đội ngũ bán hàng của Công ty cũng có nhiều năm kinh nghiệm trong kinh doanh túi siêu thị PP và trong lĩnh vực xuất khẩu. Công tác marketing không ngừng được mở rộng, nâng cao để ngày càng mở rộng thị trường trong nước và tăng cường tiếp cận với thị trường xuất khẩu. Hiện nay, ngoài việc tiếp cận khách hàng và bán hàng trực tiếp, TDP còn đang tìm kiếm thị trường tiêu thụ qua các kênh thương mại điện tử B2B, trang web quảng cáo, xúc tiến thương mại, tham gia các hội trợ trưng bày sản phẩm, tăng cường kết nối khách hàng ... Mạng lưới khách hàng của TDP phủ khắp cả nước với hơn 500 doanh nghiệp nội địa và hơn 20 đối tác là tập đoàn nước ngoài từ những thị trường khó tính như Nhật Bản, Châu Âu...

Bảng 21: So sánh Kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2025 của các công ty tương tự trong ngành

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	CTCP Thuận Đức (HOSE:TDP)	CTCP Nhựa An Phát Xanh (HOSE:AAA)	CTCP Nhựa Hà Nội (HOSE:NHH)	CTCP Nhựa Bình Minh (HOSE:BMP)
Tổng tài sản	4.211.709	12.241.738	2.471.447	3.970.852
Vốn chủ sở hữu	1.096.012	6.017.883	1.825.160	3.148.211
Vốn điều lệ	882.223	3.937.427	1.129.640	818.609
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.457.972	8.535.856	1.755.965	4.223.520
Doanh thu tài chính	47.576	138.037	21.372	73.131
Lợi nhuận/ (Lỗ) khác	(1.320)	(20)	(57)	2.018
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	101.155	435.668	142.978	1.210.786
Lợi nhuận sau thuế	75.862	361.900	119.185	967.392
Lợi nhuận sau thuế (4 quý gần nhất) / vốn chủ sở hữu bình quân (%)	8,62%	6,95%	7,89%	40,97%

Nguồn: Tổng hợp từ các BCTC hợp nhất 9 tháng đầu năm 2024 và 2025 của các công ty

10.7.2. Triển vọng phát triển của ngành

Ngành nhựa thế giới với xu thế chuyển đổi nhanh chóng, được thúc đẩy bởi sự thay đổi nhu cầu của thị trường, sự phát triển của khoa học công nghệ và sự tập trung ngày càng cao vào vấn đề môi trường. Tương lai ngành nhựa thế giới có thể hiện qua các xu hướng gồm: Sản xuất nhựa bền vững, nhu cầu sử dụng sản phẩm nhựa thân thiện với môi trường, và vật liệu tiên tiến cùng công nghệ mới. Với xu hướng hiện tại tạo điều kiện thuận lợi cho các sản phẩm của Công ty Thuận Đức thâm nhập sâu vào thị trường thế giới.

Ngành nhựa Việt Nam đang ghi nhận mức tăng trưởng mạnh mẽ, đóng góp đáng kể vào nền kinh tế và xu hướng toàn cầu hướng về xanh hóa. Năm 2024, sản lượng ngành đạt khoảng 10,8 triệu tấn, và theo dự báo của IMARC Group, con số này dự kiến tăng lên 23,8 triệu tấn vào năm 2033, tương ứng mức tốc độ tăng trưởng hàng năm khoảng 8,2% từ 2025 đến 2033. Về mặt doanh thu, ngành nhựa Việt Nam ghi nhận giá trị lên đến 6,47 tỷ USD vào năm 2023, và được dự báo tăng lên 9,24 tỷ USD vào năm 2030 với tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm khoảng 5,2%. Xuất khẩu sản phẩm nhựa cũng là điểm sáng: Việt Nam nằm trong nhóm những nhà xuất khẩu nhựa tăng trưởng nhanh nhất năm 2024, với mức tăng 23,2% về giá trị. Đồng thời, ngành sản xuất nhựa nội địa cũng phục hồi mạnh mẽ, tăng 24,9% theo năm trong toàn năm 2024 và tăng 6,1% chỉ riêng trong tháng 12 so với tháng trước đó.

Động lực tăng trưởng đến từ nhiều yếu tố then chốt như: nhu cầu lớn từ các ngành đóng gói, xây dựng, điện tử, và tiêu dùng nội địa; làn sóng đầu tư FDI mạnh mẽ; cùng xu hướng chuyển dịch sang sản xuất xanh, thân thiện môi trường.

Bên cạnh những thành tựu đã ghi nhận thì nền kinh tế ngành nhựa hiện nay cũng đang đứng trước thách thức không nhỏ như: Việc tái chế và quản lý rác thải nhựa, phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu do nguồn cung không ổn định, việc bị động về nguồn nguyên liệu, kéo theo thiếu chủ động về giá nguyên liệu đã là một trong những lực cản lớn cho các doanh nghiệp nhựa.

Trong nước, ngày càng nhiều các doanh nghiệp chuyển sang sử dụng nguyên liệu tái chế, nhựa sinh học nhằm đáp ứng nhu cầu về sản phẩm bền vững. Tuy vậy, tái chế nhựa truyền thống vẫn là lựa chọn khả thi và hiệu quả nhất để giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường. Các vật liệu mới như nhựa sinh học còn đang đối mặt với nhiều hạn chế về chi phí sản xuất và công nghệ chế biến dẫn đến việc ứng dụng trên diện rộng còn gặp nhiều trở ngại. Tại Thuận Đức, doanh nghiệp đã làm chủ được nguồn nguyên liệu nhựa nhờ áp dụng công nghệ tái sinh hạt nhựa PP, nhờ đó tạo được lợi thế cạnh tranh rất lớn, giảm giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận và tái đầu tư cho nghiên cứu phát triển các sản phẩm nhựa kỹ thuật cao.

10.7.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới

▪ **Định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới**

Trong 02 năm trở lại đây, xu thế chung của toàn cầu là tiến tới giảm thiểu chất thải nhựa, khuyến khích phát triển các sản phẩm từ nhựa tái sinh, thân thiện với môi trường. So với các sản phẩm nhựa truyền thống khác, nhựa tái sinh mang nhiều ưu điểm vượt trội hơn hẳn, đang ngày càng được thế giới ưa chuộng, đặc biệt là ở các nước phát triển do đặc tính thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng do có thể tái chế sau khi đã qua sử dụng. Sản phẩm nhựa tái chế đang dần thay thế sản

phẩm nhựa truyền thống, sản lượng nhựa tái chế tăng trung bình 11% trong 10 năm trở lại đây – mức tăng trưởng ấn tượng nhất trong ngành nhựa thế giới. Sự phát triển của các ngành sản phẩm cuối như thực phẩm, xây dựng, thiết bị điện tử, ô tô,... sẽ là điểm tựa cho sự tăng trưởng của ngành nhựa, đặc biệt là trong phân khúc nhựa bao bì và nhựa xây dựng. Hiện nay, vấn đề giải quyết ô nhiễm rác thải nhựa đã được các quốc gia, lãnh đạo các tập đoàn đa quốc gia khẳng định là mối quan tâm chung toàn cầu, đưa ra các cam kết mạnh mẽ về chống rác thải nhựa. Nhiều quốc gia trên thế giới đã có những hành động cụ thể để giảm thiểu và cấm sử dụng một số sản phẩm nhựa không thân thiện môi trường.

Đồng thời, tăng cường tái chế, tái sử dụng và tuần hoàn chất thải nhựa. Là quốc gia đang phát triển, Việt Nam phải đối mặt với nhiều vấn đề về suy thoái, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, đặc biệt là ô nhiễm do rác thải nhựa hay còn gọi là “ô nhiễm trắng”. Nhận thức rõ vấn đề này, trong thời gian qua, Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt việc thực hiện chính sách, chiến lược để kiểm soát ô nhiễm môi trường do sử dụng túi ni lông, sản phẩm nhựa trong sinh hoạt, quản lý chất thải rắn; thực hiện chuyển đổi mô hình tăng trưởng, thúc đẩy xây dựng nền kinh tế tuần hoàn, trong đó chú trọng giảm thiểu, tăng cường tái chế, tái sử dụng, tận dụng tối đa giá trị của rác thải nhựa cho các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội.

▪ **Định hướng phát triển của TDP**

Tiếp tục đẩy mạnh sản xuất các sản phẩm nhựa PP tái chế Công ty đặt mục tiêu phát triển bền vững, hướng tới vị trí là một trong những đơn vị hàng đầu về sản xuất các sản phẩm từ nhựa PP, nổi bật là hạt nhựa PP tái chế, bao bì PP và túi siêu thị PP. Định hướng lấy công nghệ hiện đại làm nền tảng cho sự phát triển và lấy chất lượng sản phẩm và sự hài lòng của khách hàng làm trọng tâm.

Nâng cao chất lượng, số lượng và chủng loại sản phẩm thông qua nghiên cứu, áp dụng các công cụ quản lý tiên tiến, hiện đại của thế giới, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến công nghệ sản xuất tự động hóa, công nghệ thông tin và công cụ hỗ trợ làm việc nhằm nâng cao năng suất lao động, cảnh báo rủi ro giảm hao hụt nguyên vật liệu, tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất và sản xuất ra những sản phẩm chất lượng hàng đầu bắt kịp xu hướng và đáp ứng yêu cầu khắt khe của thị trường quốc tế. Phát triển nguồn nhân lực để tạo lợi thế cạnh tranh, có các chính sách tuyển dụng, đãi ngộ phù hợp, chú trọng công tác đào tạo, nâng cao chuyên môn, tay nghề cho cán bộ, nhân viên.

Tiếp tục mở rộng quy mô sản xuất, Công ty đầu tư xây dựng 01 nhà máy chuyên sản xuất hạt nhựa PP và các loại sản phẩm bao bì PP tại Thanh Hóa với công suất dự kiến 60.000 tấn/năm và 01 nhà máy chuyên sản xuất túi PP xuất khẩu tại Hưng Yên với công suất dự kiến 30-35 triệu túi/tháng. Khi 02 nhà máy mới này đi vào hoạt động, sản lượng sản xuất của Công ty sẽ nâng lên đáng kể, đảm bảo nguồn cung ổn định cho thị trường trong nước và quốc tế. Sản xuất và xuất khẩu túi siêu thị PP thân thiện với môi trường vẫn là hoạt động mũi nhọn: Ban lãnh đạo Công ty xác định thị trường chủ lực vẫn là xuất khẩu túi siêu thị PP đến các nước EU, Nhật, Canada,... Đồng thời tiếp tục mở rộng thị trường sang một số nước Châu Á, Úc, Hoa Kỳ và Mỹ La tinh. Doanh nghiệp tiêu biểu về thực hiện trách nhiệm xã hội: Trong các hoạt động kinh doanh, Công ty luôn đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật về môi trường. Ngoài chế độ lương, thưởng phù hợp, Công ty cũng thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách khác của Nhà nước đảm bảo quyền lợi cho người lao động. Ngoài ra, Công ty cũng thường xuyên tổ chức hoạt động xã hội mang ý nghĩa như: Giúp đỡ các

hoàn cảnh khó khăn trong Công ty, trên địa bàn Công ty hoạt động và trên cả nước, tổ chức các chương trình tình nguyện tại các Trung tâm bảo trợ xã hội

- **Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới**

Trong tương lai ngành nhựa vẫn đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam. TDP là một trong số ít những doanh nghiệp có đủ điều kiện sản xuất hạt nhựa tái chế theo Quyết định chủ trương đầu tư đối với Nhà máy sản xuất bao bì dệt Thuận Đức với nguyên liệu đầu vào 90% là hạt nhựa nguyên sinh; 10% từ phế liệu tái chế. Đây là cơ sở vững chắc, là tiền đề phát triển thành doanh nghiệp sản xuất bao bì thân thiện với môi trường ở Việt Nam và khu vực. Công ty luôn đặt mục tiêu chất lượng sản phẩm lên hàng đầu, không ngừng cải tiến, nâng cao trình độ kỹ thuật, công nghệ, mở rộng quy mô sản xuất đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường trong nước và quốc tế. Định hướng phát triển của Công ty tương đối khá quan, phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế, chủ trương chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới. Nếu không có những diễn biến bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty thì định hướng phát triển của Công ty sẽ giúp Công ty đạt được những mục tiêu lợi nhuận trong tương lai.

10.8. Hoạt động Marketing

Trong những năm qua, Công ty đã thực hiện rất tốt hoạt động marketing theo những đặc thù riêng của mình và đã đạt được những hiệu quả cao. Đến nay sản phẩm và dịch vụ của Công ty đã có uy tín trên thị trường trong nước và quốc tế. Công ty luôn có những hợp đồng dài hạn với các đối tác là những công ty lớn, có nhu cầu mua hàng thường xuyên với khối lượng ổn định.

Sản phẩm

Hiện nay, TDP chủ yếu sản xuất các sản phẩm hạt nhựa PP, manh dệt PP, bao bì PP, túi siêu thị PP. Các sản phẩm của Công ty vừa mang tính chuyên môn hóa, vừa mang tính đa dạng hóa nhằm từng bước đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng. Đặc biệt là sản phẩm bao bì PP được ứng dụng rộng rãi trong lĩnh vực nông nghiệp, thức ăn chăn nuôi và túi siêu thị đáp ứng nhu cầu sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường của các nước ngoài khu vực như Nhật Bản, Mỹ, EU...

Giá cả

Công ty áp dụng chính sách giá bán linh hoạt căn cứ theo điều kiện kinh doanh và tình hình nhu cầu của thị trường, đồng thời phù hợp với đối tượng khách hàng của Công ty. Giá cả được hình thành dựa trên cơ sở phân tích biến phí và định phí, kết hợp với tỷ suất sinh lời phù hợp và được điều chỉnh lại dựa vào các biến số thị trường và khách hàng, đảm bảo tính cạnh tranh và mang lại lợi ích tối đa.

Được đầu tư dây chuyền máy móc tiên tiến và hiện đại, nên các sản phẩm hạt nhựa PP, manh dệt PP, bao bì PP, túi siêu thị của Công ty luôn có mức giá cạnh tranh cao đối với các doanh nghiệp cùng ngành. Đồng thời, các sản phẩm dịch vụ của Công ty luôn đảm bảo chất lượng và hiệu quả sử dụng.

Phân phối

Hiện nay, các sản phẩm dịch vụ của Công ty đang được cung ứng và phục vụ cho cả thị trường nội địa và quốc tế. Việc vận chuyển hàng hóa được áp dụng cả phương thức vận chuyển đường bộ (đối với các sản phẩm nội địa) và đường biển (đối với các sản phẩm xuất khẩu).

Hệ thống phân phối rộng khắp bao gồm 01 Chi nhánh tại Miền Nam (tỉnh Long An), 01 Chi nhánh tại Miền Trung (tỉnh Thanh Hóa) và hơn 300 đại lý bán hàng trên toàn quốc. Trong hoạt động dịch vụ bán hàng, bộ phận kinh doanh của Công ty luôn bám sát khách hàng, hỗ trợ giao hàng tận nơi, nhanh chóng, đúng hẹn, được khách hàng đánh giá cao. Ngoài ra, Công ty cũng thường xuyên thăm hỏi và tặng quà khách hàng nhân dịp lễ tết và sự kiện đặc biệt của khách hàng. Điều này đã mang lại những khách hàng truyền thống, lâu năm, gắn bó với Công ty.

Xúc tiến bán hàng

Với định hướng phát triển chính là nhằm vào thị trường quốc tế, TDP xác định hoạt động kinh doanh của mình sẽ gặp phải sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp trên thế giới. Do đó, Công ty luôn chú trọng đến hoạt động xúc tiến bán hàng và chăm sóc khách hàng của mình.

Bên cạnh đó, Công ty liên tục tuyển dụng các nhân sự bán hàng cao cấp. Hiện nay, hoạt động bán hàng của Công ty được chia làm hai mảng (nội địa và xuất khẩu) với đội ngũ nhân sự năng động và giàu kinh nghiệm. Bên cạnh đó, nắm bắt xu thế kinh doanh và tiếp thị mới của thị trường, Công ty cũng thực hiện những hình thức giới thiệu sản phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng như website của Công ty, các trang web quảng cáo bán hàng, xúc tiến thương mại...

Quảng cáo

Với việc xác định rõ ràng nhóm khách hàng mục tiêu, kế hoạch quảng cáo dài hạn và ngắn hạn của công ty được đặt ra phù hợp với mục đích phát triển bền vững lâu dài cũng như mục tiêu trước mắt. Công ty đã xây dựng phát triển hệ thống thông tin bao gồm website công ty, mạng xã hội; xây dựng chiến lược marketing và truyền thông thương hiệu, sản phẩm; thực hiện quảng bá thương hiệu, sản phẩm Thuận Đức thông qua các kênh thương mại điện tử quốc tế và trong nước như Alibaba, TCV truyền hình, đài truyền thanh – VOV giao thông, quảng cáo ngoài trời, báo chí, các kênh online và mạng xã hội.

10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

Công ty đã thực hiện đăng ký nhãn hiệu, quyền tác giả và có logo riêng.

- Nhãn hiệu thương mại: Công ty Cổ phần Thuận Đức
- Tên tiếng Anh: Thuan Duc Join Stock Company
- Logo Công ty:



- Công ty đã đăng ký tên miền: thuanducjsc.vn

Công ty Cổ phần Thuận Đức đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 267877 theo Quyết định số 55852/QĐ-SHTT, ngày 05/09/2016 của Cục sở hữu trí tuệ.

10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển

Chính sách nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới của Công ty gắn liền với quá trình thực tế sản xuất các sản phẩm của Công ty. Do đó, tại mỗi nhà máy của Công ty đều có Bộ phận nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới. Bộ phận này thực hiện việc nghiên cứu, phân tích đặc thù nguyên liệu hạt nhựa cho các sản phẩm ứng dụng khác nhau để đề xuất với lãnh đạo Công ty hướng phát triển, đa dạng hóa sản phẩm mới. Công ty cũng thường xuyên cải tiến mẫu mã, đa dạng hóa sản phẩm, đầu tư công nghệ nhằm khắc phục một số yếu điểm trong quá trình sản xuất hiện tại, đồng thời giảm thiểu chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

Cho đến nay, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn tập trung phát triển hai mảng sản phẩm chính của là Bao bì PP và Túi siêu thị PP. Bên cạnh đó, Công ty đã thành lập Bộ phận Nghiên cứu và Phát triển (R&D), Bộ phận đang có những chiến lược phát triển các sản phẩm mới để mở rộng, tiếp cận nhu cầu của những thị trường tiềm năng khác, góp phần phát triển tích cực đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Nhóm nghiên cứu – phát triển sản phẩm:

Mục đích của nhóm nghiên cứu – phát triển sản phẩm là nhằm tạo ra những sản phẩm mới về: thiết kế, kiểu dáng, công dụng, chất liệu, tính năng... cải tiến, nâng cao chất lượng những sản phẩm hiện có.

Nhóm nghiên cứu – phát triển công nghệ:

Mục đích của việc nghiên cứu, phát triển công nghệ nhằm mục đích tạo ra những công nghệ mới để cải tiến những sản phẩm cũ, ứng dụng vào những sản phẩm mới có chất lượng và giá thành tốt hơn;

Nhiệm vụ này còn bao gồm cả việc “tinh báo công nghệ” – nghiên cứu bí quyết công nghệ của các đối thủ để học theo hoặc dựa vào đó phát triển công nghệ mới cho doanh nghiệp mình.

Nhóm nghiên cứu – phát triển quy trình:

Mục đích của nhóm này được xem là hoạt động nghiên cứu – phát triển “phần mềm” với mục đích cải tiến, phát triển quy trình vận hành (cho máy móc), quy trình sản xuất (cho sản phẩm), quy trình làm việc của các phòng ban,...

10.11. Chiến lược kinh doanh

10.11.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Trở thành một trong những tập đoàn hàng đầu trong lĩnh vực bao bì nhựa tại Việt Nam và khu vực Đông Nam Á.
- Định vị thương hiệu công ty bằng việc hoạch định chiến lược marketing năng động, phù hợp hướng tới ưu. Chú trọng công tác bảo vệ và phát triển thương hiệu, duy trì mối quan hệ tốt với cộng đồng doanh nghiệp, giới truyền thông, chấp hành các cấp để cải tiến giá trị, phát triển tốt hình ảnh doanh nghiệp, tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi cho công ty.
- Công ty định hướng lấy công nghệ hiện đại làm nền tảng cho sự phát triển và chất lượng sản phẩm được đặt lên hàng đầu, đảm bảo mỗi sản phẩm làm ra đều đạt tiêu chuẩn cao nhất. Theo

đó, chú trọng phát triển công nghệ xanh nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng và góp phần bảo vệ môi trường.

- Áp dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại của thế giới, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến công nghệ sản xuất tự động hóa và công nghệ thông tin, công cụ hỗ trợ làm việc nhằm nâng cao năng suất lao động, cảnh báo được các rủi ro có thể gặp phải, giảm chi phí, giảm hao hụt nguyên vật liệu, tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất.
- Định hướng phát triển nguồn nhân lực để tạo lợi thế cạnh tranh, công ty hướng đến chính sách lương thưởng cạnh tranh, các chế độ đãi ngộ cho nhân viên và người thân, các chính sách phát triển nghề nghiệp, trên tinh thần cởi mở, hợp tác để người lao động yên tâm công tác.

10.11.2. Chiến lược thực thi và phát triển

Chiến lược phát triển trung và dài hạn (Giai đoạn 2025-2030)

Tập trung đạt được tăng trưởng ổn định và nâng cao tỷ suất lợi nhuận ở mức hợp lý, nỗ lực không ngừng để đa dạng hóa khách hàng, thương hiệu được lan tỏa đến thị trường tiêu dùng. Hướng đến mô hình Thuận Đức Group với hoạt động cốt lõi về Ngành nhựa PP ở tất cả các phân khúc sản phẩm.

- **Về con người:** Lấy con người là trung tâm của mọi hoạt động, TDP xây dựng chiến lược nhân sự theo lớp ở tất cả các lĩnh vực/phòng ban, xây dựng khung năng lực cụ thể ở từng vị trí, chú trọng đầu tư vào phát triển nguồn nhân lực thông qua các chương trình đào tạo kiến thức và kỹ năng cho người lao động. Công ty chủ động xây dựng chính sách đãi ngộ khen thưởng đặc biệt nhằm thu hút và giữ được người tài.
- **Về tài chính:** Công ty đặt tiêu chuẩn phát triển bền vững, duy trì tốc độ tăng trưởng năm sau tăng cao hơn năm trước, giữ vững vị trí là một trong những đơn vị hàng đầu về sản xuất các sản phẩm từ polypropylene, nổi bật là hạt nhựa tái chế và bao bì PP.
- **Về khách hàng:** Trở thành đối tác tin cậy, chuyên nghiệp trong việc cung cấp các sản phẩm chất lượng tốt nhất, đảm bảo về tiến độ, cam kết chất lượng dịch vụ khách hàng.
- **Về sản phẩm:** Đầu tư mạnh mẽ vào nghiên cứu và ứng dụng các vật liệu thân thiện môi trường, tiên phong trong công nghệ tái sinh nguồn nguyên liệu, sản xuất các sản phẩm PP có chất lượng cao, có thể tái chế và tái sử dụng hiệu quả.
- **Về công nghệ kỹ thuật:** Không ngừng cải tiến và đổi mới công nghệ kỹ thuật nhằm giảm chi phí, tiết kiệm thời gian, tăng hiệu suất lao động. Trở thành doanh nghiệp không chỉ kinh doanh giỏi, hệ thống quản trị hiệu quả mà còn dẫn đầu về công nghệ và văn hóa doanh nghiệp.
- **Về thị trường trong tương lai:** Chiếm lĩnh thị trường Việt Nam, mở rộng thị trường ở khu vực Đông Nam Á, Bắc Âu, Bắc Mỹ, EU, Châu Á – Thái Bình Dương.

10.11.3. Chiến lược phát triển bền vững

Sản xuất nhựa bền vững đang trở thành một ưu tiên hàng đầu. Với sự gia tăng các mối quan tâm về môi trường cũng các quy định toàn cầu, nhu cầu sử dụng các vật liệu thân thiện với môi trường ngày càng cao. Điều này bao gồm việc phát triển các loại nhựa có khả năng tái chế và phân hủy sinh học.

Nhận thức rõ điều này, TDP cam kết xây dựng và phát triển theo các tiêu chí ESG (môi trường – xã hội – quản trị) nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững và đóng góp tích cực vào cộng đồng.

- Môi trường luôn là vấn đề nan giải với ngành nhựa nói chung và Thuận Đức xác định là yếu tố sống còn sát kế kinh doanh phát triển với chiến lược bảo vệ môi trường. Từ đó, định hướng trở thành một vài phát triển công nghệ “xanh” nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng về sản phẩm nhựa sinh học.
- Với thế mạnh là một trong những đơn vị tiên phong về tái chế nhựa tại Việt Nam, Thuận Đức luôn tiên phong trong việc đổi mới và nghiên cứu về sử dụng nguyên liệu, sản xuất các sản phẩm bao bì PP từ chất liệu tái chế, hướng đến các tiêu chuẩn sản xuất bền vững, tuần hoàn.
- Tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Pháp luật về an toàn lao động, đảm bảo các quyền lợi của người lao động theo mức cao nhất; xây dựng hệ thống an toàn lao động và sức khỏe lao động. TDP đã thành lập Ủy ban Thường trực An toàn – Vệ sinh lao động nhằm quản lý và điều hành các chính sách an toàn của Công ty.

10.12. Trường hợp Tổ chức phát hành hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nêu thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan

Không có

11. Chính sách đối với người lao động

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững, do vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn, tay nghề cao, tác phong phục vụ chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình.

11.1. Số lượng và cơ cấu lao động trong Công ty

Số lượng lao động của Công ty trong hai năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán là 2023 và 2024 lần lượt là **1.231** và **1.139** người.

Tính đến thời điểm 30/09/2025, tổng số lượng lao động của Công ty là **1.192** người. Cơ cấu lao động của Công ty phân theo giới tính, trình độ chuyên môn và thời hạn hợp đồng lao động được thể hiện trong bảng sau.

Bảng 22: Cơ cấu lao động Công ty

Cơ cấu lao động	Năm 2023		Năm 2024		30/09/2025	
	Số lượng	Tỷ trọng	Số lượng	Tỷ trọng	Số lượng	Tỷ trọng
Phân loại theo giới tính	1.231		1.139		1.192	
Nam	835	68%	694	61%	739	62%
Nữ	396	32%	445	39%	453	38%
Phân loại theo trình độ	1.231		1.139		1.192	
Trên đại học	3	0%	3	0%	3	0%

Cơ cấu lao động	Năm 2023		Năm 2024		30/09/2025	
	Số lượng	Tỷ trọng	Số lượng	Tỷ trọng	Số lượng	Tỷ trọng
Đại học	75	6%	77	7%	83	7%
Cao đẳng, Trung cấp	61	5%	53	5%	70	6%
Sơ cấp và công nhân kỹ thuật	25	2%	28	2%	45	4%
Lao động phổ thông	1.067	87%	978	86%	991	83%

Nguồn: CTCP Thuận Đức

11.2. Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc không quá 8h/ngày, 48 giờ trong tuần. Tùy theo điều kiện, khối lượng công việc và khả năng thực hiện nhiệm vụ mà tổ chức thực hiện chế độ làm việc 40 giờ trong tuần (05 ngày) nghỉ thứ 7, chủ nhật. Trường hợp phải làm thêm giờ do yêu cầu của sản xuất kinh doanh không quá 04 giờ trong một ngày và 200 giờ trong một năm.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết: Thực hiện theo Luật lao động, nhân viên Công ty được nghỉ lễ, tết, nghỉ ốm, thai sản theo quy định của Bộ Luật Lao động, cụ thể:

- Nghỉ phép năm 12 ngày đối với người làm công việc trong điều kiện bình thường.
- Nghỉ phép năm 14 ngày đối với người làm công việc trong điều kiện đặc biệt nặng nhọc độc hại.
- Số ngày nghỉ phép được tăng theo thâm niên làm việc tại Công ty, cứ đủ 05 năm được nghỉ thêm 01 ngày, có đủ 30 năm trở lên được nghỉ thêm 06 ngày.
- Nghỉ Tết dương lịch 01 ngày; nghỉ Tết âm lịch 05 ngày; nghỉ Giỗ tổ Hùng Vương 01 ngày; nghỉ lễ 30/04 01 ngày; nghỉ ngày Quốc tế lao động 01 ngày; nghỉ Quốc khánh 02 ngày.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát, trang bị đầy đủ dụng cụ, thiết bị hỗ trợ công việc. Những CBCNV do yêu cầu công việc phải đi công tác xa sẽ được hưởng phụ cấp công tác phí và thanh toán các khoản phí đi lại, ăn ở theo quy định của pháp luật.

11.3. Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Trong năm 2024, Công ty đổi mới và hoàn thiện quy chế đào tạo, tuyển dụng dựa trên nguyên tắc công khai, công bằng và minh bạch.

Công ty rất chú trọng phát triển nguồn nhân lực có trình độ và tay nghề cao. Tùy theo yêu cầu công việc, Công ty ban hành quy chế tuyển dụng cụ thể và phù hợp với nhu cầu công việc của từng bộ phận, phòng ban.

Công ty rất chú trọng đến công tác đào tạo và tự đào tạo cho CBCNV trong các phòng ban, phân xưởng. Đối với các cán bộ quản lý, công ty hỗ trợ chi phí đào tạo nghiệp vụ. Với khối sản xuất, để duy trì sự phát triển và ổn định sản xuất, Công ty vẫn duy trì hình thức đào tạo tại chỗ; công nhân lành nghề được hưởng trợ cấp đào tạo khi hướng dẫn, đào tạo công nhân mới.

11.4. Chính sách lương, thưởng, trợ cấp/ phúc lợi

CBCNV của Công ty được tham gia và hưởng các chế độ về BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, tùy cương vị công tác mà CBCNV công ty còn nhận được phụ cấp liên quan.

Việc trả lương của Công ty được thực hiện theo nguyên tắc phân phối theo lao động, làm việc gì, giữ chức vụ gì thì trả lương theo công việc, chức vụ đó. Công ty luôn đảm bảo trả lương thỏa đáng (không hạn chế mức tối đa) đối với người có tài năng, có trình độ chuyên môn, kỹ thuật và đóng góp nhiều cho đơn vị, nhằm tạo động lực khuyến khích, động viên CBCNV không ngừng phấn đấu tăng năng suất lao động, chất lượng công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Việc trả lương, thưởng luôn đảm bảo dân chủ, công khai.

Dinh dưỡng:

- Công nhân được hỗ trợ 01 bữa ăn/ngày, hỗ trợ sữa hàng ngày; ngoài ra bộ phận sản xuất còn được hỗ trợ thêm nước tăng lực, được cung cấp chanh, đường, đá trong các mùa nắng nóng.
- Trợ cấp thu nhập và dinh dưỡng thêm cho người lao động trong môi trường tiềm ẩn các mối nguy hại đến sức khỏe người lao động.

An toàn lao động:

- Có những biện pháp hạn chế tối đa các mối nguy hại đến sức khỏe người lao động như đồ bảo hộ
- Tổ chức huấn luyện an toàn lao động và tập huấn phòng cháy chữa cháy hàng năm cho lao động toàn công ty.

Phúc lợi:

- Thương cho người lao động vào các dịp lễ, tết; có hỗ trợ công tác phí, chi phí điện thoại, xăng xe; có xe đưa đón phục vụ CBCNV đi làm hằng ngày.
- Lao động được hưởng trợ cấp đào tạo, thâm niên, lao động có hoàn cảnh khó khăn được trích tiền ủng hộ hàng tháng từ Quỹ từ thiện của Công ty
- 100% lao động được đóng BHXH theo quy định của pháp luật
- Các ngày lễ trong năm được Công đoàn Công ty chi thưởng kịp thời đến toàn thể cán bộ công nhân viên công ty. Ngoài ra, việc hiếu hỷ thăm hỏi người lao động ốm đau cũng được quan tâm. Công ty có khu nhà nội trú cho những lao động xa nhà, lao động khó khăn.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ mỗi năm 1 lần cho người lao động, với lao động làm việc trong môi trường đặc biệt, khám sức khỏe 2 lần/năm.

Hoạt động đào tạo người lao động:

- Tổ chức đào tạo kỹ năng phù hợp cho những lao động mới về các quy định, chính sách của công ty và giải đáp các thắc mắc cho người lao động.
- Lao động lâu năm có kinh nghiệm, tay nghề giỏi đào tạo tay nghề mới, còn non kém được hưởng trợ cấp đào tạo.

Các chương trình phát triển kỹ năng:

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.
- Trong năm 2024, công ty tổ chức buổi đào tạo về cách trình bày báo cáo quản trị trên Excel, đối với khối trực tiếp sản xuất tổ chức đào tạo chứng chỉ vận hành máy móc cho người lao động gồm đào tạo vận hành xe nâng an toàn, vận hành cầu trục Pa lăng điện, vận hành máy cắt nguyên phụ liệu, vận hành máy nén khí

11.5. Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động

Công ty không có quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động áp dụng chung cho toàn bộ quá trình hoạt động. ĐHĐCĐ và HĐQT quyết định và ban hành quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động cho từng đợt phát hành đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật.

12. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty chỉ được chi trả cho cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Trong 2023, 2024 và 9 tháng đầu năm 2025, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông như sau:

Bảng 23: Tình hình chi trả cổ tức qua các năm gần nhất

	Năm 2023	Năm 2024	9 tháng 2025
Tỷ lệ cổ tức	12% (*)	10% (**)	0%
Hình thức chi trả	Cổ phiếu	Cổ phiếu	Không có

Nguồn: CTCP Thuận Đức

(*) *Cổ tức cổ phiếu được chi trả trong năm 2023 cho kết quả kinh doanh năm 2022. Tỷ lệ 12% trên tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm phát hành. Tổng số lượng cổ phiếu phát hành thêm là 8.092.312 cổ phiếu tương đương tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là 80.923.120.000 đồng*

(**) *Cổ tức cổ phiếu được chi trả trong năm 2024 cho kết quả kinh doanh năm 2023. Tỷ lệ 10% trên tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm phát hành. Tổng số lượng cổ phiếu phát*

hành thêm là 8.020.220 cổ phiếu tương đương tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là 80.202.200.000 đồng

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

Trong năm 2023, Công ty không có đợt chào bán nào

Trong Quý III/ 2025, Công ty không có đợt chào bán nào.

Trong năm 2024, Công ty đã thực hiện 01 đợt phát hành trái phiếu và 01 đợt phát hành cổ phiếu. Chi tiết như sau:

Phát hành trái phiếu (mã trái phiếu TDPH2326001) theo Nghị quyết HĐQT số 1105/2023/NQ-HĐQT-TDP ngày 11/05/2023 – 06/04/2024:

Trái phiếu TDPH2326001 có dư nợ tại 30/09/2025 được phát hành căn cứ vào phương án phát hành trái phiếu được phê duyệt tại Nghị quyết HĐQT số 1411/2023/NQ-HĐQT-TDP ngày 14/11/2023 về phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng (mã trái phiếu TDPH2326001), Nghị quyết 0604/2024/NQ-HĐQT ngày 06/04/2024 về phương án sử dụng từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng, Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 07/GCN-UBCK ngày 15/01/2024 của UBCKNN, Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 0104/2024 NQ-HĐQT-TDP ngày 01/04/2024 thông qua kết quả chào bán và, cụ thể như sau:

Phương án phát hành

- Tên trái phiếu: Trái phiếu TDPH2326001
- Loại trái phiếu: Trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được đảm bảo bằng tài sản
- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/ trái phiếu
- Tổng số lượng trái phiếu chào bán: 3.000.000 trái phiếu
- Giá chào bán: 100.000 đồng/ trái phiếu
- Phương thức phân phối: Toàn bộ trái phiếu được phân phối cho nhà đầu tư thông qua tổ chức đại lý phát hành là Công ty cổ phần Chứng khoán MB
- Thời gian thực hiện đăng ký mua và nộp tiền: từ ngày 01/02/2024 đến ngày 29/03/2024
- Ngày kết thúc đợt chào bán: 29/03/2024
- Kỳ hạn trái phiếu: 03 năm
- Ngày phát hành: 29/03/2024
- Ngày đáo hạn: 29/03/2027

Kết quả chào bán trái phiếu:

- Tổng số trái phiếu đã phân phối: 2.276.200 trái phiếu, tương đương 75,87% tổng số trái phiếu chào bán

- Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: 227.620.000.000 đồng
- Tổng chi phí: 3.642.708.000 đồng
- Tổng thu ròng từ đợt chào bán: 223.977.292.000 đồng

Phương án sử dụng vốn:

STT	Tên ngân hàng	Nội dung	Số tiền dự kiến sử dụng (triệu đồng)
1	Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) – Chi nhánh Thanh Xuân	Trả nợ hợp đồng tín dụng	100.000
2	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) – Chi nhánh Tỉnh Hưng Yên	Trả nợ hợp đồng tín dụng	20.000
3	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	Trả nợ hợp đồng tín dụng	107.620
	Tổng cộng		227.620

Theo Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ phát hành trái phiếu đối với trái phiếu TDPH2326001 số 133/2025/BCKT-AVI-TC1 ngày 16/07/2025:

STT	Nội dung thực hiện	Số tiền theo phương án điều chỉnh đã được thông qua	Số tiền thực tế đã sử dụng	Chênh lệch
		(1)	(2)	(3) = (1) – (2)
1	Trả nợ gốc vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Thanh Xuân	100.000.000.000	100.000.000.000	-
2	Trả nợ gốc vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Hưng Yên	20.000.000.000	20.000.000.000	-
3	Trả nợ gốc vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	107.620.000.000	107.620.000.000	-
	Tổng cộng	227.620.000.000	227.620.000.000	-

Công ty thực hiện điều chỉnh mục đích sử dụng vốn được Hội đồng quản trị thông qua, trong đó lần 1 và lần 2 thực hiện điều chỉnh trước khi có chấp thuận của UBCKNN, lần 3 được điều chỉnh sau khi phát hành, cụ thể như sau:

- Lần 1: Nghị quyết HĐQT số 1708/2023/NQ-HĐQT-TDP ngày 17/08/2023, nguyên nhân điều chỉnh phương án sử dụng vốn chi tiết phù hợp với tình hình thực tế, cụ thể nội dung phương án sử dụng vốn điều chỉnh như sau:

STT	Tên ngân hàng	Nội dung	Số tiền dự kiến sử dụng (triệu đồng)
1	Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Bắc Từ Liêm	Trả nợ hợp đồng tín dụng	18.000
2	Ngân hàng Sinopac – CN Thành phố Hồ Chí Minh	Trả nợ hợp đồng tín dụng	33.000
3	Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương (Oceanbank) – CN Quảng Ninh	Trả nợ hợp đồng tín dụng	48.000
4	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) – Hội sở	Trả nợ hợp đồng tín dụng	68.000
5	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) – Chi nhánh Tỉnh Hưng Yên	Trả nợ hợp đồng tín dụng	133.000
Tổng cộng			300.000

- Lần 2: Nghị quyết HĐQT số 1411/2023/NQ-HĐQT-TDP ngày 14/11/2023, nguyên nhân điều chỉnh phương án sử dụng vốn chi tiết phù hợp với tình hình thực tế, cụ thể nội dung phương án sử dụng vốn điều chỉnh như sau:

STT	Tên ngân hàng	Nội dung	Số tiền dự kiến sử dụng (triệu đồng)
1	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam (VIB)	Trả nợ hợp đồng tín dụng	50.000
2	Ngân hàng TMCP Quân đội – chi nhánh Thanh Xuân	Trả nợ hợp đồng tín dụng	130.000
3	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) – Chi nhánh Tỉnh Hưng Yên	Trả nợ hợp đồng tín dụng	120.000
Tổng cộng			300.000

- Lần 3: Nghị quyết HĐQT số 0604/2024/NQ-HĐQT ngày 06/04/2024. Theo đó, lý do thay đổi là căn cứ kế hoạch kinh doanh của Công ty, tình hình dư nợ tại các ngân hàng. Cụ thể nội dung phương án sử dụng vốn điều chỉnh như sau:

STT	Tên ngân hàng	Nội dung	Số tiền dự kiến sử dụng (triệu đồng)
1	Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) – Chi nhánh Thanh Xuân	Trả nợ hợp đồng tín dụng	100.000
2	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) – Chi nhánh Tỉnh Hưng Yên	Trả nợ hợp đồng tín dụng	20.000
3	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	Trả nợ hợp đồng tín dụng	107.620
Tổng cộng			227.620

Phát hành cổ phiếu ra công chúng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 0809/2023/NQ-ĐHĐCĐ-TDP ngày 08/09/2023 thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 02/GCN-UBCK ngày 08/01/2024 của UBCKNN và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 0804/2024/NQ-NĐQT-TDP ngày 08/04/2024 về việc thông qua kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu

Phương án phát hành:

- Tên cổ phiếu chào bán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thuận Đức
- Loại cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/ cổ phiếu
- Giá cổ phiếu chào bán: 15.000 đồng/ cổ phiếu
- Thời gian đăng ký và nộp tiền mua: 16/02/2024 đến ngày 20/03/2024
- Ngày kết thúc đợt chào bán: 05/04/2024
- Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán cho cổ đông hiện hữu: 7.552.799 cổ phiếu

Kết quả phát hành:

- Tổng số lượng cổ phiếu đã phân phối: 4.674.209 cổ phiếu, chiếm 61,89% tổng số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán
- Số lượng cổ phiếu còn lại không phân phối hết: 2.878.590 cổ phiếu
- Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: 70.113.135.000 đồng
- Tổng chi phí: 357.328.000 đồng
- Tổng thu ròng từ đợt chào bán: 69.755.807.000 đồng

Theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 23041/2024/BCV/IAV ngày 10/05/2024 của Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế.

STT	Nội dung thực hiện	Số tiền thực tế thu được từ đợt chào bán	Số tiền thực tế đã sử dụng	Chênh lệch (*)
		(1)	(2)	(3) = (1) – (2)
1	Thanh toán khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở GD 1 theo hợp đồng vay số 02/2023/3435048/HĐTD	70.113.135.000	70.458.978.232	(345.843.232)
Tổng cộng		70.113.135.000	70.458.978.232	(345.843.232)

(*) Chênh lệch giữa số tiền thực tế thu được từ đợt phát hành và số tiền thực tế được sử dụng được Công ty bù đắp bằng các nguồn khác

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty

Tính đến 30/09/2025, Công ty có trái phiếu chưa đáo hạn chi tiết như sau:

Mã trái phiếu	Dại lý lưu ký	Kỳ hạn	Loại trái phiếu	Giá trị (VND)	Lãi suất	Kỳ thanh toán lãi
TDPH2316001	Công ty Cổ phần Chứng khoán MB	29/03/2024 – 29/03/2027	Trái phiếu doanh nghiệp có tài sản đảm bảo	227.620.000.000	Lãi suất cố định 4 kỳ đầu 11,2%/năm, các kỳ sau lãi suất thả nổi tối thiểu 11%	3 tháng/ lần Lần thanh toán lãi gần nhất là ngày 30/09/2025 Lần thanh toán lãi tiếp theo là 31/12/2025

Thông tin về các hợp đồng thuê đất của Công ty:

TT	Khu đất	Thời hạn thuê		Loại đất	Diện tích (m ²)
		Từ ngày	Đến ngày		
1	GCNQSD.CG 540257(05/09/2017)- thửa đất 336	05/09/2017	07/11/2057	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	17,635
2	GCNQSD.DG 528308(09/06/2022)-sản thương mại dịch vụ số H4-TM4	09/06/2022	09/08/2068	Đất thương mại dịch vụ, đất ở tại đô thị	195,6
3	GCNQSD.DG 528307(09/06/2022)-sản thương mại dịch vụ số H4-TM3	09/06/2022	09/08/2068	Đất thương mại dịch vụ, đất ở tại đô thị	195,1
4	HĐ 01-11-2014+PL 06/2025/RV-TĐ	22/01/2020	22/01/2026	Thuê kho Rỗng Vàng 1	10.200

TT	Khu đất	Thời hạn thuê		Loại đất	Diện tích (m ²)
		Từ ngày	Đến ngày		
5	HĐ 04/2019PLHĐ +PL 04/2025/RV-TĐ	01/01/2020	22/01/2026	Thuê kho Rỗng Vàng 2	5.457
6	1962/2022/RV-TĐ + PL05/2025/RV-TĐ	01/11/2022	22/01/2026	Thuê kho Rỗng Vàng 3	808
7	HĐ 08/2021/HĐKT+08/2025/RV-TĐ	01/05/2021	22/01/2026	Thuê kho Rỗng Vàng 4	7.705
8	02/2019/HĐTX-MHHY + PLHĐ ngày 15.03.2024	01/07/2019	30/06/2026	Thuê nhà kho Minh Hải	2.532,14
9	18/2022/HĐTK-TĐ	01/05/2022	30/04/2027	Thuê kho Long An	1.225
10	HĐ 20252604/HĐTMB-ECO-TĐ	01/05/2025	30/04/2026	Thuê kho ECO	2.182
11	HĐ 20252804/HĐTMB-ECO-TĐ	01/05/2025	30/04/2026	Thuê kho ECO	3.312
12	HĐ 20252904/HĐTMB-ECO-TĐ	01/05/2025	30/04/2026	Thuê kho ECO	1.944

Nguồn: CTCP Thuận Đức

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Không có

16. Thông tin về cam kết của Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Tổ Chức Phát Hành cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm gần đây và lũy kế đến quý gần nhất

Bảng 24 và Bảng 25 tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của tổ chức phát hành trong giai đoạn 2023 - Quý III/2025.

Bảng 24: Các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% Tăng/(giảm) 2023-2024	9 tháng đầu năm 2025
Tổng giá trị tài sản	3.671.189	3.943.916	7,4%	4.211.709
Doanh thu thuần	3.819.708	4.379.118	14,6%	3.467.787
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	79.323	146.322	84,5%	102.356
Lợi nhuận/ (lỗ) khác	(8.802)	(17.653)	100,6%	(1.320)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	70.521	128.669	82,5%	101.036
Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	42.344	93.918	121,8%	76.108
Tỷ lệ chi trả cổ tức bằng cổ phiếu	12%(*)	10%(**)		-

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 được kiểm toán và BCTC hợp nhất 9 tháng 2025

(*) Cổ tức cổ phiếu được chi trả trong năm 2023 cho kết quả kinh doanh năm 2022. Tỷ lệ 12% trên tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm phát hành. Tổng số lượng cổ phiếu phát hành thêm là 8.092.312 cổ phiếu tương đương tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là 80.923.120.000 đồng

(**) Cổ tức cổ phiếu được chi trả trong năm 2024 cho kết quả kinh doanh năm 2023. Tỷ lệ 10% trên tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm phát hành. Tổng số lượng cổ phiếu phát hành thêm là 8.020.220 cổ phiếu tương đương tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là 80.202.200.000 đồng

Tại thời điểm 31/12/2024, tổng tài sản hợp nhất đạt 3.944 tỷ đồng, tăng 7,4% so với thời điểm cuối năm 2023 chủ yếu đến từ tích lũy nguồn tiền có được từ kết quả kinh doanh và các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư để tối ưu hóa dòng tiền gia tăng lợi nhuận tài chính cần trừ với mức giảm của hàng tồn kho và các khoản mục tài sản khác. Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2024 đạt 1.020 tỷ đồng, tăng 19,1% so với thời điểm cuối năm 2023. Tính đến 30/09/2025, tổng tài sản hợp nhất tăng 6,8% so với cuối năm 2024 và đạt 4.212 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu đạt 1.096 tỷ đồng tăng 7,5% so với 31/12/2024.

Doanh thu thuần hợp nhất năm 2024 của Công ty đạt 4.379 tỷ đồng, tăng trưởng 14,6% so với năm 2023 nhờ mở rộng ra thị trường mới và nhu cầu với sản phẩm túi shopping. Trong năm qua, Công ty đã phát triển mạng lưới đại lý tăng gần 100 đại lý lên 400 đại lý so với năm 2023 giúp tiếp cận nhiều khách hàng mới. Chủ lực là sản phẩm túi shopping và bao PP được sự đón nhận tại các thị trường khó tính như Nhật, EU, Mỹ,...

Trong năm 2024, Công ty ghi nhận tổng doanh thu thuần hợp nhất đạt 4.379 tỷ đồng, tăng 14,6% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận trước thuế và sau thuế hợp nhất tăng mạnh lần lượt 82,5% và 121,8% so với cùng kỳ năm trước, lần lượt đạt 129 tỷ đồng và 94 tỷ đồng. Với kết quả này, công ty đã hoàn thành 112,6% kế hoạch doanh thu, 112,0% lợi nhuận trước thuế và 120,4% lợi nhuận sau thuế hợp nhất đề ra tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong năm 2024.

Bảng 25: Các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh của Công ty (riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	9 tháng đầu năm 2025	% Tăng/(giảm) 2023-2024
Tổng giá trị tài sản	3.254.926	3.540.179	3.757.010	8,8%
Doanh thu thuần	3.380.406	3.838.391	2.984.297	13,5%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	75.061	142.943	88.229	90,4%
Lợi nhuận/ (lỗ) khác	(8.431)	(17.232)	(565)	104,4%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	66.630	125.711	87.664	88,7%
Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	44.979	94.070	66.567	109,1%

Nguồn: BCTC riêng lẻ năm 2023, 2024 được kiểm toán và BCTC riêng lẻ 9 tháng 2025

Trong năm 2024, doanh thu thuần từ Công ty mẹ riêng lẻ tăng 13,5% so với năm 2023, ngoài ra lợi nhuận sau thuế tăng 109,1% so với năm trước do các chỉ tiêu sau:

- Hoạt động kinh doanh chính đạt tăng trưởng 17,2%, trong đó doanh thu từ túi shopping tăng 51% so với năm 2023
- Chi phí lãi vay giảm 19,8% so với năm 2023 tương đương giảm 39 tỷ đồng

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Không có

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán

1.2.1. Những nhân tố thuận lợi

- Hoạt động kinh doanh của công ty trong 2 năm vừa qua gặp nhiều thuận lợi trong bối cảnh xu hướng chung của Thế giới đang chuyển dịch sang các sản phẩm nhựa thân thiện với môi trường.

Yếu tố thân thiện với môi trường đang dần trở thành một tiêu chí thiết yếu trong xu hướng tiêu dùng các sản phẩm của các thị trường phát triển. Vì vậy chuyển đổi sản xuất sang các sản phẩm nhựa có khả năng phân hủy tốt là xu hướng tất yếu của ngành nhựa thế giới.

- Chính phủ Việt Nam đã có những quyết sách cụ thể ưu tiên chủ trọng việc sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường, cụ thể như Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ đã quy định lộ trình hạn chế sản xuất, nhập khẩu sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học và sản phẩm, hàng hóa chứa vi nhựa. Theo đó, từ ngày 1/1/2026, Việt Nam sẽ không sản xuất và nhập khẩu túi ni lông khó phân hủy sinh học có kích thước nhỏ hơn 50cmx50cm. Sau ngày 31/12/2030, Chính phủ yêu cầu dừng sản xuất, nhập khẩu sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học và sản phẩm, hàng hóa chứa vi nhựa. Vì vậy, các dòng sản phẩm nhựa tái chế và túi sử dụng lại nhiều lần của Công ty là một trong những sản phẩm thay thế hiệu quả
- Được sự quan tâm, giúp đỡ hỗ trợ của Lãnh đạo tỉnh Hưng Yên, các ban ngành hữu quan trong Tỉnh cùng các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, cải cách các thủ tục hành chính đảm bảo cho doanh nghiệp có cơ hội phát triển kinh doanh.
- TDP tự chủ được nguồn nguyên liệu đầu vào nhờ sử dụng nguyên liệu tái sinh và tái chế lại được các sản phẩm lỗi, hỏng, phế trong sản xuất được quay vòng tuần hoàn liên tục nên hạn chế được lãng phí trong sản xuất.
- Nhờ những thuận lợi trên, tỷ lệ sử dụng vật liệu tái chế của Công ty liên tục tăng trong năm 2023 và 2024, lần lượt 17% và 13%. Sản lượng tiêu thụ túi shopping tái sử dụng tăng 61% và doanh thu tăng 15% trong năm 2024

1.2.2. Những nhân tố khó khăn

- Trong bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều rủi ro, bất ổn, thương mại toàn cầu sụt giảm, Thế giới và Việt Nam vừa trải qua đại dịch Covid với nhiều hệ lụy nặng nề cùng với tác động của chiến tranh tại Châu Âu khiến cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu gặp rất nhiều khó khăn. Trước áp lực lạm phát tăng cao, nhiều ngân hàng trung ương trên thế giới đã tiến hành thắt chặt chính sách tiền tệ. Các ngân hàng liên tục điều chỉnh lãi suất. Ngân hàng Nhà nước đang tiếp tục duy trì công cụ hạn mức tín dụng để kiểm soát lạm phát mục tiêu và thanh khoản hệ thống ngân hàng, trong bối cảnh thị trường trái phiếu doanh nghiệp ảm đạm, khiến việc tiếp cận vốn của doanh nghiệp còn khó khăn. Những tác động từ tăng trưởng nền kinh tế nêu trên gây ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của công ty. Mặt khác, Các quốc gia Châu Mỹ, Châu Âu là các thị trường trọng tâm tiêu thụ sản phẩm Công ty vẫn phải áp dụng các biện pháp thắt chặt tiền tệ để kiểm soát lạm phát dẫn đến tình hình kinh doanh ở các thị trường đó đều gặp khó khăn, làm cho nhu cầu sử dụng sản phẩm giảm mạnh.
- Năm 2024 là năm thứ 18 đi vào hoạt động của Công ty, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất đang trong quá trình phải đầu tư, nâng cấp và bảo dưỡng. Vì vậy, Công ty cần tìm kiếm nguồn vốn bổ sung để kịp thời đầu tư, nâng cấp, bảo dưỡng để đáp ứng cho nhu cầu sản xuất

1.2.3. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất, không có bất cứ biến động lớn nào có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

2.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Bảng 26: Tình hình sử dụng vốn chủ sở hữu của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025	% Tăng/(giảm) 2024-2023
Vốn cổ phần	755.280	882.223	882.223	16,8%
Thặng dư vốn cổ phần	-	23.173	23.173	0,0%
Vốn khác của chủ sở hữu	(2.498)	(2.498)	(2.498)	0,0%
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	0,0%
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	0,0%
Quỹ đầu tư phát triển	16.200	16.200	16.200	0,0%
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	87.089	100.806	176.914	15,8%
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	-	0,0%
Vốn chủ sở hữu	856.071	1.019.904	1.096.012	19,1%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 được kiểm toán và BCTC hợp nhất 9 tháng 2025

Bảng 27: Tình hình sử dụng vốn chủ sở hữu của Công ty (riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025	% Tăng/(giảm) 2024-2023
Vốn góp của chủ sở hữu	755.280	882.223	882.223	16,8%
Thặng dư vốn cổ phần	-	23.173	23.173	0,0%
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	0,0%
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	0,0%
Quỹ đầu tư phát triển	16.200	16.200	16.200	0,0%
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	74.133	88.002	154.569	18,7%
Vốn chủ sở hữu	845.613	1.009.597	1.076.165	19,4%

Nguồn: BCTC riêng lẻ năm 2023, 2024 được kiểm toán và BCTC riêng lẻ 9 tháng 2025

2.1.2. Trích khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định hiện hữu và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau

- Nhà cửa, vật kiến trúc: 5-30 năm
- Máy móc, thiết bị: 3-20 năm
- Phương tiện vận tải: 5-15 năm
- Thiết bị văn phòng: 3-10 năm
- Tài sản cố định khác: 5-8 năm
- Phần mềm máy tính: 5-6 năm

Khấu hao tài sản cố định thuê tài chính cũng được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản như sau:

- Máy móc, thiết bị: 8-15 năm
- Phương tiện vận tải: 5-10 năm

Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định có liên quan đến việc trích khấu hao tài sản cố định, tuân thủ theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016).

Những thay đổi trong chính sách khấu hao của công ty trong 2 năm qua và đến thời điểm hiện tại: Theo Báo cáo tài chính kiểm toán 2023, 2024 và Quý III năm 2025, Tập đoàn không có thay đổi về chính sách khấu hao.

2.1.3. Mức lương bình quân

Mức lương bình quân của người lao động trong Công ty năm 2024 là 12,5 triệu đồng/người/tháng. Mức lương này là tương đương so với các doanh nghiệp khác cùng Ngành trên địa bàn, dựa trên những thông tin thu thập từ nhân viên.

Hiện tại Công ty không có nguồn tham khảo chính thức về mức lương bình quân đối với các doanh nghiệp khác cùng ngành trong cùng lĩnh vực.

Bảng 28: Thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Quý 3 năm 2025
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	12,4	12,5	16,1

Nguồn: CTCP Thuận Đức

Thu nhập bình quân của người lao động của Công ty (hợp nhất) trong năm 2023, năm 2024 và Quý III năm 2025 lần lượt là: 12,4 triệu đồng/người/tháng, 12,5 triệu đồng/người/tháng và 16,1 triệu đồng/người/tháng

2.1.4. Tình hình công nợ

Bảng 29: Tình hình công nợ của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
Nợ phải thu	662.845	857.542	870.657	728.940	870.296	963.356
Nợ phải trả	2.409.313	2.530.582	2.680.845	2.815.118	2.924.013	3.115.697

Nguồn: BCTC hợp nhất, riêng lẻ năm 2023, 2024 được kiểm toán và BCTC hợp nhất, riêng lẻ 9 tháng 2025

2.1.5. Các khoản phải thu

Bảng 30: Các khoản phải thu của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025	% Tăng/(giảm) 2024-2023
1. Các khoản phải thu ngắn hạn	569.067	718.317	809.800	26,2%
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	353.653	420.157	403.832	18,8%
Trả trước cho người bán ngắn hạn	183.554	207.369	222.598	13,0%
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	74.474	40.000	0,0%
Phải thu ngắn hạn khác	31.861	16.465	143.496	-48,3%
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	(147)	(126)	0,0%
2. Các khoản phải thu dài hạn	159.873	151.979	153.556	-4,9%
Phải thu về cho vay dài hạn	10.050	3.150	-	-68,7%
Phải thu dài hạn khác	149.823	148.829	153.556	-0,7%
Tổng cộng	728.940	870.296	963.356	19,4%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 được kiểm toán và BCTC hợp nhất 9 tháng 2025

Tại ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2023, 31/12/2024, và 30/09/2025, Công ty hợp nhất không có bất kỳ các khoản phải thu quá hạn nào.

Bảng 31: Các khoản phải thu của Công ty (riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025	% Tăng/(giảm) 2024-2023
1. Các khoản phải thu ngắn hạn	557.460	758.893	772.162	36,1%

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025	% Tăng/(giảm) 2024-2023
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	359.779	407.996	371.713	13,4%
Trả trước cho người bán ngắn hạn	156.899	271.618	209.539	73,1%
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	57.120	40.000	0,0%
Phải thu ngắn hạn khác	40.781	22.159	150.910	-45,7%
2. Các khoản phải thu dài hạn	105.386	98.649	98.495	-6,4%
Phải thu về cho vay dài hạn	6.000	-	-	-100,0%
Phải thu dài hạn khác	99.386	98.649	98.495	-0,7%
Tổng cộng	662.845	857.542	870.657	29,4%

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 được kiểm toán và Quý III năm 2025

Tại ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2023, 31/12/2024 và 30/09/2025, Công ty mẹ không có bất kỳ các khoản phải thu quá hạn nào.

Giải trình về khoản Phải thu cho vay cho vay ngắn hạn tại 31/12/2024:

Phần A – Giải trình nội dung được trình bày trên Báo cáo tài chính (“BCTC”):

Theo Thuyết minh số 7 trên BCTC riêng và hợp nhất:

Nội dung	BCTC Riêng	BCTC Hợp nhất
Số dư khoản cho vay ngắn hạn tại ngày 31/12/2024 trên BCTC	57.120.000.000 VNĐ	74.470.000.000 VNĐ

Trên BCTC riêng và hợp nhất đã kiểm toán năm 2024, Thuyết minh số 7 Phải thu về cho vay, Công ty đã thuyết minh các khoản phải thu về cho vay chi tiết đối với một số đối tượng có số dư chiếm trên 10% trên tổng số dư phải thu về cho vay (phù hợp với Phụ lục 2, Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 21 về “Trình bày báo cáo tài chính”), phần còn lại là giá trị tổng của các khoản phải thu này đối với các đối tượng có số dư nhỏ hơn.

- Đối với các khoản cho vay cá nhân không phải cán bộ công nhân viên của Công ty và Công ty con: Đây là các khoản cho vay cá nhân với kỳ hạn 12 tháng theo từng hợp đồng vay và lãi suất là 8%/năm. Các khoản cho vay này được bảo lãnh bằng bất động sản và hợp đồng tiền gửi của một số cá nhân.

Đối với các khoản cho vay cá nhân là cán bộ công nhân viên của Công ty và Công ty con: Đây là các khoản cho vay tín chấp cho các cá nhân là cán bộ nhân viên của Công ty và Công ty con theo chính sách ưu đãi hỗ trợ người lao động, được đảm bảo bằng việc cam kết tiếp tục làm việc cho Công ty và Công ty con, kỳ hạn theo từng hợp đồng vay, với lãi suất từ 8%/năm đến 10%/năm.

Xác nhận của đơn vị kiểm toán năm 2024 – Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam về Phần A – Giải trình nội dung được trình bày trên báo cáo tài chính (“BCTC”):

“Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Thuận Đức và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được lập ngày 28 tháng 3 năm 2025. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo Hệ thống Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam, và theo đó, chúng tôi đã phát hành ý kiến kiểm toán chấp thuận toàn phần về các báo cáo tài chính nêu trên tại các báo cáo kiểm toán độc lập ngày 28 tháng 3 năm 2025

Chúng tôi xác nhận rằng các thông tin liên quan đến khoản cho vay cá nhân của Công ty được trình bày ở Phần A – Giải trình nội dung được trình bày trên BCTC là phù hợp với các thông tin và tài liệu Công ty đã cung cấp cho chúng tôi trong quá trình thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2024”

Phần B – Giải trình của Ban Giám đốc về quản trị khoản vay:

Công ty có mục đích cho vay nhằm tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn ngắn hạn trong kỳ, trong bối cảnh lãi suất tiền gửi tại khoảng thời gian cho vay ngân hàng thấp so với việc cho vay cá nhân, đồng thời lãi vay ngân hàng ngắn hạn tại thời điểm cho vay cũng tương đối thấp. Công ty lựa chọn giải pháp cho vay có kiểm soát, linh hoạt hơn, nhằm nâng cao lợi suất dòng tiền nhận rồi trong ngắn hạn.

Trong quá trình sử dụng nguồn vốn, Công ty luôn cần phải tối đa hóa các nguồn lực tài chính hiện có, do vậy mục tiêu của các khoản cho vay là nhằm tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn ngắn hạn trong kỳ, trong bối cảnh lãi suất tiền gửi ngân hàng thấp, lãi suất cho vay cá nhân hợp lý hơn và linh hoạt. Khoản vốn cho vay được sử dụng từ nguồn vốn tạm thời nhận rồi trong hoạt động kinh doanh, không ảnh hưởng tới các kế hoạch thanh toán nợ vay ngắn hạn, kế hoạch đầu tư của công ty trong ngắn hạn tại thời điểm cuối kỳ.

Trong thời gian cho vay, Công ty thực hiện thu lãi cho vay đầy đủ, đúng hạn. Vào thời điểm tháng 2 và tháng 3/2025, Công ty đã thu hồi 52.170.000.000 VND trên Báo cáo tài chính riêng và 69.524.387.000 VND trên Báo cáo tài chính hợp nhất 2024.

Tính đến thời điểm Bản cáo bạch này, Công ty đã thu hồi toàn bộ gốc và lãi của các khoản cho vay cá nhân.

Chi tiết phải thu cho vay tại 31/12/2024 như sau:

Bảng 32: Các khoản phải thu cho vay của Công ty tại 31/12/2024 (Hợp nhất)

Dối tượng	Số hợp đồng vay	Kỳ hạn vay	Mối quan hệ với công ty/ Thành viên HĐQT/ Ban Giám đốc/	Số dư tại 31/12/2024	Lãi suất	Mục đích cho vay theo hợp đồng	Tài sản đảm bảo
Lưu Xuân Kiền	HDCV202212.35	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động Công ty mẹ	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tin chấp
Nguyễn Thị Thái	HDCV202212.10	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động Công ty mẹ	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tin chấp
Nguyễn Thị Luýt	HDCV202212.08	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động Công ty mẹ	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tin chấp
Đặng Văn Hùng	HDCV202212.29	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động Công ty mẹ	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tin chấp
Nguyễn Đức Thoại	HDCV202212.13	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động Công ty mẹ	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tin chấp
Nguyễn Thị Trang	HDCV202212.30	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động Công ty mẹ	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tin chấp
Vũ Thị Liên	HDCV202212.11	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động Công ty mẹ	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tin chấp
Nguyễn Thị Thu Chang	HDCV202212.12	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động Công ty mẹ	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tin chấp
Nguyễn Thị Hậu	HDCV202212.03	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động Công ty mẹ	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tin chấp
Nguyễn Thị Như Quỳnh	HDCV202212.04	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động Công ty mẹ	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tin chấp
Đào Thị Mai	HDCV202212.02	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động Công ty mẹ	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tin chấp
Hà Thị Vui	HDCV202212.32	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động Công ty mẹ	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tin chấp

Đối tượng	Số hợp đồng vay	Kỳ hạn vay	Mối quan hệ với công ty/ Thành viên HĐQT/ Ban Giám đốc/	Số dư tại 31/12/2024	Lãi suất	Mục đích cho vay theo hợp đồng	Tài sản đảm bảo
Đào Thị Phương	HDCV202212.01	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động Công ty mẹ	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tin chấp
Trần Thị Huệ	HDCV202212.09	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động Công ty mẹ	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tin chấp
Trần Thị Bấm	HDCV202212.34	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động Công ty mẹ	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tin chấp
Đặng Thị Giáo	HDCV202212.40	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động Công ty mẹ	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tin chấp
Vũ Thị Yến	HDCV202212.39	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động Công ty mẹ	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tin chấp
Hà Văn Đà	HDCV202212.38	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động Công ty mẹ	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tin chấp
Dương Thị Thanh Huệ	HDCV202212.06	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động Công ty mẹ	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tin chấp
Đào Thị Nam	HDCV202212.17	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động Công ty mẹ	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tin chấp
Nguyễn Thị Tuyền	HDCV202212.23	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động Công ty mẹ	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tin chấp
Đoàn Thị Dung	HDCV202212.26	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động Công ty mẹ	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tin chấp
Vũ Thị Đan	HDCV202212.07	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động Công ty mẹ	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tin chấp
Đoàn Thị Nguyệt	HDCV202212.05	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động Công ty mẹ	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tin chấp
Phạm Thị Khánh Chi	HDCV202212.22	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động Công ty mẹ	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tin chấp
Nguyễn Thị Dương	HDCV202212.25	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động Công ty mẹ	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tin chấp

Đối tượng	Số hợp đồng vay	Kỳ hạn vay	Mối quan hệ với công ty/ Thành viên HĐQT/ Ban Giám đốc/	Số dư tại 31/12/2024	Lãi suất	Mục đích cho vay theo hợp đồng	Tài sản đảm bảo
Nguyễn Thị Tiếp	HDCV202212.24	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động Công ty mẹ	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tin chấp
Hứa Thị Lụa	HDCV202212.19	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động Công ty mẹ	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tin chấp
Phạm Thị Huế	HDCV202212.20	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động Công ty mẹ	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tin chấp
Đào Thị Thảo	HDCV202212.27	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động Công ty mẹ	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tin chấp
Nguyễn Quang Điện	HDCV202212.31	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động Công ty mẹ	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tin chấp
Vũ Ngọc Anh	HDCV202212.33	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động Công ty mẹ	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tin chấp
Đặng Việt Khánh	HDCV202212.37	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động Công ty mẹ	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tin chấp
Trần Văn Khôi	100509/HDCV-CN	Từ 10/05/2024 đến 30/04/2025	Cá nhân không thuộc bên liên quan	4.200.000.000	8%	Sử dụng vào mục đích cá nhân hợp pháp của bên đi vay	Bảo lãnh cá nhân có BDS là căn hộ NQ02-39 Vinhomes Riverside Phường Phúc Đồng, Quận Long Biên, TP Hà Nội số GCN CU333951, số vào sổ cấp GCN CS53983 cấp ngày 18 tháng 11 năm 2020
Nguyễn Hùng Thiện	100506/HDCV-TĐ-CN	Từ 10/05/2024 đến 30/04/2025	Cá nhân không thuộc bên liên quan	6.400.000.000	8%	Sử dụng vào mục đích cá nhân hợp pháp của bên đi vay	Bảo lãnh cá nhân có BDS là căn hộ NQ02-39 Vinhomes Riverside Phường Phúc Đồng, Quận Long Biên, TP Hà Nội số GCN CU333951,

Đối tượng	Số hợp đồng vay	Kỳ hạn vay	Mối quan hệ với công ty/ Thành viên HĐQT/ Ban Giám đốc/	Số dư tại 31/12/2024	Lãi suất	Mục đích cho vay theo hợp đồng	Tài sản đảm bảo
							sổ vào sổ cấp GCN CS53983 cấp ngày 18 tháng 11 năm 2020
Hoàng Thị Huyền Trang	048/HDCV-TĐ-CN	Từ 04/08/2023 đến 30/04/2025	Cá nhân không thuộc bên liên quan	8.000.000.000	8%	Sử dụng vào mục đích cá nhân hợp pháp của bên đi vay	Bảo lãnh cá nhân có sổ tiết kiệm cá nhân số AC00016396396340 trị giá 5.000.000.000 VNĐ mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Hưng Yên và số 801201690910 trị giá 3.000.000.000 VNĐ mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Sở giao dịch 1
Thiều Thị Nga	100503/HDCV-TĐ-CN	Từ 10/05/2024 đến 30/04/2025	Cá nhân không thuộc bên liên quan	9.570.000.000	8%	Sử dụng vào mục đích cá nhân hợp pháp của bên đi vay	Bảo lãnh cá nhân có BĐS là căn hộ NQ02-39 Vinhomes Riverside Phường Phúc Đồng, Quận Long Biên, TP Hà Nội số GCN CU333951, sổ vào sổ cấp GCN CS53983 cấp ngày 18 tháng 11 năm 2020
Nguyễn Thành Long	1582/HDCV-TĐ-CN	Từ 15/08/2023 đến 30/04/2025	Cá nhân không thuộc bên liên quan	10.000.000.000	8%	Sử dụng vào mục đích cá nhân hợp pháp của bên đi vay	Bảo lãnh cá nhân có BĐS là căn hộ NQ25-12 Vinhomes Riverside Phường Phúc Đồng, Quận Long Biên, TP

Đối tượng	Số hợp đồng vay	Kỳ hạn vay	Mối quan hệ với công ty/ Thành viên HĐQT/ Ban Giám đốc/	Số dư tại 31/12/2024	Lãi suất	Mục đích cho vay theo hợp đồng	Tài sản đảm bảo
							Hà Nội số GCN CY553854, số vào sổ cấp GCN CS40546, cấp ngày 14 tháng 9 năm 2020
Nguyễn Thị Thảo	15081/HDCV-TĐ-CN	Từ 15/08/2023 đến 30/04/2025	Cá nhân không thuộc bên liên quan	14.000.000.000	8%	Sử dụng vào mục đích cá nhân hợp pháp của bên đi vay	Bảo lãnh cá nhân có BDS là căn hộ NQ25-12 Vinhomes Riverside Phường Phúc Đồng, Quận Long Biên, TP Hà Nội số GCN CY553854, số vào sổ cấp GCN CS40546, cấp ngày 14 tháng 9 năm 2020
Dương Minh Tuấn	0605/HĐTD	Từ 01/12/2022 đến 06/03/2025	Người lao động của Công ty con	4.185.917.000	8%	Sử dụng vào mục đích cá nhân hợp pháp của bên đi vay	Bảo lãnh cá nhân có BDS là căn hộ PL05-34 Vinhomes Riverside 2 Phường Phúc Đồng quận Long Biên, TP Hà Nội số GCN CT274557, số vào sổ cấp GCN CS40245, cấp ngày 27 tháng 9 năm 2019
Đặng Thanh Hương	1803/HĐTD	Từ 01/12/2022 đến 06/03/2025	Người lao động của Công ty con	4.143.880.000	8%	Sử dụng vào mục đích cá nhân hợp pháp của bên đi vay	Bảo lãnh cá nhân có BDS là căn hộ PL05-34 Vinhomes Riverside 2 Phường Phúc Đồng quận Long Biên, TP Hà Nội số GCN CT274557, số vào sổ cấp GCN CS40245, cấp ngày 27 tháng 9 năm 2019

Đối tượng	Số hợp đồng vay	Kỳ hạn vay	Mối quan hệ với công ty/ Thành viên HĐQT/ Ban Giám đốc	Số dư tại 31/12/2024	Lãi suất	Mục đích cho vay theo hợp đồng	Tài sản đảm bảo
Nguyễn Ngọc Duy	0503/HĐTD	Từ 01/12/2022 đến 07/03/2025	Người lao động của Công ty con	4.445.928.000	8%	Sử dụng vào mục đích cá nhân hợp pháp của bên đi vay	Bảo lãnh cá nhân có BĐS là căn hộ PL05-34 Vinhomes Riverside 2 Phường Phúc Đồng quận Long Biên, TP Hà Nội số GCN CT274557, số vào sổ cấp GCN CS40245, cấp ngày 27 tháng 9 năm 2019
Đào Đức Tuyền	1305/HĐTD	Từ 01/12/2022 đến 07/03/2025	Người lao động của Công ty con	4.578.662.000	8%	Sử dụng vào mục đích cá nhân hợp pháp của bên đi vay	Bảo lãnh cá nhân có BĐS là căn hộ PL05-34 Vinhomes Riverside 2 Phường Phúc Đồng quận Long Biên, TP Hà Nội số GCN CT274557, số vào sổ cấp GCN CS40245, cấp ngày 27 tháng 9 năm 2019
Tổng cộng				74.474.387.000			

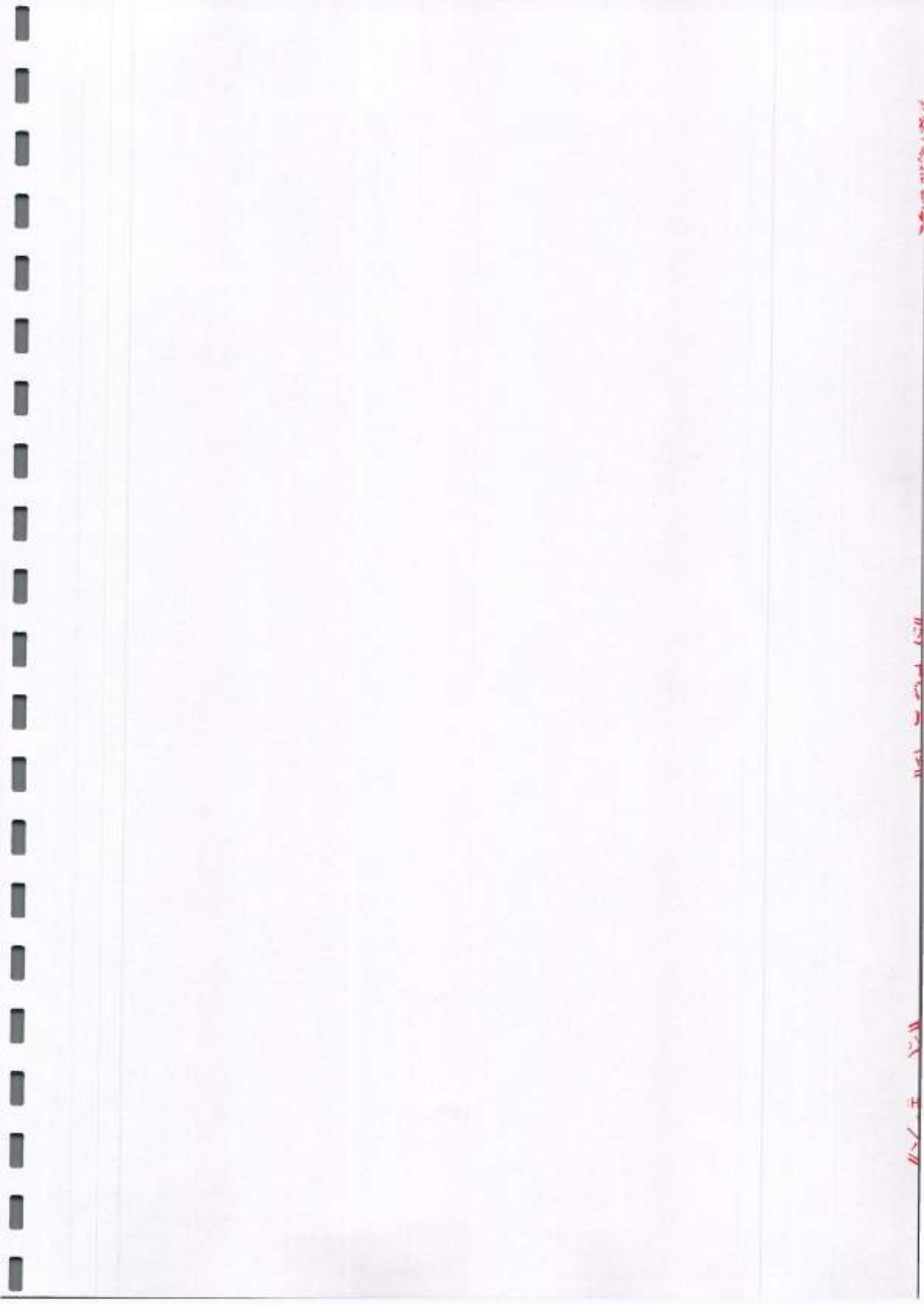
Nguồn: CTCP Thuận Đức

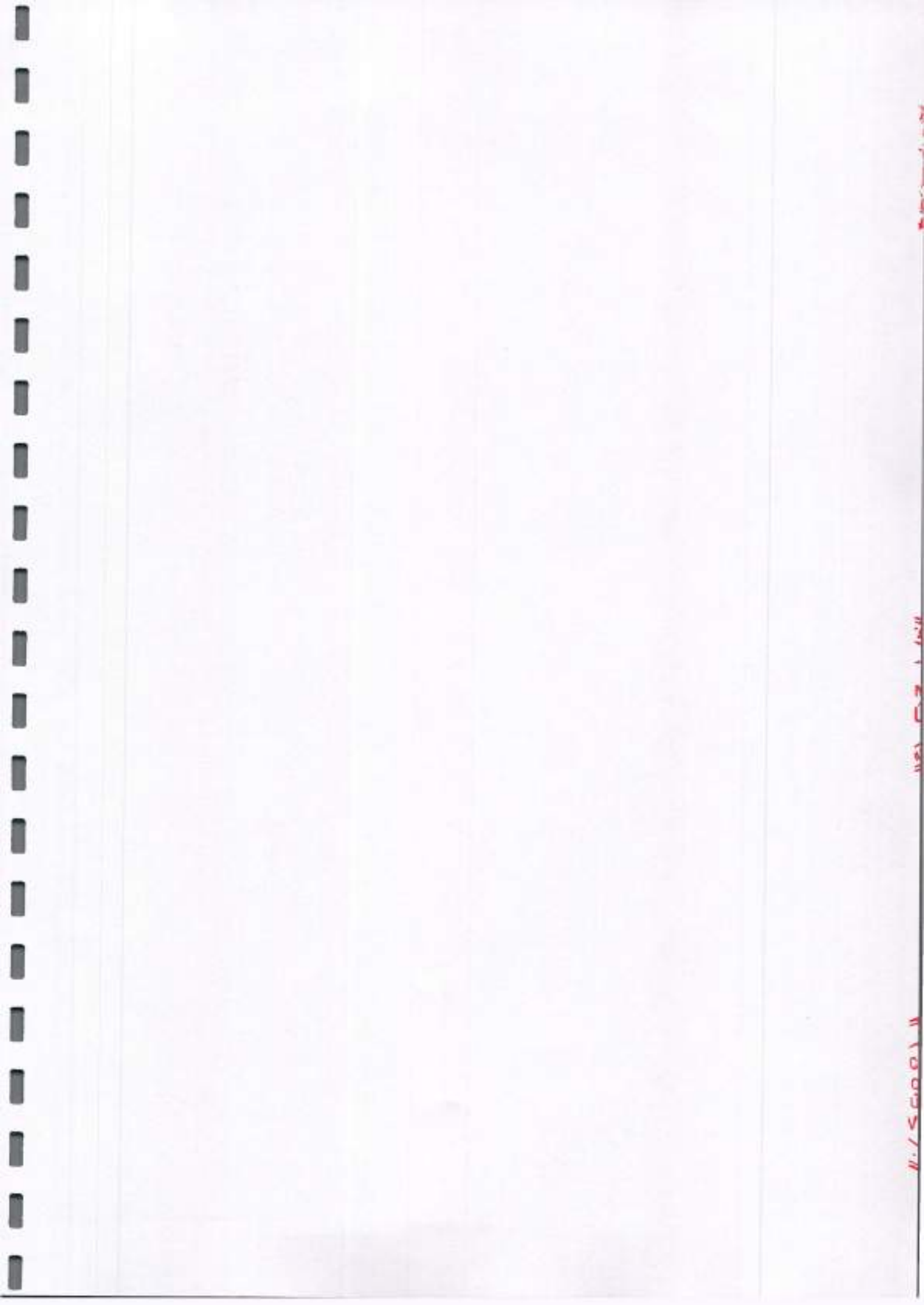
Bảng 33: Các khoản phải thu cho vay của Công ty tại 31/12/2024 (Riêng lẻ)

Đối tượng	Số hợp đồng vay	Kỳ hạn vay	Mối quan hệ với công ty/ Thành viên HĐQT/ Ban Giám đốc	Số dư tại 31/12/2024 (VND)	Lãi suất	Mục đích cho vay theo hợp đồng	Tài sản đảm bảo
Lưu Xuân Kiêu	HDCV202212.35	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tin chấp

Đối tượng	Số hợp đồng vay	Kỳ hạn vay	Mối quan hệ với công ty/ Thành viên HĐQT/ Ban Giám đốc	Số dư tại 31/12/2024 (VND)	Lãi suất	Mục đích cho vay theo hợp đồng	Tài sản đảm bảo
Nguyễn Thị Thái	HDCV202212.10	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tín chấp
Nguyễn Thị Luyến	HDCV202212.08	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tín chấp
Đặng Văn Hùng	HDCV202212.29	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tín chấp
Nguyễn Đức Thoại	HDCV202212.13	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tín chấp
Nguyễn Thị Trang	HDCV202212.30	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tín chấp
Vũ Thị Liên	HDCV202212.11	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tín chấp
Nguyễn Thị Thu Chang	HDCV202212.12	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tín chấp
Nguyễn Thị Hậu	HDCV202212.03	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tín chấp
Nguyễn Thị Như Quỳnh	HDCV202212.04	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tín chấp
Đào Thị Mai	HDCV202212.02	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tín chấp
Hà Thị Vui	HDCV202212.32	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tín chấp
Đào Thị Phương	HDCV202212.01	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tín chấp
Trần Thị Huế	HDCV202212.09	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tín chấp

Đối tượng	Số hợp đồng vay	Kỳ hạn vay	Mối quan hệ với công ty/ Thành viên HĐQT/ Ban Giám đốc	Số dư tại 31/12/2024 (VND)	Lãi suất	Mục đích cho vay theo hợp đồng	Tài sản đảm bảo
Trần Thị Bấm	HDCV202212.34	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tin chấp
Đặng Thị Giáo	HDCV202212.40	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tin chấp
Vũ Thị Yến	HDCV202212.39	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tin chấp
Hà Văn Đà	HDCV202212.38	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tin chấp
Dương Thị Thanh Huệ	HDCV202212.06	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tin chấp
Đào Thị Nam	HDCV202212.17	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tin chấp
Nguyễn Thị Tuyền	HDCV202212.23	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tin chấp
Đoàn Thị Dung	HDCV202212.26	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tin chấp
Vũ Thị Đan	HDCV202212.07	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tin chấp
Đoàn Thị Nguyệt	HDCV202212.05	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tin chấp
Phạm Thị Khánh Chi	HDCV202212.22	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tin chấp
Nguyễn Thị Dương	HDCV202212.25	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tin chấp
Nguyễn Thị Tiếp	HDCV202212.24	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tin chấp
Hứa Thị Lụa	HDCV202212.19	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tin chấp





11.15000

1891

Đối tượng	Số hợp đồng vay	Kỳ hạn vay	Mối quan hệ với công ty/ Thành viên HĐQT/ Ban Giám đốc	Số dư tại 31/12/2024 (VND)	Lãi suất	Mục đích cho vay theo hợp đồng	Tài sản đảm bảo
Phạm Thị Huệ	HDCV202212.20	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tin chấp
Đào Thị Thảo	HDCV202212.27	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tin chấp
Nguyễn Quang Diện	HDCV202212.31	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tin chấp
Vũ Ngọc Anh	HDCV202212.33	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tin chấp
Đặng Việt Khánh	HDCV202212.37	Từ 04/12/2024 đến 04/12/2025	Người lao động	150.000.000	8%	Nhu cầu cá nhân	Tin chấp
Trần Văn Khôi	100509/HDCV-CN	Từ 10/05/2024 đến 30/04/2025	Cá nhân không thuộc bên liên quan	4.200.000.000	8%	Sử dụng vào mục đích cá nhân hợp pháp của bên đi vay	Bảo lãnh cá nhân có BDS là căn hộ NQ02-39 Vinhomes Riverside Phường Phúc Đồng, Quận Long Biên, TP Hà Nội số GCN CU333951, số vào sổ cấp GCN CS53983 cấp ngày 18 tháng 11 năm 2020
Nguyễn Hùng Thiện	100506/HDCV-TĐ-CN	Từ 10/05/2024 đến 30/04/2025	Cá nhân không thuộc bên liên quan	6.400.000.000	8%	Sử dụng vào mục đích cá nhân hợp pháp của bên đi vay	Bảo lãnh cá nhân có BDS là căn hộ NQ02-39 Vinhomes Riverside Phường Phúc Đồng, Quận Long Biên, TP Hà Nội số GCN CU333951, số vào sổ cấp GCN CS53983 cấp ngày 18 tháng 11 năm 2020

Đối tượng	Số hợp đồng vay	Kỳ hạn vay	Mối quan hệ với công ty/ Thành viên HĐQT/ Ban Giám đốc	Số dư tại 31/12/2024 (VND)	Lãi suất	Mục đích cho vay theo hợp đồng	Tài sản đảm bảo
Hoàng Thị Huyền Trang	048/HĐCV-TĐ-CN	Từ 04/08/2023 đến 30/04/2025	Cá nhân không thuộc bên liên quan	8.000.000.000	8%	Sử dụng vào mục đích cá nhân hợp pháp của bên đi vay	Bảo lãnh cá nhân có sổ tiết kiệm cá nhân số AC00016396396340 trị giá 5.000.000.000 VNĐ mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh Hưng Yên và số 801201690910 trị giá 3.000.000.000 VNĐ mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam- chi nhánh Sở giao dịch 1
Thiều Thị Nga	100503/HĐCV-TĐ-CN	Từ 10/05/2024 đến 30/04/2025	Cá nhân không thuộc bên liên quan	9.570.000.000	8%	Sử dụng vào mục đích cá nhân hợp pháp của bên đi vay	Bảo lãnh cá nhân có BDS là căn hộ NQ02-39 Vinhomes Riverside Phường Phúc Đồng, Quận Long Biên, TP Hà Nội số GCN CU333951, số vào sổ cấp GCN CS53983 cấp ngày 18 tháng 11 năm 202
Nguyễn Thành Long	1582/HĐCV-TĐ-CN	Từ 15/08/2023 đến 30/04/2025	Cá nhân không thuộc bên liên quan	10.000.000.000	8%	Sử dụng vào mục đích cá nhân hợp pháp của bên đi vay	Bảo lãnh cá nhân có BDS là căn hộ NQ25-12 Vinhomes Riverside Phường Phúc Đồng, Quận Long Biên, TP Hà Nội số GCN CY553854, số vào sổ cấp

Đối tượng	Số hợp đồng vay	Kỳ hạn vay	Mối quan hệ với công ty/ Thành viên HĐQT/ Ban Giám đốc	Số dư tại 31/12/2024 (VND)	Lãi suất	Mục đích cho vay theo hợp đồng	Tài sản đảm bảo
Nguyễn Thị Thảo	15081/HDCV-TĐ-CN	Từ 15/08/2023 đến 30/04/2025	Cá nhân không thuộc bên liên quan	14.000.000.000	8%	Sử dụng vào mục đích cá nhân hợp pháp của bên đi vay	GCN CS40546, cấp ngày 14 tháng 9 năm 2020 Bảo lãnh cá nhân có BDS là căn hộ NQ25-12 Vinhomes Riverside Phường Phúc Đồng, Quận Long Biên, TP Hà Nội số GCN CY553854, sổ vào sổ cấp GCN CS40546, cấp ngày 14 tháng 9 năm 2020
Tổng cộng				57.120.000.000			

Nguồn: CTCP Thuận Đức

2.1.6. Các khoản phải trả

Bảng 34: Các khoản phải trả của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025	% Tăng/(giảm) 2024-2023
1. Nợ ngắn hạn	2.611.406	2.683.387	2.855.954	2,8%
Phải trả người bán ngắn hạn	284.290	272.296	142.865	-4,2%
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	63.560	41.454	66.044	-34,8%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	27.142	37.470	28.551	38,0%
Phải trả người lao động	13.061	21.333	19.165	63,3%
Chi phí phải trả ngắn hạn	7.893	5.841	3.324	-26,0%
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	2.179	5.702	2.569	161,7%
Phải trả ngắn hạn khác	2.850	2.858	2.535	0,3%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	2.210.433	2.296.433	2.590.900	3,9%
2. Nợ dài hạn	203.712	240.625	259.743	18,1%
Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	0,0%
Phải trả dài hạn khác	2.539	1.479	3.177	-41,8%
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	201.173	239.147	256.566	18,9%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-	-	0,0%
Tổng cộng	2.815.118	2.924.013	3.115.697	3,9%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 được kiểm toán và BCTC hợp nhất 9 tháng 2025

Bảng 35: Các khoản phải trả của Công ty (riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025	% Tăng/(giảm) 2024-2023
1. Nợ ngắn hạn	2.206.748	2.291.093	2.439.481	3,8%
Phải trả người bán ngắn hạn	231.680	223.605	119.865	-3,5%
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	32.109	40.826	56.926	27,1%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21.852	32.171	21.600	47,2%
Phải trả người lao động	9.217	14.973	13.581	62,4%
Chi phí phải trả ngắn hạn	6.534	4.823	2.403	-26,2%
Phải trả ngắn hạn khác	1.888	1.881	1.648	-0,4%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.903.466	1.972.813	2.223.459	3,6%
2. Nợ dài hạn	202.566	239.488	241.365	18,2%
Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	0,0%
Phải trả dài hạn khác	2.174	1.388	1.160	-36,1%
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	200.392	238.100	240.204	18,8%
Tổng cộng	2.409.313	2.530.582	2.680.846	5,0%

Nguồn: BCTC riêng lẻ năm 2023, 2024 được kiểm toán và BCTC riêng lẻ 9 tháng 2025

▪ **Tình hình thanh toán các khoản nợ**

Các khoản vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đều được Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong thời gian qua. Trong quá trình thanh toán, Công ty luôn thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ bao gồm lãi và gốc, đảm bảo uy tín của Công ty. Công ty không có bất kỳ khoản nợ quá hạn nào tính đến thời điểm lập Bản cáo bạch này.

Tại ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2023, 31/12/2024, kỳ kết thúc ngày 30/09/2025 và thời điểm của Bản cáo bạch này, Công ty không có bất kỳ vi phạm các điều khoản trong hợp đồng liên quan đến các khoản phải trả.

Bảng 36: Tổng dư nợ vay của Công ty (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025	% Tăng/(giảm) 2024-2023
1. Vay ngắn hạn	1.903.466	1.972.813	2.223.459	3,6%
Vay ngân hàng/tổ chức tài chính	1.880.577	1.962.609	2.213.993	4,4%
Vay ngân hàng dài hạn đáo hạn trong vòng 1 năm	14.141	2.859	3.160	-79,8%
Nợ thuê tài chính dài hạn đáo hạn trong vòng 1 năm	8.748	7.346	6.306	-16,0%
2. Vay dài hạn	200.392	238.100	240.204	18,8%
Vay ngân hàng/tổ chức tài chính	9.344	5.593	8.955	-40,1%
Vay cá nhân	134.500	-	-	-100,0%
Vay bên liên quan	40.000	-	-	-100,0%
Nợ thuê tài chính dài hạn	16.548	8.101	5.773	-51,0%
Trái phiếu phát hành dài hạn	-	224.405	225.477	0,0%
Tổng nợ vay	2.103.858	2.210.913	2.463.663	5,1%

Nguồn: BCTC riêng lẻ năm 2023, 2024 được kiểm toán và BCTC riêng lẻ 9 tháng 2025

Bảng 37: Tổng dư nợ vay của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025	% Tăng/(giảm) 2024-2023
1. Vay ngắn hạn	2.210.433	2.296.433	2.590.900	3,9%
Vay ngân hàng/tổ chức tài chính	2.184.480	2.285.521	2.575.775	4,6%
Vay ngân hàng dài hạn đáo hạn trong vòng 1 năm	14.141	2.859	3.160	-79,8%
Nợ thuê tài chính dài hạn đáo hạn trong vòng 1 năm	11.811	8.053	11.965	-31,8%
2. Vay dài hạn	201.173	239.147	256.566	18,9%

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025	% Tăng/(giảm) 2024-2023
Vay ngân hàng/tổ chức tài chính	9.344	5.593	8.955	-40,1%
Vay cá nhân	134.500	-	-	-100,0%
Vay bên liên quan	40.000	-	-	-100,0%
Nợ thuế tài chính dài hạn	17.329	9.148	22.134	-47,2%
Trái phiếu phát hành dài hạn	-	224.405	225.477	0,0%
Tổng nợ vay	2.411.606	2.535.580	2,847,466	5,1%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 được kiểm toán và BCTC hợp nhất 9 tháng 2025

2.1.7. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc việc kê khai và nộp đầy đủ các khoản phải nộp theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Bảng 38: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
Thuế thu nhập doanh nghiệp	26.703	35.879	23.765
Thuế giá trị gia tăng	-	843	4.119
Thuế thu nhập cá nhân	215	747	667
Các loại thuế khác	225	-	-
Tổng cộng	27.142	37.470	28.551

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 được kiểm toán và BCTC hợp nhất 9 tháng 2025

Bảng 39: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.651	31.610	21.097
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	201	561	503
Các loại thuế khác	-	-	-
Tổng cộng	21.852	32.171	21.600

Nguồn: BCTC riêng lẻ năm 2023, 2024 được kiểm toán và BCTC riêng lẻ 9 tháng 2025

2.1.8. Trích lập các quỹ

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động và pháp luật hiện hành. Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Bảng 40: Số dư các quỹ của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
Quỹ Đầu tư phát triển	16.200	16.200	16.200	16.200	16.200	16.200

Nguồn: BCTC hợp nhất, riêng lẻ năm 2023, 2024 được kiểm toán và BCTC hợp nhất, riêng lẻ 9 tháng 2025

2.1.9. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Không có.

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

2.2.1. Các chỉ tiêu tài chính hợp nhất chủ yếu

Bảng 41: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Hợp nhất)

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2023	31/12/2024
1. Khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn <i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	1,0	1,1
Hệ số thanh toán nhanh <i>(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	0,5	0,7
2. Cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	77%	74%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	329%	287%
3. Năng lực hoạt động			
Vòng quay tổng tài sản <i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân</i>	Vòng	1,1	1,2
Vòng quay vốn lưu động <i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân</i>	Vòng	1,5	1,6
Vòng quay hàng tồn kho <i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i>	Vòng	3,0	3,1
4. Khả năng sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) <i>Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần</i>	%	1,1%	2,1%
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) <i>Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân</i>	%	1,2%	2,5%
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) <i>Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân</i>	%	5%	10%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	507	1.087

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 được kiểm toán

Nhận xét về các chỉ tiêu tài chính hợp nhất của Công ty

▪ **Về khả năng thanh toán**

Các chỉ số về khả năng thanh toán cho thấy khả năng hoàn thành các nghĩa vụ nợ trong ngắn hạn của doanh nghiệp, đảm bảo doanh nghiệp không rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán. Hệ số thanh toán ngắn hạn đạt mức 1,1 lần tại thời điểm cuối năm 2024, tăng so với mức 1,0 lần năm 2023. Hệ số thanh toán nhanh của Công ty đạt mức 0,7 lần tại thời điểm cuối năm 2024, tăng so với mức 0,5 lần năm 2023.

▪ **Về cơ cấu vốn**

Kể từ năm 2023 cơ cấu vốn của công ty cải thiện. Cụ thể, hệ số Nợ/Tổng tài sản giảm từ 77% xuống còn 74% và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu giảm từ 329% xuống còn 287% tại cuối năm 2024. Hệ số cơ cấu vốn cải thiện do công ty tăng vốn thông qua phát hành hiện hữu đầu năm 2024.

▪ **Về năng lực hoạt động**

Chỉ số Vòng quay tổng tài sản năm 2024 đạt mức 1,2 tăng nhẹ so với năm 2023. Chỉ số Vòng quay vốn lưu động tăng nhẹ từ 1,5 năm 2023 lên 1,6 năm 2024. Chỉ số Vòng quay hàng tồn kho cũng tăng nhẹ so với năm 2023, cụ thể từ 3,0 lần lên 3,1 lần.

▪ **Về khả năng sinh lời**

Các chỉ số về khả năng sinh lời của Công ty tăng trong năm 2024, chủ yếu do doanh thu thuần về sản xuất kinh doanh tăng trong năm. Cụ thể, chỉ số ROS, ROA và ROE của Công ty trong năm 2024 lần lượt là 2,1%, 2,5% và 10%.

Ý kiến của tổ chức kiểm toán về các chỉ tiêu tài chính hợp nhất của Công ty: Không có.

2.2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty (riêng lẻ)

Bảng 42: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty (riêng lẻ)

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2023	31/12/2024
1. Khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn <i>TSLĐ/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	1,0	1,1
Hệ số thanh toán nhanh <i>(TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	0,6	0,8
2. Cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	74%	71%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	285%	251%
3. Năng lực hoạt động			
Vòng quay tổng tài sản <i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân</i>	Vòng	1,1	1,1
Vòng quay vốn lưu động <i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân</i>	Vòng	1,6	1,6
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3,7	4,0

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2023	31/12/2024
<i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i>			
4. Khả năng sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) <i>Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần</i>	%	1,3%	2,5%
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) <i>Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân</i>	%	1,5%	2,8%
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) <i>Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân</i>	%	5%	10%

Nguồn: BCTC riêng lẻ năm 2023, 2024 được kiểm toán

Nhận xét về các chỉ tiêu tài chính của Công ty (riêng lẻ)

▪ **Về khả năng thanh toán**

Hệ số thanh toán ngắn hạn đạt mức 1,1 lần tại thời điểm cuối năm 2024, tăng so với mức 1,0 lần năm 2023. Hệ số thanh toán nhanh của Công ty đạt mức 0,8 lần tại thời điểm cuối năm 2024, tăng so với mức 0,6 lần năm 2023.

▪ **Về cơ cấu vốn**

Công ty duy trì một cơ cấu vốn an toàn. Cụ thể, hệ số Nợ/Tổng tài sản giảm từ 74% lên 71% và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu cải thiện từ 285% lên 251% từ cuối năm 2023 và cuối năm 2024

▪ **Về năng lực hoạt động**

Chỉ số Vòng quay tổng tài sản, vòng quay vốn lưu động năm 2024 tương đương với năm 2023 lần lượt đạt 1,1 và 1,6. Trong khi đó, vòng quay hàng tồn kho tăng nhẹ từ 3,7 lên 4,0 trong năm 2024

▪ **Về khả năng sinh lời**

Các chỉ số về khả năng sinh lời của Công ty tăng trong năm 2024, chủ yếu do doanh thu thuần về sản xuất kinh doanh tăng trong năm. Cụ thể, chỉ số ROS, ROA và ROE của Công ty trong năm 2024 lần lượt là 2,5%, 2,8% và 10%.

Ý kiến của tổ chức kiểm toán về các chỉ tiêu tài chính của Công ty: Không có.

3. Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

3.1. Ý kiến Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023

Ý kiến của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, tổ chức đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 của Công ty: *"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất"*.

3.2. Ý kiến Báo cáo tài chính riêng năm 2023

Ý kiến của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, tổ chức đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính riêng năm 2023 của Công ty: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng”.

3.3. Ý kiến Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024

Ý kiến của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, tổ chức đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 của Công ty: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất”.

3.4. Ý kiến Báo cáo tài chính riêng năm 2024

Ý kiến của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, tổ chức đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính riêng năm 2024 của Công ty: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng”.

3.5. Ý kiến Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng năm 2025

Ý kiến của Công ty TNHH Grant Thornton Việt Nam, tổ chức đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 của Công ty: “Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

3.6. Ý kiến Báo cáo tài chính riêng 6 tháng năm 2025

Ý kiến của Công ty TNHH Grant Thornton Việt Nam, tổ chức đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính riêng năm 2024 của Công ty: “Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty

Cổ phần Thuận Đức tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

4.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Bảng 43: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, cổ tức năm 2025 trên cơ sở hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	Thực hiện 2024	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2025	Kế hoạch 2025	Tăng/ giảm so với năm 2024
Doanh thu thuần	3.819.708	4.379.118	3.467.787	4.500.000	2.8%
Lợi nhuận sau thuế	42.344	93.918	76.108	98.000	4.3%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	1%	2%	2%	2%	0%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu bình quân	5%	10%	7%	8% (*)	-20%
Tỷ lệ cổ tức	12%	10%	-	5%	-100.0%
Hình thức thanh toán	Cổ phiếu	Cổ phiếu		Tiền mặt	

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024 được kiểm toán và Nghị Quyết ĐHĐCĐ năm 2025

Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch nêu trên: Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua kế hoạch kinh doanh theo Nghị quyết số 1304/2025/NQ-ĐHĐCĐ-TDP ngày 13/04/2025.

(*) Vốn chủ sở hữu 2025 được Công ty ước tính dựa Lợi nhuận sau thuế đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua theo Nghị quyết số 1304/2025/NQ-ĐHĐCĐ-TDP ngày 13/04/2025 và số tiền dự kiến thu được tại đợt chào bán này.

4.2. Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên

Để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của năm 2025 đã đề ra, Công ty sẽ tập trung vào các giải pháp như sau:

- Tiếp tục mở rộng và khai thác các thị trường tiềm năng mới trong lĩnh vực bao bì (nội địa, thị trường Châu Á, Châu Mỹ). Tập trung khai thác phân khúc khách hàng, thị trường có khả năng sinh lời cao như Hàn Quốc, Nhật Bản. Tận dụng tối đa các chứng chỉ về tái chế, các hiệp định thương mại để gia nhập các thị trường mới;
- Tiếp tục xem xét, nghiên cứu để đưa ra thị trường các sản phẩm mới của manh PP không dệt, đa dạng hóa sản phẩm phù hợp với thị hiếu của khách hàng như túi đập nhiệt, túi T-Shirt, thảm, túi đựng áo vest...;
- Duy trì và phát triển áp dụng chuyển đổi công nghệ số vào các quá trình vận hành, quản trị công ty;

- Giao hàng và lập thủ tục thanh toán nhanh nhất để thu hồi vốn, tăng vòng quay vốn phục vụ cho nhu cầu SXKD; thực hiện triệt để công tác thu hồi công nợ;
- Thực hiện nâng cấp, sửa chữa, bảo trì thiết bị để bảo đảm luôn ở trạng thái sẵn sàng phục vụ sản xuất, tận dụng thời cơ để có thêm sản lượng vào những thời điểm nhu cầu thị trường tăng đột biến;
- Đặt chất lượng sản phẩm là yếu tố tiên quyết để tồn tại trên thị trường cạnh tranh và luôn lắng nghe các ý kiến phản hồi của khách hàng để sẵn sàng chấn chỉnh và thay đổi;
- Xây dựng ngân sách và tiết giảm các chi phí sản xuất trong mỗi công đoạn;
- Áp dụng kỷ luật với người lao động trong việc tiết kiệm vật tư, điện năng và nguyên phụ liệu.

4.3. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của nhà tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích và đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty.

Nếu không có những biến động bất thường ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty thì kế hoạch doanh thu, lợi nhuận mà Công ty đã đề ra là khả thi. Kế hoạch chi trả cổ tức hàng năm Công ty đề ra nhằm đảm bảo được mức lợi tức cho các cổ đông cũng như mục tiêu tái đầu tư phát triển của Công ty.

Chúng tôi xin lưu ý rằng, mọi ý kiến đánh giá trên đây được đưa ra dưới góc độ tư vấn, trên cơ sở nghiên cứu về Chứng khoán và Thị trường chứng khoán, triển vọng của nền kinh tế, ngành và Công ty. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Theo quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14:

"Trong thời hạn ba (03) năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông sáng lập dự định chuyển nhượng cổ phần phổ thông thì không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng cổ phần đó."

Công ty Cổ phần Thuận Đức được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0503000198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 22/01/2007, cấp thay đổi số 0900264799 lần thứ 17 ngày 26 tháng 09 năm 2024, tính đến thời điểm hiện tại, các hạn chế chuyển nhượng đối với cổ phần của cổ đông sáng lập đều đã hết hiệu lực.

2. Thông tin về cổ đông lớn

2.1. Đối với cổ đông lớn là cá nhân

Tại ngày 13/05/2025, Công ty có 02 cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần, chi tiết như sau:

TT	Tên cổ đông	Năm sinh	Quốc tịch	Số ĐKDN/ CMND	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/VDL (%)
1	Nguyễn Đức Cường	1970	Việt Nam	020070000067	NQ02-10 Vinhomes Riverside 2, Việt Hưng,	30.080.636	34,10
2	Ngô Kim Dung	1972	Việt Nam	020172000113	Long Biên, Hà Nội	6.342.911	7,19
Tổng cộng						36.423.547	41,29

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 13/05/2025 của Công ty

Thông tin chi tiết về ông Nguyễn Đức Cường vui lòng xem tại Mục VI 3.1.1

Thông tin chi tiết về Bà Ngô Kim Dung vui lòng xem tại Mục VI 3.1.2

Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn và có liên quan của họ tại thời điểm trở thành cổ đông lớn, hiện tại và dự kiến sau đợt chào bán

Bảng 44: Danh sách cổ đông lớn và người có liên quan

STT	Tên	Chức vụ/ mối quan hệ với NCLQ	Số lượng CP nắm giữ có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng CP nắm giữ có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng CP nắm giữ có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)
			Tại thời điểm trở thành cổ đông lớn		Tại thời điểm hiện tại (ds cổ đông chốt ngày 13/05/2025)		Dự kiến sau phát hành	
1	Nguyễn Đức Cường	Cổ đông lớn	8.295.667	33,18	30.080.636	34,10	37.600.795	34,10
1.1	Ngô Kim Dung	Vợ	1.633.800	6,54	6.342.911	7,19	7.928.098	7,19
1.2	Nguyễn Kim Anh	Con	102.000	0,41	1.367.478	1,55	1.709.348	1,55
1.3	Nguyễn Đức Chính	Con	2.950.314	3,91	3.569.877	4,05	4.462.346	4,05
1.4	Nguyễn Đức Thịnh	Em ruột	300.000	1,20	1.368.170	1,55	1.710.213	1,55
1.5	Nguyễn Thị Hằng	Em ruột	140.000	0,56	221.707	0,25	277.134	0,25
1.6	Nguyễn Văn Tuyển	Em rể	-	-	138.469	0,16	173.086	0,16
1.7	Dương Ngân Liên	Em dâu	3.000	0,01	5.813	0,01	7.266	0,01
1.8	CTCP Thuận Đức Eco	Chủ tịch HĐQT	-	-	-	-	-	-
1.9	CTCP Sản xuất bao bì Thái Yên	Chủ tịch HĐQT	-	-	-	-	-	-
1.10	Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên	Chủ tịch	-	-	-	-	-	-
1.11	Công ty Cổ phần Thuận Đức Bim Sơn	Chủ tịch HĐQT	-	-	-	-	-	-
1.12	Công ty Cổ phần Thuận Đức JB	Chủ tịch HĐQT	-	-	-	-	-	-
2	Ngô Kim Dung	Cổ đông lớn	1.633.800	6,54	6.342.911	7,19	7.928.098	7,19

STT	Tên	Chức vụ/ mối quan hệ với NCLQ	Số lượng CP nắm giữ có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng CP nắm giữ có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng CP nắm giữ có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)
			Tại thời điểm trở thành cổ đông lớn		Tại thời điểm hiện tại (ds cổ đông chốt ngày 13/05/2025)		Dự kiến sau phát hành	
2.1	Nguyễn Đức Cường	Chồng	8.295.667	33,18	30.080.636	34,10	37.600.795	34,10
2.2	Nguyễn Kim Anh	Con	102.000	0,41	1.367.478	1,55	1.709.348	1,55
2.3	Nguyễn Đức Chính	Con	2.950.314	3,91	3.569.877	4,05	4.462.346	4,05
2.4	Nguyễn Thị Lái	Chị dâu	300.000	1,20	519.260	0,59	649.075	0,59
2.5	Nguyễn Thị Vinh	Em dâu	250.000	1,00	386.355	0,44	482.944	0,44
2.6	Ngô Thị Yên	Chị gái	100.000	0,40	173.086	0,2	216.358	0,20
2.7	Ngô Thúy Nga	Chị gái			346.173	0,39	432.716	0,39
2.8	Ngô Thanh Quang	Anh trai	-	-	-	-	-	-
2.9	Ngô Tổ Vinh	Chị gái	-	-	-	-	-	-
2.10	Ngô Quang Trung	Em trai	-	-	-	-	-	-
2.11	CTCP Thuận Đức Eco	Thành viên HĐQT	-	-	-	-	-	-

Nguồn: CTCP Thuận Đức

2.2. Đối với cổ đông lớn là tổ chức

Tại ngày 13/05/2025, Công ty không có cổ đông tổ chức nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty.

2.3. Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông và những người có liên quan của họ

Không có

2.4. Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành

Không có

2.5. Lợi ích liên quan của cổ đông lớn tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành

Không có

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

3.1. Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Đức Cường	Chủ tịch HĐQT
2	Ngô Kim Dung	Thành viên HĐQT
3	Bùi Quang Sỹ	Thành viên HĐQT
4	Trần Đăng Duy	Thành viên HĐQT
5	Nguyễn Kim Anh	Thành viên HĐQT
6	Trần Văn Thanh	Thành viên HĐQT độc lập
7	Nguyễn Văn Trường	Thành viên HĐQT độc lập

3.1.1. Ông Nguyễn Đức Cường – Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Họ tên: Nguyễn Đức Cường
- Năm sinh: 16/12/1970
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Kỹ sư
- Năng lực chuyên môn: Kỹ sư hóa (chuyên ngành nhựa)
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1990 - 2002	Học tập và làm việc trong các Doanh nghiệp chế tạo máy và sản xuất ngành nhựa tại Trung Quốc	
2003 - 2006	Công ty cổ phần Tiến Long	Giám đốc
01/2007 - nay	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Chủ tịch HĐQT
01/2018 - nay	Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco	Chủ tịch HĐQT
07/2014 - nay	Công ty cổ phần Sản xuất Bao bì Thái Yên	Chủ tịch HĐQT
11/2021 - nay	Công ty Cổ phần Thuận Đức Bim Sơn	Chủ tịch HĐQT
08/2021 - nay	Công ty Cổ phần Thuận Đức JB	Chủ tịch HĐQT
11/2019 - nay	Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên.	Chủ tịch Công ty

- Chức vụ hiện nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thuận Đức.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco
 - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Sản xuất bao bì Thái Yên
 - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thuận Đức Bim Sơn
 - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thuận Đức JB
 - Chủ tịch Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên.
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 30.080.478 cổ phần, chiếm tỷ lệ 34,10% VDL, trong đó:
- Cổ phần sở hữu cá nhân: 30.080.478 cổ phần, chiếm 34,10% VDL
 - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL
 - Số cổ phần của những người có liên quan: 11.646.514 cổ phần, chiếm tỷ 13,20%.
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty:

STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Chức vụ của người có liên quan tại TDP	CMND/ CCCD/ ĐKKD	Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Ngô Kim Dung	Người nội bộ/Vợ	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	020172000113	6.342.911	7,19
2	Nguyễn Kim Anh	Người nội bộ/Con	Thành viên HĐQT	020193009048	1.367.478	1,55
3	Nguyễn Đức Chính	Con	Không	020201000058	3.569.877	4,05
4	Nguyễn Đức Thịnh	Em trai	Không	020072000085	1.368.170	1,55
5	Nguyễn Thị Hằng	Em gái	Không	020174007174	221.707	0,25
6	Nguyễn Văn Tuyển	Em rể	Không	019071016091	138.469	0,16
7	Dương Ngân Liên	Em dâu	Không	020173000099	5.813	0,01

- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác (đồng)	Năm 2023	Năm 2024	9 tháng đầu năm 2025
Thù lao HĐQT	240.000.000	240.000.000	180.000.000
Tiền lương, tiền thưởng	746.808.000	742.730.769	561.757.554
Cổ phiếu ESOP	-	-	-
Lợi ích khác	-	-	-

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty:

Tên người nội bộ và người có liên quan	Tên doanh nghiệp khác có liên quan lợi ích	Hoạt động chính của doanh nghiệp	Mối quan hệ với doanh nghiệp	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
Nguyễn Đức Cường	Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco	Sản xuất đầy đủ các sản phẩm bao bì dệt PP và Túi xách siêu thị, PP không dệt và sản phẩm Túi dán nhiệt trong các ngành thời trang	Chủ tịch HĐQT SLCP nắm giữ: 10.500.000 cổ phiếu và tương ứng tỷ lệ sở hữu 24,7%	Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco là Công ty liên kết của Công ty. Tính đến ngày 30/09/2025, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco là 48,94% Hợp đồng ký giữa Công ty và Công cổ phần Thuận Đức Eco được Hội đồng quản trị/ĐHDCĐ thông qua theo như quy định tại Điều 42 Điều lệ Công ty, từ đó kiểm soát xung đột lợi ích giữa người nội bộ/người có liên quan và Công ty
	Công ty cổ phần Sản xuất bao bì Thái Yên	Sản xuất mặt hàng tái chế nhựa tái sinh và bao bì dệt PP phục vụ cho ngành nông nghiệp và các đại lý bán lẻ cho người tiêu dùng trong địa bàn các tỉnh Thanh Hóa -> Miền Trung	Chủ tịch HĐQT SLCP nắm giữ 6.900.000 cổ phiếu và tương ứng tỷ lệ sở hữu: 69%	Công ty cổ phần Sản xuất bao bì Thái Yên là trung tâm nhập bao xi khu vực Miền Trung để sản xuất hạt nhựa tái sinh. Công ty Cổ phần Thuận Đức sẽ nhập loại hạt nhựa cao cấp để sản xuất bao trắng chất lượng cao. Trong khi đó, Công ty cổ phần Sản xuất bao bì Thái Yên sản xuất sản phẩm bao bì màu có giá thành và giá bán thấp hơn. Tệp khách hàng khác nhau nên không có sự cạnh tranh Hợp đồng giữa Công ty và Công cổ phần sản xuất bao bì

Tên người nội bộ và người có liên quan	Tên doanh nghiệp khác có liên quan lợi ích	Hoạt động chính của doanh nghiệp	Mối quan hệ với doanh nghiệp	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
				Thái Yên được Hội đồng quản trị/ ĐHĐCĐ thông qua theo như quy định tại Điều 42 Điều lệ Công ty, từ đó kiểm soát xung đột lợi ích giữa người nội bộ/ người có liên quan và Công ty
	Công ty Cổ phần Thuận Đức JB	Dự kiến sẽ sản xuất mặt hàng bao bì nhựa CPP phục vụ cho ngành sản xuất túi siêu thị và bao bì B2B	Chủ tịch HĐQT SLCP nắm giữ 12.100.000 cổ phiếu và tương ứng tỷ lệ sở hữu 60,5 %	Tính đến ngày 30/09/2025, Công ty nắm 15% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thuận Đức JB. Hiện Công ty Cổ phần Thuận Đức JB vẫn đang trong giai đoạn đầu tư Hợp đồng ký giữa Công ty và Công ty Cổ phần Thuận Đức JB được Hội đồng quản trị/ ĐHĐCĐ thông qua theo như quy định tại Điều 42 Điều lệ Công ty, từ đó kiểm soát xung đột lợi ích giữa người nội bộ/ người có liên quan và Công ty
	Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên	Sản xuất sản phẩm Manh dẹt và bao bì dẹt cung cấp cho các Công ty (B2B) ngành Công nghiệp sử dụng dụng cụ ăn chăn nuôi, phân bón, nông sản, ..	Chủ tịch SLCP nắm giữ 0 cổ phiếu và tương ứng tỷ lệ sở hữu 0,0 %	Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên là công ty con có 100% cổ phần sở hữu bởi Công ty vì vậy không có xung đột lợi ích mang tính cạnh tranh với Công ty Hợp đồng ký giữa công ty và Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên được Hội đồng quản trị/ ĐHĐCĐ thông qua theo như quy định tại Điều 42 Điều lệ Công ty, từ đó kiểm soát xung đột lợi ích giữa người nội bộ/ người có liên quan và Công ty
	Công ty Cổ phần Thuận Đức Bim Sơn	Dự kiến nhà máy sẽ xây dựng mới sản xuất các sản phẩm bao bì	Chủ tịch HĐQT SLCP nắm giữ 6.350.000 cổ phiếu và tương ứng tỷ lệ sở hữu 63,5 %	Tính đến 30/09/2025, Công ty sở hữu 15% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thuận Đức Bim Sơn. Hiện tại Công ty Cổ phần Thuận Đức Bim Sơn

Tên người nội bộ và người có liên quan	Tên doanh nghiệp khác có liên quan lợi ích	Hoạt động chính của doanh nghiệp	Mối quan hệ với doanh nghiệp	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
		Jumbo đựng cỡ lớn cho các ngành công nghiệp và Logistic		vẫn còn đang trong quá trình đầu tư trước hoạt động Hợp đồng kinh doanh ký giữa Công ty và Công cổ phần Thuận Đức Bim Sơn được Hội đồng quản trị/ ĐHĐCĐ thông qua theo như quy định tại Điều 42 Điều lệ Công ty, từ đó kiểm soát xung đột lợi ích giữa người nội bộ/ người có liên quan và Công ty

3.1.2. Bà Ngô Kim Dung – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

- Họ tên: Ngô Kim Dung
- Năm sinh: 07/04/1972
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân kinh tế (Chuyên ngành Quản trị kinh doanh)
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1993 - 2011	TT. Đồng Đăng, H. Cao Lộc, T. Lạng Sơn	Kinh doanh
10/2012 - nay	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
01/2018 - nay	Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco	Thành viên HĐQT

- Chức vụ hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thuận Đức.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 6.342.911 cổ phần, chiếm tỷ lệ 7,19% VDL, trong đó:
 - Cổ phần sở hữu cá nhân: 6.342.911 cổ phần, chiếm 7,19% VDL
 - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL
 - Số cổ phần của những người có liên quan: 36.442.865 cổ phần, chiếm tỷ 41,31%.

- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty:

STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Chức vụ của người có liên quan tại TDP	CMND/ CCCD/ ĐKKD	Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Nguyễn Đức Cường	Người nội bộ/Chồng	Chủ tịch HĐQT	020070000067	30.080.636	34,10
2	Nguyễn Kim Anh	Người nội bộ/Con	Thành viên HĐQT	020193009048	1.367.478	1,55
3	Nguyễn Đức Chính	Con	Không	020201000058	3.569.877	4,05
4	Nguyễn Thị Lái	Chị dâu	Không	036159003498	519.260	0,59
5	Nguyễn Thị Vinh	Em dâu	Không	020177007416	386.355	0,44
6	Ngô Thị Yên	Chị gái	Không	020165000050	173.086	0,20
7	Ngô Thủy Nga	Chị gái	Không	020167006996	346.173	0,39

- Lợi ích liên quan đối với Công ty:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đang ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác (đồng)	Năm 2023	Năm 2024	9 tháng đầu năm 2025
Thù lao HĐQT	180.000.000	180.000.000	135.000.000
Tiền lương, tiền thưởng	746.808.000	742.730.769	559.581.554
Cổ phiếu ESOP	-	-	-
Lợi ích khác	-	-	-

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty:

Tên người nội bộ và người có liên quan	Tên doanh nghiệp khác có liên quan lợi ích	Hoạt động chính của doanh nghiệp	Mối quan hệ với doanh nghiệp	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
Ngô Kim Dung	Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco	Sản xuất đầy đủ các sản phẩm bao bì dệt PP và Túi	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco là Công ty liên kết của Công ty. Tính đến ngày

Tên người nội bộ và người có liên quan	Tên doanh nghiệp khác có liên quan lợi ích	Hoạt động chính của doanh nghiệp	Mối quan hệ với doanh nghiệp	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
		xách siêu thị, PP không dệt và sản phẩm Túi dán nhiệt trong các ngành thời trang	SLCP năm giữ: 2.800.000 cổ phiếu và tương ứng tỷ lệ sở hữu là 6,6%	30/09/2025, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco là 48,94% Hợp đồng ký giữa Công ty và Công cổ phần Thuận Đức Eco được Hội đồng quản trị/ ĐHDCĐ thông qua theo như quy định tại Điều 42 Điều lệ Công ty, từ đó kiểm soát xung đột lợi ích giữa người nội bộ/ người có liên quan và Công ty

3.1.3. Ông Bùi Quang Sỹ – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

- Họ tên: Bùi Quang Sỹ
- Năm sinh: 25/12/1978
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Luật - Luật sư
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2003 – 2005	Thị hành án dân sự TP. Hòa Bình	Chấp hành viên
2005 – 2008	Trung tâm ĐTDĐ CDMA Hà Nội – Công ty Cổ phần Bưu chính viễn thông Sài Gòn	Chuyên viên - Trưởng nhóm hỗ trợ và pháp lý
2008 – 2010	Công ty Cổ phần Quảng cáo Truyền thông Việt (vietmedia)	Phó Tổng giám đốc
2010 – 2011	Công ty TNHH Xây Dựng Hải Hà	Giám đốc Chi nhánh
2011 – 2012	Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Khoáng sản Việt (vietmine.jsc.)	Trợ lý TGĐ kiêm Trưởng phòng Hành chính nhân sự
2012 - 2015	Công ty CP Casablanca	Trưởng phòng HCNS
2015 – 11/2021	Công ty CP Thuận Đức	Phó Tổng Giám đốc
12/2021 - nay	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
01/2018 - nay	Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco	Thành viên HĐQT

- Chức vụ hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thuận Đức.

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 53.308 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,06% VDL, trong đó:
 - Cổ phần sở hữu cá nhân: 53.308 cổ cổ phần, chiếm 0,06% VDL
 - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL
 - Số cổ phần của những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ 0%.
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đang ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác (đồng)	Năm 2023	Năm 2024	9 tháng đầu năm 2025
Thù lao HĐQT	180.000.000	180.000.000	135.000.000
Tiền lương, tiền thưởng	745.308.000	739.130.769	541.199.598
Cổ phiếu ESOP	-	-	-
Lợi ích khác	-	-	-

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty:

Tên người nội bộ và người có liên quan	Tên doanh nghiệp khác có liên quan lợi ích	Hoạt động chính của doanh nghiệp	Mối quan hệ với doanh nghiệp	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
Bùi Quang Sỹ	Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco	Sản xuất đầy đủ các sản phẩm bao bì dệt PP và Túi xách siêu thị, PP không dệt và sản phẩm Túi dân	Thành viên HĐQT SLCP nắm giữ: 600.000 cổ phiếu và tương	Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco là Công ty liên kết của Công ty. Tính đến ngày 30/09/2025, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco là 48,94%

Tên người nội bộ và người có liên quan	Tên doanh nghiệp khác có liên quan lợi ích	Hoạt động chính của doanh nghiệp	Mối quan hệ với doanh nghiệp	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
		nhiệt trong các ngành thời trang	ứng tỷ lệ sở hữu là 1,4%	Hợp đồng ký giữa Công ty và Công cổ phần Thuận Đức Eco được Hội đồng quản trị/ ĐHDCĐ thông qua theo như quy định tại Điều 42 Điều lệ Công ty, từ đó kiểm soát xung đột lợi ích giữa người nội bộ/ người có liên quan và Công ty

3.1.4. Ông Trần Đăng Duy – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

- Họ tên: Trần Đăng Duy
- Năm sinh: 13/06/1982
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Thạc Sĩ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
11/2008 - 10/2010	Công ty cổ phần Đầu tư - Phát triển Đô thị Phố Wall	Giám đốc Sản giao dịch bất động sản Phố Wall kiêm Phó Phòng Tư vấn tài chính doanh nghiệp (IB)
09/2010 - 10/2014	Công ty cổ phần Chứng Khoán Woori CBV	Giám đốc khối môi giới và phát triển hệ thống kiêm Phó phòng tư vấn tài chính doanh nghiệp (IB)
08/2014 - 11/2018	Công ty cổ phần Tập đoàn Tiến Bộ	Phó Tổng Giám đốc/Giám đốc Tài chính
07/2017 - 07/2018	Công ty Cổ phần Thương mại Hà Tây	Thành viên HĐQT
2014 - 2018	Giảng viên chuyên đề Chứng khoán và Thị trường Chứng khoán tại Khoa Tài chính	Học viện Ngân hàng
11/2018 - 6/2021	Công ty cổ phần Thuận Đức	Giám đốc Tài chính Chứng khoán và M&A
06/2021 - 2024	Công ty cổ phần BDS Đồng Quê	Tổng Giám đốc
07/2021 - 04/2023	Công ty cổ phần Thuận Đức	Trợ lý chủ tịch HĐQT
04/2023 - nay	Công ty cổ phần Thuận Đức	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

- Chức vụ hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thuận Đức.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 3.251.316 cổ phần, chiếm tỷ lệ 3,69% VDL, trong đó:
 - Cổ phần sở hữu cá nhân: 3.251.316 cổ phần, chiếm 3,69% VDL
 - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL
 - Số cổ phần của những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ 0%.
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đang ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác (đồng)	Năm 2023	Năm 2024	9 tháng đầu năm 2025
Thù lao HĐQT	120.000.000	180.000.000	135.000.000
Tiền lương, tiền thưởng	450.000.000	623.280.769	508.782.554
Cổ phiếu ESOP	-	-	-
Lợi ích khác	-	-	-

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

3.1.5. Bà Nguyễn Kim Anh – Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ tên: Nguyễn Kim Anh
- Năm sinh: 12/03/1993
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế (Chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm)

– Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/06/2015 – 01/12/2017	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Nhân viên Phòng Kinh doanh Quốc tế
01/12/2017 – 01/12/2018	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Phó Phòng Kinh doanh Quốc tế
01/12/2018 – 05/2021	Công ty TNHH Hoàng Anh Kinh Bắc	Phó Giám đốc
23/04/2019 – 28/06/2020	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
28/06/2020 – 22/05/2023	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
22/05/2023 – nay	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Thành viên HĐQT, người phụ trách quản trị Công ty
05/2021 – nay	Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco	Tổng Giám đốc

- Chức vụ hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thuận Đức.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco.
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 1.367.478 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1,55% VDL, trong đó:
 - Cổ phần sở hữu cá nhân: 1.367.478 cổ cổ phần, chiếm 1,55% VDL
 - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL
 - Số cổ phần của những người có liên quan: 36.423.547 cổ phần, chiếm tỷ 41.29%.
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty:

STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Chức vụ của người có liên quan tại TDP	CMND/CCCD/ĐKKD	Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Nguyễn Đức Cường	Người nội bộ/Bố đẻ	Chủ tịch HĐQT	020070000067	30.080.636	34,10
2	Ngô Kim Dung	Người nội bộ/Mẹ đẻ	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	020172000113	6.342.911	7,19

- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.

- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác (đồng)	Năm 2023	Năm 2024	9 tháng đầu năm 2025
Thù lao HĐQT	180.000.000	180.000.000	135.000.000
Tiền lương, tiền thưởng	-	-	-
Cổ phiếu ESOP	-	-	-
Lợi ích khác	-	-	-

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty:

Tên người nội bộ và người có liên quan	Tên doanh nghiệp khác có liên quan lợi ích	Hoạt động chính của doanh nghiệp	Mối quan hệ với doanh nghiệp	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
Nguyễn Kim Anh	Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco	Sản xuất đầy đủ các sản phẩm bao bì dệt PP và Túi xách siêu thị, PP không dệt và sản phẩm Túi dân nhiệt trong các ngành thời trang	Tổng Giám đốc SLCP nắm giữ: 1.500.000 cổ phiếu và tương ứng tỷ lệ sở hữu là 3,5%	Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco là Công ty liên kết của Công ty. Tính đến ngày 30/6/2025, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco là 48,94% Hợp đồng ký giữa Công ty và Công cổ phần Thuận Đức Eco được Hội đồng quản trị/ĐHDCĐ thông qua theo như quy định tại Điều 42 Điều lệ Công ty, từ đó kiểm soát xung đột lợi ích giữa người nội bộ/người có liên quan và Công ty

3.1.6. Ông Trần Văn Thanh – Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

- Họ tên: Trần Văn Thanh
- Năm sinh: 03/02/1981
- Quốc tịch: Việt Nam

- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân ngoại ngữ (chuyên ngành tiếng Trung)
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2007 - 2012	China Zhejiang Allwell Intelligent Technology Co LTD	Phó phòng xuất nhập khẩu
2013 - 2022	Công ty TNHH Eway Tech	Trợ lý Giám đốc
2023 - 22/12/2024	Công ty cổ phần thương mại và sản xuất TD	Giám đốc
23/12/2024 - nay	Công ty cổ phần thương mại và sản xuất TD	Chủ tịch Hội đồng quản trị
22/08/2025 - nay	Công ty cổ phần Thuận Đức	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

- Chức vụ hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị độc lập Công ty Cổ phần Thuận Đức.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thương mại và sản xuất TD
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 VDL, trong đó:
 - Cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL
 - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL
 - Số cổ phần của những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ 0%.
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:
Ông Trần Văn Thanh bắt đầu vị trí thành viên Hội đồng quản trị tại Công ty Cổ phần Thuận Đức tại ngày 22/08/2025, vì vậy trong 02 năm liền trước năm đăng ký chào bán không có phát sinh thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác.

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác (đồng)	Năm 2023	Năm 2024	9 tháng đầu năm 2025
Thù lao HĐQT	-	-	30.000.000

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác (đồng)	Năm 2023	Năm 2024	9 tháng đầu năm 2025
Tiền lương, tiền thưởng	-	-	-
Cổ phiếu ESOP	-	-	-
Lợi ích khác	-	-	-

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

3.1.7. Ông Nguyễn Văn Trường – Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

- Họ tên: Nguyễn Văn Trường
- Năm sinh: 26/12/1985
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Kỹ sư
- Năng lực chuyên môn: Kỹ sư cơ khí giao thông vận tải
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2008 – T04/2024	Công ty CP Cầu 12 CIENCO1	Giám đốc kỹ thuật thi công
05/2024 - nay	Công ty TNHH xây dựng, thương mại vận tải Lương Tiến Đạt	Phó Giám đốc Công ty
28/06/2020 - nay	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Thành viên HĐQT độc lập

- Chức vụ hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị độc lập Công ty Cổ phần Thuận Đức.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó Giám đốc Công ty TNHH xây dựng, thương mại vận tải Lương Tiến Đạt.
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 722.706 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,82% VDL, trong đó:
 - Cổ phần sở hữu cá nhân: 722.706 cổ phần, chiếm 0,82% VDL
 - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL
 - Số cổ phần của những người có liên quan: 10.225 cổ phần, chiếm tỷ 0,01%.
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty:

STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Chức vụ của người có liên quan tại TDP	CMND/CCCD/ĐKKD	Số lượng cổ phần năm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ năm giữ (%)
1	Đặng Thùy Dung	Vợ	Không	033190007065	10.225	0,01

– Lợi ích liên quan đối với Công ty:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác (đồng)	Năm 2023	Năm 2024	9 tháng đầu năm 2025
Thù lao HĐQT	180.000.000	180.000.000	135.000.000
Tiền lương, tiền thưởng	-	-	-
Cổ phiếu ESOP	-	-	-
Lợi ích khác	-	-	-

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

3.2. Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bùi Huy Hoàng	Trưởng BKS
2	Đỗ Thị Hồng Tự	Thành viên BKS
3	Dương Thị Thu Hoài	Thành viên BKS

3.2.1. Bùi Huy Hoàng – Trưởng Ban kiểm soát

- Họ tên: Bùi Huy Hoàng
- Năm sinh: 20/12/1994
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế (Chuyên ngành kiểm toán, tài chính doanh nghiệp)
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2016 - 2020	Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam	Kiểm toán viên
06/2020 – 24/04/2022 24/04/2022 – nay	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Thành viên Ban kiểm Trưởng BKS

- Chức vụ hiện nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thuận Đức.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 8.800 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01% VDL, trong đó:
 - Cổ phần sở hữu cá nhân: 8.800 cổ phần, chiếm 0,01% VDL
 - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL
 - Số cổ phần của những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ 0%.
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác (đồng)	Năm 2023	Năm 2024	9 tháng đầu năm 2025
Thù lao BKS	120.000.000	120.000.000	90.000.000
Tiền lương, tiền thưởng	-	-	-
Cổ phiếu ESOP	-	-	-
Lợi ích khác	-	-	-

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

3.2.2. Đỗ Thị Hồng Tụ – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ tên: Đỗ Thị Hồng Tụ
- Năm sinh: 28/06/1984

- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
07/2008-12/2010	Công ty cổ phần Tập đoàn Austdoor	Nhân Viên Kế Toán
09/2011-08/2012	Công Ty cổ phần Xây Lắp và thương mại Âu Cơ	Kế toán Tổng Hợp
11/2014-12/2020	Công ty cổ phần May QTC Hưng Yên	Kế toán Tổng Hợp
01/2021- 03/2024:	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Kế toán tổng hợp, nhân viên Ban Nguồn vốn
03/2024 – 03/2025	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Phó Ban Nguồn vốn
13/04/2025 - nay	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Thành viên Ban kiểm soát

- Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thuận Đức.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VDL, trong đó:
 - Cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL
 - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL
 - Số cổ phần của những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ 0%.
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...) trong 02 năm liền tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:
Bà Đỗ Thị Hồng Tự bắt đầu vị trí thành viên Ban kiểm soát tại Công ty Cổ phần Thuận Đức từ ngày 13/04/2025, vì vậy trong 02 năm liền trước năm đăng ký chào bán không có phát sinh thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác.

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác (đồng)	Năm 2023	Năm 2024	9 tháng đầu năm 2025
Thù lao BKS	-	-	25.000.000
Tiền lương, tiền thưởng	-	-	-
Cổ phiếu ESOP	-	-	-
Lợi ích khác	-	-	-

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

3.2.3. Dương Thị Thu Hoài – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ tên: Dương Thị Thu Hoài
- Năm sinh: 13/02/1985
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Thạc Sĩ
- Năng lực chuyên môn:
- Kinh nghiệm công tác: Thạc sỹ kế toán

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
05/2007-10/2007	Công ty Cổ phần May & Thương Mại Mỹ Hưng	Nhân viên kế toán
12/2007-12/2020	Trường Đại học Chu Văn An	Giảng viên khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
01/2021-09/2021	Công ty Cổ phần TMH	Kế toán Tổng hợp
10/2021- 03/2025	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Nhân viên Ban Kế toán
13/04/2025 - nay	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Thành viên Ban kiểm soát

- Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thuận Đức.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VDL, trong đó:
 - Cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL
 - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL
 - Số cổ phần của những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ 0%.
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có

- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Bà Dương Thị Thu Hoài bắt đầu vị trí thành viên Ban kiểm soát tại Công ty Cổ phần Thuận Đức từ ngày 13/04/2025, vì vậy trong 02 năm liền trước năm đăng ký chào bán không có phát sinh thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác.

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác (đồng)	Năm 2023	Năm 2024	9 tháng đầu năm 2025
Thù lao BKS	-	-	25.000.000
Tiền lương, tiền thưởng	-	-	-
Cổ phiếu ESOP	-	-	-
Lợi ích khác	-	-	-

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

3.3. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bùi Quang Sỹ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2	Ngô Kim Dung	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
3	Trần Đăng Duy	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
4	Đào Thị Nga	Kế toán trưởng

3.3.1. Bùi Quang Sỹ – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc: xem mục 3.1.3

3.3.2. Ngô Kim Dung – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc: xem mục 3.1.2

3.3.3. Trần Đăng Duy – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc: xem mục 3.1.4

3.3.4. Đào Thị Nga – Kế toán trưởng

- Họ tên: Đào Thị Nga
- Năm sinh: 1989
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Cử nhân

- Năng lực chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2013 – T6/2015	Công ty TNHH Orbital	Chuyên viên kế toán thuế
T7/2015 – T6/2020	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Kế toán thuế, kế toán giá thành
T7/2020 – T8/2022	Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên	Kế toán trưởng
T9/2022 – 19/12/2023	Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco	Kế toán trưởng
20/12/2023 - nay	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Kế toán trưởng

- Chức vụ hiện nay: Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Thuận Đức
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 42 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%, trong đó:
 - Cổ phần sở hữu cá nhân: 42 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
 - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
 - Số cổ phần của những người có liên quan: Không có
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (*tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá),...*) trong 02 năm liên tục liền trước năm đang ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:
Bà Đào Thị Nga bắt đầu vị trí bất vị trí Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần Thuận Đức từ ngày 20/12/2023, vì vậy trong năm 2023 không có phát sinh thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác.

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác (đồng)	Năm 2023	Năm 2024	9 tháng đầu năm 2025
Thù lao, tiền lương, tiền thưởng	-	382.500.797	342.483.151
Cổ phiếu ESOP	-	-	-
Lợi ích khác	-	-	-

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông.

2. Mệnh giá cổ phiếu

10.000 đồng/cổ phiếu.

3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán

Tổng số cổ phiếu chào bán là tối đa 22.055.562 (Hai mươi hai triệu năm mươi lăm nghìn năm trăm sáu mươi hai) cổ phiếu.

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá

Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 220.555.620.000 (bằng chữ: Hai trăm hai mươi tỷ năm trăm năm mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi nghìn) đồng.

5. Giá chào bán dự kiến: 15.000 đồng/cổ phiếu

6. Phương pháp tính giá

- Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu của Công ty theo BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024 là: 11.561 đồng/cổ phiếu
- Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu của Công ty theo BCTC công ty mẹ đã kiểm toán tại năm 2024 là: 11.444 đồng/cổ phiếu
- Giá đóng cửa cổ phiếu TDP bình quân 60 phiên giao dịch gần nhất (từ ngày 10/01/2025 đến ngày 11/04/2025) là: 33.366 đồng/cổ phiếu

Căn cứ vào chiến lược phát triển và nhu cầu vốn của Công ty, đồng thời để khuyến khích cổ đông gắn bó và đóng góp cho sự phát triển của Công ty nên giá chào bán được xác định là **15.000 đồng/cổ phiếu**.

7. Phương thức phân phối

Cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua cổ phiếu

Tỷ lệ phân phối

25,0% (4:1), tại ngày chốt danh sách cổ đông, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu tương ứng với 01 quyền, 04 quyền được mua 01 cổ phiếu mới.

Phương án xử lý phần lẻ

Khi cổ đông hiện hữu thực hiện quyền mua, để đảm bảo không vượt quá tổng số lượng cổ phiếu chào bán, số lượng cổ phiếu mà cổ đông sở hữu quyền được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

*Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 12.345 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, cổ đông A có 12.345 quyền mua và được mua $12.345 * 1/4 = 3.086,3$ cổ phiếu.*

Sau khi làm tròn xuống thì số cổ phiếu được mua của cổ đông A là 3.086 cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh là 0,3 cổ phiếu. Như vậy cổ đông sở hữu 12.345 cổ phiếu sẽ được mua 3.086 cổ phiếu chào bán thêm.

Phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phần không chào bán hết trong trường hợp cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua hoặc thực hiện một phần quyền mua (Cổ Phần Cần Phân Phối)

Hội đồng Quản trị chào bán số lượng Số Cổ Phiếu Còn Lại cho các Nhà đầu tư khác với giá chào bán không thấp hơn mức giá đã chào bán cho cổ đông hiện để đảm bảo phát hành hết toàn bộ số cổ phiếu chào bán.

Trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian gia hạn nếu có) mà cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết sẽ được hủy và kết thúc đợt phát hành.

Việc phân phối số Cổ Phần Cần Phân Phối phải tuân thủ theo các quy định:

- Tuân thủ quy định tại Điều 195 Luật Doanh nghiệp: “Công ty con không được đầu tư mua cổ phần, góp vốn vào công ty mẹ. Các công ty con của cùng một công ty mẹ không được đồng thời cùng góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau”
- Đảm bảo các điều kiện chào bán cổ phiếu theo quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Điều kiện chuyển nhượng:
 - + Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu được thực hiện quyền mua là cổ phần phổ thông và không bị hạn chế chuyển nhượng;
 - + Số Cổ Phiếu Còn Lại nêu trên khi chào bán cho đối tượng khác theo quyết định của Hội đồng quản trị sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

- Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu:

Thời gian đăng ký mua cổ phiếu sẽ phụ thuộc vào thời gian phân phối cổ phiếu. Công ty sẽ thông báo thời gian đăng ký cụ thể trong Bản thông báo phát hành và đảm bảo thời hạn đăng ký mua cổ phiếu cho cổ đông tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày theo đúng quy định.

- Phương thức đăng ký, thanh toán tiền mua cổ phiếu và chuyển giao cổ phiếu:

Phương thức thanh toán

Chuyển tiền mua cổ phần vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu số 2400 201 007 831 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Hưng Yên – như được trình bày tại mục 12 dưới đây.

Chuyển giao cổ phiếu

Chuyển giao cổ phiếu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Quyền lợi của người mua cổ phiếu

Các cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phần cho người khác theo giá thỏa thuận của 2 bên và chỉ được chuyển nhượng một lần (không được chuyển nhượng cho người thứ 3).

Các cổ đông sở hữu cổ phiếu đang trong tình trạng hạn chế chuyển nhượng (nếu có) vẫn được nhận quyền mua cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu mua thêm từ quyền mua này không bị hạn chế chuyển nhượng.

Số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu

Không giới hạn số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Cổ phiếu phát hành và chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ được phân phối trong Quý 1-2026. Thời gian phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu dự kiến trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán do UBCKNN cấp có hiệu lực. Trường hợp do các nguyên nhân khách quan không thể hoàn thành việc phân phối chứng khoán trong thời hạn này, Công ty sẽ xin phép UBCKNN gia hạn việc phân phối chứng khoán nhưng tối đa không quá 30 (ba mươi) ngày.

Lịch trình chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng dự kiến như sau:

STT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến thực hiện
1	Giấy chứng nhận chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của UBCKNN có hiệu lực	D
2	Gửi hồ sơ đến VSDC, HOSE, thông báo về việc thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông gồm thông tin các ngày cụ thể như: ngày đăng ký cuối cùng, thời gian chuyển nhượng quyền, thời gian đăng ký mua/ thực hiện quyền. (Trong trường hợp này, ngày đăng ký cuối cùng hưởng quyền mua dự kiến là D+10)	D+1 đến D+3
3	Công bố thông tin theo quy định	D đến D+7
4	Công ty nhận danh sách tổng hợp người sở hữu được phân bổ quyền	D+12
5	Các cổ đông tiến hành đăng ký, chuyển nhượng quyền mua và nộp tiền mua cổ phần	D+13 đến D+33
6	Tổng hợp việc thực hiện quyền mua của cổ đông hiện hữu. Lập báo cáo trình HĐQT để HĐQT thông qua phương án xử lý đối với cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không mua hết và thực hiện xử lý cổ phần lẻ và số cổ phần không bán hết.	D+34 đến D+37
7	Báo cáo kết quả phát hành; chuyển giao cổ phiếu và hoàn tất thủ tục đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu	D+38 đến D+58

10. Phương thức thực hiện quyền (trường hợp chào bán cổ phiếu ưu đãi):

- Không áp dụng cho đợt phát hành này của Công ty

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

Cổ phiếu chào bán thông qua hình thức chào bán thêm ra công chúng không bị hạn chế chuyển nhượng.

Cổ phiếu lẻ và cổ phần không bán hết trong trường hợp cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua hoặc thực hiện một phần quyền mua bị hạn chế chuyển nhượng một năm (tức là 01 năm kể từ ngày kết thúc việc thu tiền mua chứng khoán được chào bán từ các nhà đầu tư).

12. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu từ đợt chào bán sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa do Công ty mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Hưng Yên (Agribank CN tỉnh Hưng Yên).

Tên tài khoản : Công ty Cổ phần Thuận Đức

Số tài khoản : 2400 201 007 831

Ngân hàng : Agribank CN tỉnh Hưng Yên

Loại tiền tài khoản: VND

13. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành (trường hợp Tổ chức phát hành thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền)

- Không áp dụng với trường hợp của Công ty

14. Hủy bỏ đợt chào bán (trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán được sử dụng để thực hiện dự án)

- Không áp dụng cho đợt phát hành này của Công ty

15. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Theo văn bản 6597/UBCK-PTTT ngày 04/10/2022 của UBCKNN, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 51%.

Theo danh sách cổ đông gần nhất tại ngày 13/05/2025, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty là 0,06%

Do đây là đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, trong trường hợp tất cả các cổ đông thực hiện quyền mua thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty sẽ không thay đổi sau khi hoàn tất đợt phát hành.

Trong trường hợp phát sinh Cổ Phần Cần Phân Phối và HĐQT thực hiện phân phối tiếp như được trình bày tại mục 7 nói trên, HĐQT phối hợp với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) trong việc đảm bảo tổng số lượng cổ phiếu sở hữu của tất cả các nhà đầu tư nước

ngoài và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài (Các cổ đông nước ngoài) không vượt quá tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tối đa của Các cổ đông nước ngoài tại Công ty theo quy định trong quá trình thực hiện chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phân phối lại cho nhà đầu tư khác số cổ phiếu đổi ra do làm tròn, số cổ phiếu cổ đông không đăng ký mua hoặc không nộp tiền mua.

16. Các loại thuế có liên quan đến cổ phiếu chào bán

16.1. Thuế thu nhập cá nhân

Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH-12 được Quốc hội thông qua ngày 21/11/2007 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2009 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật Thuế Thu nhập cá nhân có quy định:

Thu nhập từ cổ tức và thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu phải chịu thuế thu nhập cá nhân với mức thuế suất như sau:

Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5% (năm phần trăm); và

Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp nhận cổ tức bằng tiền mặt và trường hợp chuyển nhượng cổ phiếu.

Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu: 0,1% (không phải một phần trăm) tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

16.2. Thuế áp dụng với nhà đầu tư tổ chức

Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất như sau:

Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

$$\text{Thuế thu nhập doanh nghiệp} = \text{Thu nhập tính thuế} \times \text{Thuế suất}$$

Trong đó:

- Thu nhập tính thuế: bằng Tổng giá trị cổ phiếu bán ra trong kỳ - Tổng giá mua cổ phiếu được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán cổ phiếu; và
- Thuế suất: bằng 20% (hai mươi phần trăm).

Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam mà tổ chức này không hoạt động theo Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính như sau:

$$\text{Thuế thu nhập doanh nghiệp} = \text{Thu nhập tính thuế} \times \text{Thuế suất}$$

Trong đó:

- Thu nhập tính thuế: bằng tổng doanh thu bán Cổ Phiếu tại thời điểm chuyển nhượng; và
- Thuế suất: bằng 0,1% (không phải một phần trăm).

17. Thông tin về các cam kết

- Công ty Cổ phần Thuận Đức cam kết triển khai thực hiện đăng ký niêm yết bổ sung toàn bộ cổ phiếu phát hành thêm trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng theo quy định pháp luật.
- Công ty cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

18. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt

- Không có

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Theo phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025 số 1304/2025/NQ-DHDCD-TDP ngày 13/04/2025 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 3005/2025/NQ-HĐQT-TDP ngày 30/05/2025, Công ty Cổ phần Thuận Đức thực hiện chào bán nhằm thanh toán các khoản nợ vay ngắn hạn tại các ngân hàng

Ngoài ra, theo báo cáo tài chính riêng (“BCTC riêng”) năm 2024 đã được kiểm toán, Công ty có số dư tiền gửi ngân hàng là 965 tỷ đồng (trong đó có 600 tỷ đồng tiền gửi có kỳ hạn 01-02 tháng với lãi suất từ 3,25%/năm đến 6,2%/năm). Về nhu cầu phát hành 330 tỷ đồng của Công ty thông qua hình thức phát hành cho cổ đông hiện hữu để trả nợ ngắn hạn Ngân hàng trong khi công ty đang sử dụng vốn để gửi có kỳ hạn ngân hàng, cụ thể như sau:

- **Sử dụng làm tài sản đảm bảo:** Trong tổng số dư tiền gửi ngân hàng 964,82 tỷ đồng, Công ty có 315 tỷ đồng sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay theo yêu cầu của các tổ chức tín dụng về các loại hình tài sản bảo đảm vì vậy không thể dùng phần tiền thế chấp này để trả nợ vay ngắn hạn (chi tiết theo Bảng 48). Còn 649,82 tỷ đồng là tiền gửi ngân hàng không đảm bảo cho nghĩa vụ nợ của Công ty (chi tiết theo Bảng 49).
- **Nhu cầu mua sắm và bảo trì thiết bị (dự kiến 294 tỷ đồng):** Để gia tăng lợi thế cạnh tranh, mở rộng thị trường, đồng thời thúc đẩy tăng trưởng doanh số và phát triển khách hàng, ngày 23/01/2025 và ngày 07/02/2025, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thuận Đức đã trình Hội đồng Quản trị Tờ trình số 02/2025/TTr-TGD-TDP và Tờ trình số 03/2025/TTr-TGD-TDP về Kế hoạch đầu tư mua sắm, sửa chữa máy móc, trang thiết bị giai đoạn 1 và giai đoạn 2 năm 2025.

Các tờ trình trên đã được Hội đồng Quản trị xem xét và thông qua theo Nghị quyết số 1002/2025/NQ-HĐQT-TDP ngày 10 tháng 02 năm 2025, với các nội dung cụ thể như sau:

Bảng 45: Kế hoạch mua sắm và bảo trì thiết bị

STT	Tên sản phẩm/ máy móc	Dự toán số tiền sử dụng (Đồng)
I	Giai đoạn 1: Theo Tờ trình số 02/2025/TTr-TGD-TDP ngày 23/01/2025	
1	Đầu tư vào hệ thống phần mềm và hạ tầng kỹ thuật	9.350.000.000
2	Đầu tư các thiết bị phụ trợ cho các nhà máy	1.400.000.000
3	Đầu tư bổ sung năng lực sản xuất bao dệt và túi dệt	82.932.000.000
4	Đại tu hệ thống máy sợi, máy bấm rửa, tạo hạt, tăng năng lực tạo hạt	10.620.000.000
	Tổng giai đoạn 1	104.302.000.000
II	Giai đoạn 2: Theo Tờ trình số 03/2025/TTr-TGD-TDP ngày 07/02/2025	
1	Đầu tư bổ sung năng lực sản xuất bao dệt cao cấp	19.160.000.000
2	Bổ sung hệ thống máy in và làm túi không dệt	171.000.000.000
	Tổng giai đoạn 2	190.160.000.000
	Tổng cộng	294.462.000.000
<i>(Bảng chữ: Hai trăm chín mươi tư tỷ, bốn trăm sáu mươi hai triệu đồng chẵn)</i>		

- **Góp vốn vào công ty thành viên (dự kiến 230 tỷ đồng):** Theo Tờ trình số 01/2025/TTr-TGD-TDP ngày 10/01/2025 về kế hoạch góp vốn vào các Công ty thành viên trong hệ thống Thuận Đức group năm 2025, được thông qua theo Nghị quyết số 1002/2025/NQ-HDQT-TDP ngày 10 tháng 02 năm 2025, cụ thể như sau:

Bảng 46: Kế hoạch góp vốn vào công ty thành viên

STT	Tên Công ty	Số vốn góp (Đồng)	Mục tiêu	Thời gian dự kiến
1	Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên – Công ty con	60.000.000.000	Tăng vốn cho công ty con để giảm nợ vay/ đầu tư bổ sung thêm tài sản phục vụ thị trường bao bì cao cấp	Quý II năm 2025
2	Công ty CP Thuận Đức JB	50.000.000.000	Đầu tư tăng thêm vốn để triển khai tiếp đầu tư xây dựng tiếp các hạng mục công trình hạ tầng dự án sản xuất bao bì Thuận Đức JB.	Quý III năm 2025
3	Công ty CP Thuận Đức ECO – Công ty liên kết	120.000.000.000	Đầu tư tăng thêm vốn để triển khai tiếp đầu tư xây dựng tiếp các hạng mục công trình hạ tầng dự án, hoàn thiện nhà văn phòng và nhà kho đang triển khai lắp đặt thiết bị.	Quý IV năm 2025
	Tổng cộng	230.000.000.000	<i>(Bảng chữ: Hai trăm ba mươi tỷ đồng chẵn)</i>	

Nguồn: CTCP Thuận Đức

Ngày 25/06/2025, Công ty đã thực hiện góp vốn thêm 60 tỷ đồng vào Công ty con – Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên, qua đó nâng vốn điều lệ của Công ty này từ 210 tỷ đồng lên 270 tỷ đồng. Ngoài ra, Công ty cũng đã chủ động chuẩn bị nguồn vốn để sẵn sàng triển khai các kế hoạch trong tương lai, bao gồm: tăng vốn điều lệ hoặc nhận chuyển nhượng phần vốn góp tại các công ty thành viên là Công ty Cổ phần Thuận Đức JB và Công ty Cổ phần Thuận Đức ECO khi điều kiện phù hợp.

Công ty dự kiến huy động thêm 330 tỷ từ việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để cải thiện hệ số nợ và hệ số thanh toán: Công ty kỳ vọng rằng, sau khi phát hành thành công đủ 330 tỷ đồng, hệ số Nợ vay tài chính ròng/Vốn chủ sở hữu sẽ giảm từ mức 1,2 lần (theo Báo cáo tài chính riêng năm 2024) xuống còn 0,7 lần, phù hợp với mục tiêu đã đề ra. Chi tiết theo bảng dưới đây:

Bảng 47: Bảng tính các hệ số tài chính

Chỉ tiêu BCTC	Mã số	ĐVT	31/12/2024	
			Riêng	Hợp nhất
Tổng nợ phải trả	(1)	Triệu đồng	2.530.582	2.924.013
Tổng nợ vay trước phát hành	(2)	Triệu đồng	2.210.913	2.535.580
Tổng hợp đồng tiền gửi không đảm bảo	(3)	Triệu đồng	649.820	649.820
Tổng cho vay	(4)	Triệu đồng	57.120	74.474
Tổng nợ phải trả nếu sử dụng các khoản tiền để trả nợ	(5) = (2)-(3)-(4)	Triệu đồng	1.503.973	1.811.285
Tiền và tương đương tiền	(6)	Triệu đồng	621.263	626.001
Đầu tư tài chính ngắn hạn	(7)	Triệu đồng	364.820	411.365
Vốn chủ sở hữu trước phát hành	(8)	Triệu đồng	1.009.597	1.019.904
Dự kiến phát hành	(9)	Triệu đồng	330.000	330.000
VCSH sau phát hành	(10) = (8)+(9)	Triệu đồng	1.339.597	1.349.904
Tổng nợ vay sau phát hành	(11) = (2) - (9)	Triệu đồng	1.880.913	2.205.580

Chỉ tiêu BCTC	Mã số	ĐVT	31/12/2024	
			Riêng	Hợp nhất
Hệ số nợ vay tài chính ròng/ VCSH trước phát hành	$(12) = [(2) - (6) - (7)] / (8)$	lần	1,2	1,5
Hệ số nợ vay tài chính ròng/ VCSH sau phát hành	$(13) = [(11) - (6) - (7)] / (10)$	lần	0,7	0,9

Nguồn: CTCP Thuận Đức

- Hiện nay, dòng tiền Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh đang được sử dụng để gửi ngân hạn với giá trị 649,82 tỷ đồng, thay vì dùng để trả nợ trước hạn cho các tổ chức tín dụng. Nguyên nhân:

+ Các tổ chức tín dụng thường áp dụng phí phạt khi trả nợ trước hạn hoặc có thể từ chối giải ngân các khế ước tín dụng tiếp theo;

+ Khi phát vay, các tổ chức tín dụng mong muốn Công ty duy trì khoản vay đến hết thời hạn nhằm tối đa hóa lợi ích của họ.

+ Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, dòng tiền từ doanh thu và dòng tiền để thanh toán các khế ước đến hạn thường không đồng pha về thời điểm. Chính sự chênh lệch về chu kỳ thu – chi này dẫn đến tại thời điểm cuối kỳ kế toán, Công ty thường duy trì một lượng tiền tạm thời nhàn rỗi. Khoản tiền này được quản lý theo nguyên tắc an toàn – thanh khoản – hiệu quả, bằng cách gửi ngân hạn từ 1–3 tháng tại ngân hàng. Điều này vừa đảm bảo khả năng thanh toán đúng hạn các nghĩa vụ tài chính, vừa tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn, phù hợp với thông lệ quản trị tài chính doanh nghiệp.

- Việc duy trì khoản tiền gửi ngân hạn này mang lại một số lợi ích thiết thực cho Công ty, cụ thể:

+ Đảm bảo tính thanh khoản;

+ Tăng tính chủ động trong kế hoạch kinh doanh;

+ Giảm thiểu rủi ro tài chính: Duy trì dòng tiền dự trữ giúp Công ty không phụ thuộc hoàn toàn vào tín dụng ngân hàng trong trường hợp thị trường vốn có biến động hoặc chính sách cho vay thay đổi;

+ Gia tăng hiệu quả sử dụng vốn ngắn hạn: Tiền gửi ngân hạn vẫn tạo ra thu nhập tài chính, góp phần cải thiện kết quả kinh doanh chung trong khi chờ đợi các kế hoạch sử dụng vốn tối ưu hơn.

- Việc cải thiện các chỉ tiêu tài chính trên sẽ tăng chất lượng tín dụng của Công ty, từ đó chính sách của các tổ chức tín dụng đối với Công ty sẽ tốt hơn. Do vậy, chi phí sử dụng vốn của Công ty sẽ được giảm theo.

- Cũng theo bảng trên, tổng nợ vay trước phát hành theo Báo cáo tài chính hợp nhất 2024 là 2.535,58 tỷ. Nếu Công ty dùng toàn bộ số tiền cho vay cá nhân và Hợp đồng tiền gửi không đảm bảo cho các khoản vay tại các tổ chức tín dụng của Công ty để trả nợ thì tổng nợ vay phải trả hợp

nhất vẫn còn là 1.811,285 tỷ. Do đó, Công ty vẫn có nhu cầu phát hành 330 tỷ đồng cho cổ đông hiện hữu để trả nợ các tổ chức tín dụng.

- Hơn nữa, chúng tôi không thể đảm bảo chắc chắn sẽ thu được toàn bộ số tiền 330 tỷ đồng từ các cổ đông nên chúng tôi cần đối chưa sử dụng ngay số tiền 649,82 tỷ đồng để trả nợ ngắn hạn mà duy trì số tiền gửi này để chủ động trong các kế hoạch kinh doanh của Công ty.
- Từ các vấn đề nêu trên, việc phát hành 330 tỷ đồng cho cổ đông hiện hữu của Công ty là thực sự cần thiết.

Chi tiết tiền gửi ngân hàng sử dụng để thế chấp cho các khoản vay theo yêu cầu của các tổ chức tín dụng về các loại hình tài sản bảo đảm:

Bảng 48: Chi tiết các hợp đồng tiền gửi đang đảm bảo cho nghĩa vụ của Công ty tại các Tổ chức tín dụng (315 tỷ đồng)

STT	Ngân hàng gửi tiền	Thời hạn	Mục đích	Ngân hàng vay tiền, nhận đảm bảo	Giá trị hợp đồng tiền gửi tại 31/12/2024 (VND)
1	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Hưng Yên	12 tháng	Đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng số 2400-LAV-202400957 ngày 21/11/2024	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Hưng Yên	49.800.000.000
2	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch 1	12 tháng	Đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng số 01/2024/3435048/HĐTD ngày 24/07/24	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch 1	30.000.000.000
			Đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng số 02/2024/16519333/HĐTD ngày 12/12/2024	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch 1	4.500.000.000
			Đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng số 02/2021/3435048/HĐTD ngày 25/11/2021	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch 1	650.000.000

STT	Ngân hàng gửi tiền	Thời hạn	Mục đích	Ngân hàng vay tiền, nhận đảm bảo	Giá trị hợp đồng tiền gửi tại 31/12/2024 (VND)
			Đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng số VN121010239-001 (04/PLHĐCV) ngày 02/11/2024 của Công ty CP Thuận Đức tại ngân hàng Wooribank	Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm	5.000.000.000
3	Ngân hàng Hongleong Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	12 tháng	Đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng số HN/2021/04/BCB/HĐTD/BS4 ngày 22/01/24	Ngân hàng Hongleong Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	35.500.000.000
4	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Thanh Xuân	12 tháng	Đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng số 266682.24.003.1841958.TD ngày 18/12/2024	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Thanh Xuân	31.050.000.000
5	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Bắc Từ Liêm	12 tháng	Đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng số 102/2023/HĐTD/BTL ngày 21/11/2023	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Bắc Từ Liêm	5.000.000.000
6	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Thăng Long	12 tháng	Đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng số 01/2024/3435048/HĐTD ngày 24/07/24	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Số giao dịch 1	20.000.000.000
7	Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại – Chi nhánh Quảng Ninh	12 tháng	Đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng số 0181/2024-HĐCV-OCEANBANK.CNQN	Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại – Chi nhánh Quảng Ninh	15.000.000.000
8	Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi	12 tháng	Đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng số VN121010239-001 (04/PLHĐCV) ngày 02/11/2024	Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm	18.000.000.000

STT	Ngân hàng gửi tiền	Thời hạn	Mục đích	Ngân hàng vay tiền, nhận đảm bảo	Giá trị hợp đồng tiền gửi tại 31/12/2024 (VND)
	nhánh Hoàn Kiếm		Đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng số HD VN124005321/WBVN101 ngày 20/05/24	Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm	12.500.000.000
9	Ngân hàng Đại Chúng Trách nhiệm hữu hạn Kasikornbank – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng	Đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng số 060/2022/FA.01 ngày 31/10/2024	Ngân hàng Đại Chúng Trách nhiệm hữu hạn Kasikornbank – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	30.000.000.000
10	Ngân hàng BangKok Bank – Chi nhánh Hà Nội	12 tháng	Đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng số BBL-HN 05/2023 ngày 19/06/2023	Ngân hàng BangKok Bank – Chi nhánh Hà Nội	35.000.000.000
11	Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) – Chi nhánh Hà Nội	6 - 12 tháng	Đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng số UOB/HN/CMB/842/002 ngày 22/12/2023	Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) – Chi nhánh Hà Nội	11.000.000.000
12	Ngân hàng Hua Nan Commercial Bank – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng	Đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng số HNHCMCFL-S/48/2024 ngày 04/07/2024	Ngân hàng Hua Nan Commercial Bank – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	12.000.000.000
Tổng cộng					315.000.000.000
<i>(Bảng chữ: Ba trăm mười lăm tỷ đồng chẵn)</i>					

Nguồn: CTCP Thuận Đức

Bảng 49: Các hợp đồng tiền gửi không đảm bảo cho nghĩa vụ của Công ty (649,82 tỷ đồng) tại các tổ chức tín dụng

STT	Ngân hàng	Số dư tiền tại 31/12/2024 (tỷ VND)	Số hợp đồng tiền gửi	Thời hạn gửi tiền	Mục đích
1		50.000.000.000	142/2024/83965	01 tháng	Hợp đồng tiền gửi
2	Ngân hàng	100.000.000.000	142/2024/85100	01 tháng	Hợp đồng tiền gửi
4	Thương mại Cổ phần Công	60.000.000.000	142/2024/85407	01 tháng	Hợp đồng tiền gửi
5	Thương Việt Nam	40.000.000.000	142/2024/85407	01 tháng	Hợp đồng tiền gửi
6	- Chi nhánh Hai	15.000.000.000	142/2024/80637	06 tháng	Hợp đồng tiền gửi
7	Bà Trung	20.000.000.000	142/2024/79764	06 tháng	Hợp đồng tiền gửi
8		10.000.000.000	142/2024/79415	06 tháng	Hợp đồng tiền gửi
8	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	120.000.000.000	128/2024/85407	01 tháng	Hợp đồng tiền gửi
9	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long	4.820.400.000	140/2021/74810	12 tháng	Hợp đồng tiền gửi
10	Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương tín - PGD Nguyễn Khánh Toàn	100.000.000.000	000004192562	02 tháng	Hợp đồng tiền gửi
11	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội	62.000.000.000	HĐTG/27122024/049/0900888800I	01 tháng	Hợp đồng tiền gửi
12		68.000.000.000	HĐTG/27122024/049/0900888800G	01 tháng	Hợp đồng tiền gửi
Tổng cộng		649.820.400.000			

Nguồn: CTCP Thuận Đức

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cổ phần ra công chúng tính theo giá bán là 330.833.430.000 đồng sẽ được Công ty sử dụng cho các mục đích với thứ tự ưu tiên như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Hạn mức (VNĐ)	Số dự kiến trả (VNĐ)	Thời gian dự kiến trả
1	01/2024/3435048/HĐTD Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch 1	900 tỷ	157.833.430.000	Trong năm 2025 và Quý I năm 2026
2	266682.24.003.1841958.TD Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Thanh Xuân	250 tỷ	63.000.000.000	Trong năm 2025 và Quý I năm 2026
3	2400-LAV-202400957 Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Hưng Yên	300 tỷ	110.000.000.000	Trong năm 2025 và Quý I năm 2026
	Tổng cộng		330.833.430.000	

Nguồn: CTCP Thuận Đức

Chi tiết về các mục đích sử dụng vốn nêu trên

1. *Trả nợ vay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch 1 theo Hợp đồng tổng hạn mức tín dụng số 01/2024/3435048/HĐTD ngày 24/07/2024*

- Thông tin về Hợp đồng tổng hạn mức tín dụng số 01/2024/3435048/HĐTD ngày 24/07/2024:
 - Bên cho vay: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch 1; Địa chỉ: Số 191 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; Mã số doanh nghiệp: 0100150619-067
 - Tổng hạn mức tín dụng: 899.960.000.000 đồng
 - Cấp có thẩm quyền phê duyệt Hợp đồng tổng hạn mức tín dụng nêu trên của Công ty: Hội đồng quản trị
 - Mọi quan hệ của Bên cho vay với Công ty và người có liên quan của Công ty: Không có
- Theo Phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được dùng để trả dư nợ gốc vay đến hạn theo Hợp đồng tổng hạn mức tín dụng nêu trên
- Số dư nợ vay phát sinh từ Hợp đồng tổng hạn mức tín dụng nêu trên tính đến ngày 11/11/2025 theo xác nhận của ngân hàng là 511.798.605.601 đồng và 12.183.327,94 USD

2. Trả nợ vay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng vay vốn số 266682.24.003.1841958.TD ngày 18/12/2024

- Thông tin về Hợp đồng vay vốn số 266682.24.003.1841958.TD ngày 18/12/2024 :
 - Bên cho vay: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Thanh Xuân; Địa chỉ: Một phần tầng 1, tầng 2 tòa nhà Gold Tower, số 275 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội; Mã số doanh nghiệp: 0100283873-002
 - Tổng hạn mức tín dụng: 250.000.000.000 đồng
 - Cấp có thẩm quyền phê duyệt hợp đồng vay vốn nêu trên của Công ty: Hội đồng quản trị
 - Mọi quan hệ của Bên cho vay với Công ty và người có liên quan của Công ty: Không có
- Theo Phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được dùng để trả dư nợ gốc vay đến hạn của Hợp đồng vay vốn nêu trên
- Số dư nợ vay phát sinh từ Hợp đồng tổng hạn mức tín dụng nêu trên tính đến ngày 11/11/2025 theo xác nhận của ngân hàng là 247.135.806.942 đồng.

3. Trả nợ vay cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Hưng Yên theo Hợp đồng tín dụng số 2400-LAV-202400957 ngày 21/11/2024

- Thông tin về Hợp đồng vay vốn số 2400-LAV-202400957 ngày 21/11/2024:
 - Bên cho vay: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Hưng Yên; Địa chỉ: 793 Nguyễn Văn Linh, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên; Mã số doanh nghiệp: 0100686174-175
 - Tổng hạn mức tín dụng: 300.000.000.000 đồng
 - Cấp có thẩm quyền phê duyệt hợp đồng vay vốn nêu trên của Công ty: Hội đồng quản trị
 - Mọi quan hệ của Bên cho vay với Công ty và người có liên quan của Công ty: Không có
- Theo Phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được dùng để trả dư nợ gốc vay đến hạn của Hợp đồng vay vốn nêu trên
- Số dư nợ vay phát sinh từ Hợp đồng tổng hạn mức tín dụng nêu trên tính đến ngày 11/11/2025 theo xác nhận của ngân hàng là 291.361.497.376 đồng, 36.727,27 USD và bảo lãnh thanh toán: 1.509.000.000 đồng.

Hiện tại, số dư nợ vay phát sinh từ các hợp đồng hạn mức tín dụng tại 03 ngân hàng nêu trên (Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch 1; Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Thanh Xuân; Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển

Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Hưng Yên) được dùng để bổ sung vốn lưu động Công ty thông qua việc thanh toán các hợp đồng mua hàng hóa, dịch vụ cho các công ty (các giao dịch này đã được Hội đồng quản trị Công ty thông qua).

Tuy nhiên, số dư nợ vay phát sinh từ các hợp đồng hạn mức tín dụng nêu trên có thể thay đổi tại từng thời điểm. Số dư nợ của mỗi hợp đồng hạn mức tín dụng sẽ bao gồm một hoặc nhiều khế ước nhận nợ (hoặc giấy nhận nợ hoặc đơn xin vay vốn) tương ứng với từng lần giải ngân của Ngân hàng cho Công ty. Do tính chất quay vòng liên tục của việc mua hàng và bổ sung vốn lưu động của một công ty ngành hàng sản xuất các sản phẩm từ nhựa, nên thời hạn của các khoản vay cho mỗi lần giải ngân thường từ 8 (tám) đến 9 (chín) tháng. Vì vậy, số dư nợ của mỗi hợp đồng vay có thể không thay đổi đáng kể, tuy nhiên các khế ước nhận nợ của mỗi hợp đồng vay sẽ thay đổi liên tục do việc thanh toán khoản nợ cũ đến hạn và sau đó, giải ngân khoản nợ mới để tài trợ tiếp cho việc mua hàng và bổ sung vốn lưu động của Công ty. Để hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh của Công ty cũng như duy trì mức tăng trưởng hàng năm, thì Công ty phải duy trì thường xuyên các hợp đồng hạn mức tín dụng này.

Công ty cam kết sẽ sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán để trả số dư nợ vay phát sinh theo các hợp đồng hạn mức tín dụng tại 03 ngân hàng nêu trên theo đúng Phương án sử dụng vốn đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 1304/2025/NQ-ĐHĐCĐ-TDP ngày 13/04/2025 của Công ty.

Chi tiết về mục đích vay của các hợp đồng hạn mức tín dụng nêu trên tại 11/11/2025 như sau:

STT	Tên ngân hàng	Số dư tại ngày 11/11/2025	Mục đích vay (dựa trên số dư tại 11/11/2025)
1	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch I Số hợp đồng: 01/2024/3435048/HDTĐ	Nợ vay ngắn hạn 511.798.605.601 VND 12.183.327,94 USD;	<p>Hợp đồng vay có 121 kế ước vay ngắn hạn theo đồng VND, trung bình thời gian trả nợ của các kế ước này là 8,5 tháng, dự kiến sẽ thanh toán hết số dư ngày 11/11/2025 tại ngày 23/07/2026. Cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 102 kế ước nhận nợ: Công ty vay với mục đích thanh toán cho các nhà cung cấp nguyên vật liệu và dịch vụ là: gia công, hạt nhựa nguyên sinh, nguyên phụ liệu khác: hạt màu, vật tư, chỉ may, trục in, cước biển,... với tổng giá trị là: 460.617.633.975 VND với thời gian vay trung bình là 8,5 tháng; - 10 kế ước nhận nợ: Công ty vay với mục đích thanh toán điện và Nguyên phụ liệu khác là: 20.669.774.581 VND; - 9 kế ước nhận nợ: Công ty vay với mục đích thanh toán tiền lương và BHXH với tổng giá trị là: 30.511.197.045 VND. Thời gian trả nợ trung bình là 8,5 tháng. <p>Hợp đồng vay có 93 kế ước vay ngắn hạn theo đồng USD, trung bình thời gian trả nợ của các kế ước này là 8,41 tháng, dự kiến sẽ thanh toán hết số dư ngày 11/11/2025 tại ngày 27/04/2026,</p> <ul style="list-style-type: none"> - 84 kế ước nhận nợ: Công ty vay với mục đích thanh toán cho các nhà cung cấp: màng BOPP, hạt nhựa nguyên sinh, nguyên phụ liệu chỉ may, khóa kéo, gia công, bao xi phế liệu,... với tổng giá trị là: 11.639.344,94 USD với thời gian vay trung bình là: 8,4 tháng; - 6 kế ước nhận nợ: Công ty vay với mục đích vay trả xăng dầu và điện là: 198.717 USD với thời gian vay trung bình là 8,5 tháng; - 3 kế ước nhận nợ: Công ty vay với mục đích vay trả BHXH và lương là: 345.266 USD với thời gian vay trung bình là 8,5 tháng;

2	<p>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Thanh Xuân</p> <p>Số hợp đồng: 266682.24.003.1841958.TD</p>	<p>247.135.806.942 VND</p>	<p>Hợp đồng vay có 46 khế ước vay ngắn hạn, trung bình thời gian trả nợ của các khế ước này là 8 tháng, dự kiến sẽ thanh toán hết số dư ngày 11/11/2025 tại ngày 06/07/2026.</p> <p>- 45 khế ước nhận nợ: Công ty vay với mục đích thanh toán cho các nhà cung cấp: hạt nhựa nguyên sinh, gia công, xăng dầu, thuế kho, nguyên phụ liệu khác: hạt màu, dầu chuỗi, bột đá, chi may, khóa kéo, dịch vụ khác với tổng dư nợ là: 244.171.120.509 VND;</p> <p>- 1 khế ước nhận nợ: Công ty vay vì mục đích thanh toán lương với tổng dư nợ 2.964.686.433 VND</p>
3	<p>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Hưng Yên</p> <p>Số hợp đồng: 2400-LAV-202400957</p>	<p>Nợ vay ngắn hạn: 291.361.497.376 VND 36.727,27 USD; Bảo lãnh thanh toán: 1.509.000.000 VND</p>	<p>Hợp đồng vay có 70 khế ước vay ngắn hạn theo đồng VND, trung bình thời gian trả nợ của các khế ước này là 8 tháng, dự kiến sẽ thanh toán hết số dư ngày 11/11/2025 tại ngày 11/07/2026.</p> <p>- 53 khế ước nhận nợ: Công ty vay với mục đích thanh toán cho các nhà cung cấp: hạt nhựa nguyên sinh, bao xi phê liệu, gia công, nguyên phụ liệu hạt màu, chỉ may, khóa kéo, xăng dầu ... với tổng dư nợ là: 249.080.363.528 VND;</p> <p>- 5 khế ước nhận nợ: Công ty vay với mục đích thanh toán điện, cước vận chuyển với dư nợ là: 4.544.876.085 VND;</p> <p>- 12 khế ước nhận nợ: Công ty vay với mục đích thanh toán lương và BHXH với dư nợ là 37.736.257.763 VND</p> <p>Hợp đồng vay có 02 khế ước vay ngắn hạn theo đồng USD, với tổng dư nợ là 36.727,27 USD với trung bình thời gian trả nợ của các khế ước này là 8 tháng, dự kiến sẽ thanh toán hết số dư ngày 11/11/2025 tại ngày 02/12/2025. Công ty vay vì mục đích thanh toán cho các nhà cung cấp mảng BOPP, mảnh Rpet.</p> <p>Khoản bảo lãnh thanh toán điện lực: 1.509.000.000 VND có thời hạn mở từ 09/12/2024 và hết hạn vào ngày 25/11/2027.</p>

Nguồn: CTCP Thuận Đức

Chi tiết về kế hoạch trả nợ của từ các hợp đồng hạn mức tín dụng từ ngày 11/11/2025 đến Q1/2026 như sau:

Tên ngân hàng và số HĐTD	Lãi suất năm	Lịch trình trả nợ dự kiến (11/11/2025)			
		T12/2025	T1/2026	T2/2026	T3/2026
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Số giao dịch 1 01/2024/3435048/HĐTD	4,7%-7,2%	141 tỷ đồng	41 tỷ đồng; 227.780 USD	2.444.199 USD; 62 tỷ đồng	6.904.019 USD
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Thanh Xuân 266682.24.003.1841958.TD	5,0%-6,9%	0,5 tỷ đồng	28 tỷ đồng	21 tỷ đồng	65,5 tỷ đồng
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Hưng Yên 2400-LAV-202400957	6,4%-6,5%	36.727,27 USD; 31 tỷ đồng	11 tỷ đồng		37 tỷ đồng

Nguồn: CTCP Thuận Đức

Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn huy động từ đợt chào bán: Trong trường hợp cổ phiếu không được đăng ký mua hết dẫn đến số tiền thu được từ đợt chào bán không đạt đủ như dự kiến. Công ty sẽ thực hiện sử dụng tiền theo thứ tự ưu tiên (từ trên xuống dưới). Hội đồng quản trị Công ty sẽ quyết định cân đối lại nguồn vốn và sử dụng linh hoạt các nguồn vốn hợp pháp khác để đưa ra phương án xử lý phù hợp với thực tế hoạt động của Công ty tại thời điểm sử dụng vốn.

Thời gian dự kiến triển khai chào bán: Dự kiến trong năm 2025. Thời điểm cụ thể do HĐQT quyết định sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán và công bố thông tin theo quy định.

Các thông tin quan trọng khác có thể ảnh hưởng đến quyết định của nhà đầu tư: Không có.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN

1. Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap (Vietcap)

Trụ sở chính:

Tầng 15, Tháp tài chính Bitexco, số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 3914 3588 Fax: (84-28) 3914 3209

Website: www.vietcap.com.vn

Phòng giao dịch Nguyễn Huệ

Tòa nhà Vinatex – Tài Nguyên, số 10 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 8882 6868 Fax: (84-28) 3914 3209

Phòng giao dịch Hàm Nghi

Tầng 16, Tòa nhà Doji, số 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 8882 6868

Chi nhánh Hà Nội:

Tầng 6, Tòa nhà số 109 Phố Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 6262 6999 Fax: (84-24) 6278 2688

Phòng giao dịch Mỹ Đình

SAP.A09 Tòa A – Chung cư cao tầng HH2-1 (The Matrix One), Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội (Số 1 Lê Quang Đạo)

Điện thoại: (84-28) 8882 6868 Fax: (84-24) 6278 2688

Ý kiến của Tổ chức tư vấn đối với đợt chào bán

Trên cơ sở các thông tin mà Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap đã thu thập được về CTCP Thuận Đức và đợt chào bán cổ phiếu, với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap có một số nhận định như sau: Công ty có những thế mạnh nhất định như hoạt động kinh doanh lâu năm trong ngành, đội ngũ Ban quản trị, cán bộ công nhân viên giàu kinh nghiệm, có chuyên môn cao. Bên cạnh đó, định hướng phát triển của Công ty hoàn toàn phù hợp với triển vọng phát triển của ngành.

Khối lượng chào bán đợt này là tối đa 22.055.562 cổ phiếu, là đợt chào bán có quy mô lớn so với quy mô của các đợt chào bán của các doanh nghiệp trên thị trường chứng khoán Việt Nam gần đây. Tuy nhiên, với vị thế hiện tại của Công ty và mức giá chiết khấu cho đối tượng phát hành là cổ đông hiện hữu, Tổ chức tư vấn đánh giá tính khả thi của đợt chào bán này là cao.

2. Tổ chức kiểm toán

Đơn vị kiểm toán năm 2023 và 2024:

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 18, Tòa nhà Corner Stone, số 16 Phan Chu Trinh, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: +84 24 3831 5100

Website: www.ey.com

Đơn vị kiểm toán năm 2025:

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN GRANT THORNTON VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Hòa Bình International, số 106 Hoàng Quốc Việt, phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: +84 24 3850 1686

Website: www.grantthornton.com.vn

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

XII. PHỤ LỤC

1. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0900264799, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp, thay đổi lần thứ 17 ngày 26/09/2024.
2. Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 số 1304/2025/NQ-ĐHĐCĐ-TDP ngày 13/04/2025.
3. Tờ trình số 07/2025/TTr-ĐHĐCĐ-TDP ngày 13/04/2025 v/v Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Văn bản số 0809/2025/CBTT-TDP ngày 09/09/2025 về việc đính chính Tờ trình số 07/2025/TTr-ĐHĐCĐ-TDP ngày 13/04/2025.
4. Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 3005/2025/NQ-HĐQT-TDP ngày 30/05/2025 thông qua triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu. Văn bản số 1609/2025/CBTT-TDP ngày 16/09/2025 về việc đính chính Nghị quyết HĐQT số 3005/2025/TTr-HĐQT. Văn bản số 1110/2025/CBTT-TDP ngày 11/10/2025 đính chính thông tin đã công bố tại Văn bản số 1609/2025/CBTT-TDP ngày 16/9/2025.
5. Nghị quyết HĐQT số 2609/2025/NQ-HĐQT-TDP ngày 26/09/2025
6. Báo cáo tài chính:
 - BCTC riêng và hợp nhất năm tài chính 2023 và 2024 được kiểm toán.
 - BCTC riêng và hợp nhất bán niên soát xét 2025.
 - BCTC riêng và hợp nhất 9 tháng năm 2025.
7. Văn bản số 1110/2025/CV-TDP ngày 11/10/2025 của HĐQT về việc cam kết sẽ triển khai thực hiện niêm yết bổ sung
8. Văn bản số 3005/2025/CV-TDP ngày 30/5/2025 của Công ty về việc cam kết Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 15 của Luật Chứng khoán
9. Văn bản xác nhận tài khoản phong tỏa số 650/NHNoHY-KTNQ ngày 22/5/2025 v/v xác nhận tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu trong đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh tỉnh Hưng Yên (do Phó Giám đốc Chi nhánh tỉnh Hưng Yên – Dương Bích Minh Thanh ký) cho Công ty (Số TK: 2400201007831).
10. Điều lệ Công ty Cổ phần Thuận Đức ngày 13/04/2025
11. Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 0809/2023/NQ-ĐHĐCĐ-TDP ngày 08/09/2023 đến ngày 16/4/2024 (đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng theo Giấy chứng nhận số 02/GCN-UBCK ngày 08/01/2024 và kết thúc ngày 05/4/2024)
12. Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu TDPH2326001 còn dư nợ tại ngày 30/6/2025 (đợt chào bán trái phiếu ra công chúng theo Giấy chứng nhận số 07/GCN-UBCK ngày 15/01/2024 và kết thúc ngày 29/3/2024)
13. Tài liệu liên quan đến phương án sử dụng vốn:
 - Các văn bản xác nhận số dư tại ngày 11/11/2025 của 3 ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh SGD 1, Ngân hàng TMCP Quân đội – chi nhánh Thanh Xuân, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh tỉnh Hưng Yên

Hưng Yên, ngày 28 tháng 11 năm 2025.

Đại diện tổ chức phát hành
CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



BÙI QUANG SỸ

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ĐÀO THỊ NGÀ

Đại diện tổ chức tư vấn
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP

TỔNG GIÁM ĐỐC



TÔN MINH PHƯƠNG